**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN**

--------------------------------

ĐỀ ÁN

**TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP GẮN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM OCOP VÀ DU LỊCH SINH THÁI – VĂN HÓAHUYỆN TIÊN YÊN, TỈNH QUẢNG NINH,**

**GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG 2030**

**Tiên Yên, 21/10/2021**

**DANH MỤC MỘT SỐ TỪ, THUẬT TỰ VIẾT TẮT**

**DANH MỤC TỪ, THUẬT TỪ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| ATTP | An toàn thực phẩm |
| BQ | Bình quân |
| DN | Doanh nghiệp |
| DTTS | Dân tộc thiểu số |
| ĐVT | Đơn vị tính |
| HĐND | Hội đồng nhân dân |
| HTX | Hợp tác xã |
| KHCN | Khoa học công nghệ |
| KHKT | Khoa học kỹ thuật |
| KTXH | Kinh tế xã hội |
| NQ | Nghị quyết |
| NSNN | Ngân sách nhà nước |
| NTM | Nông thôn mới |
| OCOP | Chương trình mỗi xã một sản phẩm |
| PTNT | Phát triển nông thôn |
| QĐ-TTg | Quyếtđịnh Thủ tướng |
| TCVN | Tiêu chuẩn Việt Nam |
| THT | Tổ hợp tác |
| TNHH | Trách nhiệm hữu hạn |
| TT | Thứ tự |
| UBND | Ủy ban nhân dân |
| XHCN | Xã hội chủ nghĩa |

**MỤC LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ** | 1 |
| 1 | Sự cần thiết xây dựng Đề án | 1 |
| 2 | Căn cứ pháp lý để xây dựng Đề án | 2 |
| 2.1 | Văn bản Trung ương | 2 |
| 2.2 | Văn bản của tỉnh | 4 |
| 2.3 | Văn bản của huyện | 5 |
| 3 | Phạm vi không gian vùng Đề án | 5 |
|  | [**PHẦN II**.](#_Toc56742869) **THỰC TRẠNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ-XÃ HỘI, CƠ CẤU KINH TẾ, CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ DU LỊCH SINH THÁI HUYỆN TIÊN YÊN, TỈNH QUẢNG NINH** | 7 |
| 1 | Đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội huyện Tiên Yên | 7 |
| 1.1 | Điều kiện tự nhiên | 7 |
| 1.2 | Phát triển kinh tế-xã hội | 11 |
| 1.2.1 | Kinh tế | 11 |
| 1.2.2 | Xã hội | 11 |
| 1.3 | Đánh giá thuận lợi, khó khăn và thách thức | 12 |
| 1.3.1 | Về thuận lợi và cơ hội | 12 |
| 1.3.2 | Khó khăn, nguy cơ thách thức | 13 |
| 2 | Đánh giá thực trạng phát triển và kết quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp huyện Tiên Yên đến năm 2020 | 14 |
| 2.1 | Kết quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp huyện Tiên Yên đến năm 2020 | 14 |
| 2.1.1 | Đánh giá tình hình tăng trưởng và kết quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Tiên Yên giai đoạn 2015-2020 | 14 |
| 2.1.2 | Phân tích kết quả nổi bật, khó khăn thách thức trong cơ cấu lại nông nghiệp huyện Tiên Yên đến năm 2020 | 14 |
| 2.2 | Đánh giá thực trạng sản xuất | 15 |
| 2.2.1 | Thực trạng sản xuất nông nghiệp | 15 |
| 2.2.2 | Thực trạng phát triển sản phẩm OCOP | 27 |
| 2.2.3 | Thực trạng xây dựng nông thôn mới huyện Tiên Yên | 30 |
| 2.2.4 | Thực trạng du lịch sinh thái - văn hóa | 32 |
| 3 | Chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển nông nghiệp gắn xây dựng nông thôn mới của Việt Nam và tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | 39 |
| 3.1 | Chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển nông nghiệp gắn xây dựng nông thôn mới của Việt Nam | 39 |
| 3.2 | Chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển nông nghiệp gắn xây dựng nông thôn mới của tỉnh Quảng Ninh | 40 |
| 3.3 | Tính phù hợp của Đề án đối với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện Tiên Yên trong tương lai | 40 |
| 3.4 | Một số đề án, dự án, chương trình tại huyện Tiên Yên | 41 |
|  | **PHẦN III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI, TÁI CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP GẮN VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM OCOP VÀ DU LỊCH SINH THÁI-VĂN HÓA HUYỆN TIÊN YÊN, GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030** | 42 |
| 1 | Quan điểm | 42 |
| 2 | Mục tiêu của Đề án | 42 |
| 2.1 | Mục tiêu tổng quát | 42 |
| 2.2 | Mục tiêu cụ thể | 42 |
| 2.2.1 | Đến năm 2025 | 42 |
| 2.2.2 | Định hướng đến năm 2030 | 43 |
| 3 | Nội dung, nhiệm vụ | 43 |
| 3.1 | Tái cơ cấu phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gắn liên kết sản xuất và chủ thể sản xuất | 43 |
| 3.1.1 | Lĩnh vực trồng trọt | 43 |
| 3.1.2 | Lĩnh vực chăn nuôi | 45 |
| 3.1.3 | Lĩnh vực lâm nghiệp | 47 |
| 3.1.4 | Lĩnh vực thủy sản | 48 |
| 3.1.5 | Về thủy lợi  | 49 |
| 3.2 | Tái cơ cấu nông nghiệp gắn xây dựng nông thôn mới và mô hình làng thông minh | 49 |
| 3.2.1 | Tái cơ cấu nông nghiệp gắn xây dựng nông thôn mới  | 49 |
| 3.2.2 | Tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng mô hình làng thông minh | 52 |
| 3.3 | Tái cơ cấu phát triển sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị | 54 |
| 3.4 | Tái cơ cấu nông nghiệp gắn phát triển du lịch sinh thái - văn hóa | 56 |
| 3.5 | Đối tượng chiến lược cần can thiệp để tập trung tái cơ cấu | 60 |
| 4 | Các giải pháp thực hiện Đề án | 62 |
| 4.1 | Giải pháp về cơ chế, chính sách | 62 |
| 4.2 | Giải pháp về quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông cho vùng sản xuất tập trung | 62 |
| 4.3 | Giải pháp đối với bộ máy quản lý ngành nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp và phát triển nguồn nhân lực chủ thể của sản xuất nông nghiệp | 64 |
| 4.3.1 | Giải pháp đối với bộ máy quản lý ngành nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp | 64 |
| 4.3.2 | Giải pháp phát triển nguồn nhân lực chủ thể của sản xuất nông nghiệp | 65 |
| 4.4 | Giải pháp về bảo quản, chế biến sản phẩm | 66 |
| 4.5 | Giải pháp về tổ chức sản xuất | 67 |
| 4.6 | Giải pháp về thị trường tiêu thụ | 68 |
| 4.7 | Giải pháp về chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHKT, gia tăng giá trị sản xuất  | 68 |
| 4.8 | Giải pháp liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm | 69 |
| 4.9 | Giải pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức | 70 |
| 4.10 | Giải pháp về vốn đầu tư | 70 |
| 4.11 | Giải pháp cho phát triển du lịch sinh thái-văn hóa | 70 |
| 5 | Khái toán vốn đầu tư | 71 |
| 6 | Hiệu quả đầu tư | 71 |
| 6.1 | Hiệu quả về kinh tế - xã hội | 71 |
| 6.2 | Hiệu quả về an ninh chính trị và quốc phòng | 72 |
| 6.3 | Hiệu quả về môi trường | 72 |
| 7 | Tổ chức thực hiện | 72 |
| 7.1 | Đối với các phòng, trung tâm trong huyện | 72 |
| 7.1.1 | Phòng Nông nghiệp và PTNT (cơ quan thường trực) và Trung tâm dịch vụ nông nghiệp | 72 |
| 7.1.2 | Phòng Tài chính - Kế hoạch | 73 |
| 7.1.3 | Phòng Tài nguyên và Môi trường | 73 |
| 7.1.4 | Phòng Kinh tế - Hạ tầng | 73 |
| 7.1.5 | Phòng Văn hóa & Thông tin, Trung tâm Truyền thông & Văn hóa | 73 |
| 7.2 | Đối với UBND các xã, thị trấn | 73 |
| 7.3 | Các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan lĩnh vực nông lâm nghiệp - thủy sản | 74 |
| 8 | Kiến nghị | 74 |
| 8.1 | Đối với HĐND và UBND tỉnh Quảng Ninh | 74 |
| 8.2 | Đối với các Vụ, Viện, Trường Đại học | 74 |
|  | **Phụ lục** |  |

**Phần I**

**ĐẶT VẤN ĐỀ**

**1. Sự cần thiết xây dựng Đề án**

Tái cơ cấu ngành nông nghiệp là một phần của tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế, phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển KTXH; gắn với xây dựng NTM bền vững; phù hợp với các chiến lược, quy hoạch phát triển KTXH địa phương, góp phần nâng cao giá trị, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp, khai thác và phát huy tốt các sản phẩm nông nghiệp tiềm năng của địa phương. Mục đích của tái cơ cấu nông nghiệp nhằm cải thiện đời sống của nông dân các vùng nông thôn và giảm nghèo bền vững, đồng thời bảo vệ môi trường sinh thái; xây dựng nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả với chất lượng sản phẩm cao đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và hướng tới xuất khẩu. Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ “*về phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững*”, tỉnh Quảng Ninh đã triển khai chỉ đạo thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tại các địa phương nhằm xây dựng và quy hoạch được chiến lược phát triển KTXH tổng thể, góp phần phát triển bền vững và ổn định KTXH.

Xây dựng NTM là nội hàm rất rộng, bao gồm các nội dung của đời sống văn hóa-xã hội nông thôn cũng như các liên quan đến sản xuất ở nông thôn nhằm mục tiêu cuối cùng là tạo ra một NTM, phát triển toàn diện cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Tính riêng với chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM, sau khi đạt chuẩn xã NTM, nhiều địa phương tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng các tiêu chí, hướng đến xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

Cùng với xây dựng NTM đang là một trong những vấn đề thời sự được quan tâm hàng đầu ở nước ta, tạo nên thành công nổi bật có tính đột phá về đời sống xã hội và bộ mặt của nông thôn sau gần 10 năm xây dựng NTM, phát triển các loại hình du lịch theo hướng bền vững, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái-văn hóa ngày càng được quan tâm hơn để tạo ra các giá trị gia tăng cho quốc gia cũng như địa phương thông qua khai thác nền “*công nghiệp không có ống khói*” này. Có nhiều loại hình du lịch phù hợp với du lịch cộng đồng như du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch làng nghề, du lịch dân tộc hay bản địa và du lịch văn hóa.

Tiên Yên là huyện nằm ở vị trí trung vị giữa thành phố Móng Cái và thành phố Hạ Long của tỉnh Quảng Ninh, đã từng là thị xã tỉnh lỵ của tỉnh Hải Ninh trước đây, là nơi hội tụ những con đường, dòng sông, cảnh sắc thiên nhiên kỳ thú, thơ mộng, do đó có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến. Trong tương lai gần, với quá trình đô thị hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ, Tiên Yên có thể trở thành một đô thị được đánh giá rất đẹp, đô thị ngã ba sông, có sông, biển, đảo, núi rừng và đồng bằng. Trong những năm qua, Tiên Yên là một trong những địa phương của Quảng Ninh có sự bứt phá ngoạn mục trong phát triển KTXH, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất nông nghiệp, trở thành huyện phát triển mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực cả về số lượng,... Cùng với đó, công tác phát triển du lịch, dịch vụ ở huyện cũng ngày càng tỏ ra có lợi thế và ngày càng được quan tâm, chú trọng đầu tư phát triển để góp phần tái cơ cấu kinh tế cũng như tái cơ cấu nông nghiệp. Các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân ngày càng tích cực tham gia đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ, du lịch, thương mại và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, đồng thời nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch-dịch vụ truyền thống, đặc trưng của địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được cũng còn tồn tại khá nhiều khó khăn, thách thức, hạn chế, yếu kém trong quá trình tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng NTM, phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị cần sớm khắc phục như: Tỷ trọng thương mại-dịch vụ vẫn còn ở mức khiêm tốn, cơ cấu ngành nông nghiệp chưa xứng tầm với tiềm năng lợi thế địa phương; Mô hình phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa còn ít; Đào tạo nghề cho lao động nông thôn còn hạn chế, chất lượng đào tạo một số nghề đạt thấp; Sản phẩm du lịch của huyện còn đơn điệu, chưa hấp dẫn, cũng như chưa khai thác hết các tiềm năng, lợi thế của địa phương; Một số sản phẩm OCOP đã có liên kết chuỗi nhưng chưa chặt chẽ, còn một số sản phẩm hầu như chưa có liên kết chuỗi giá trị,…

Với những tiềm năng lợi thế về nhiều mặt cũng như được sự quan tâm tạo điều kiện của Trung ương và tỉnh Quảng Ninh, huyện Tiên Yên hoàn toàn có thể phát huy hơn nữa những kết quả đạt được để tái cơ cấu kinh tế, tái cơ cấu nông nghiệp, không ngừng nâng cao chất lượng xây dựng NTM, phát triển du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng, sớm đưa Tiên Yên trở thành một huyện NTM kiểu mẫu điển hình về mọi mặt, gắn liền phát triển kinh tế đi kèm với phát triển văn hóa, du lịch và dịch vụ, làm tấm gương điển hình trên phạm vi toàn quốc. Vì vậy, Đề án “*Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM, phát triển sản phẩm OCOP và du lịch sinh thái - văn hóa huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030*” (sau đây gọi tắt là Đề án) có ý nghĩa quan trọng trong phát triển KTXH và đô thị hóa, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế, tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng xây dựng một nền nông nghiệp thịnh vượng, nông dân giàu có, đời sống nông thôn văn minh, hạnh phúc; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên cơ sở phát huy tất cả tiềm năng lợi thế so sánh của địa phương, góp phần hoàn thiện đầy đủ các tiêu chí để huyện Tiên Yên đạt đô thị loại III trước năm 2025 và tiến tới tái lập thị xã Tiên Yên trước năm 2027.

**2. Căn cứ pháp lý để xây dựng Đề án**

**2.1. Văn bản Trung ương**

1. Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về *Phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững*;

2. Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về *Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn 2030*;

3. Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ *Ban hành Tiêu chí huyện NTM và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM*;

4. Nghị quyết số1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về *Phân loại đô thị;*

5. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về *Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;*

6. Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ *Phê duyệtChương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020*;

7. Quyết định số 2714/QĐ-BVHTTDL ngày 03/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về *Phê duyệt Đề án chiến lược phát triển sản phẩm du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*;

8. Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc *Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016 – 2020*;

9. Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội về *Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp*;

10. Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về *Hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016 – 2020*;

11. Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 4/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về *Ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp;*

12 Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ *Ban hànhChương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 16/01/2017 của Bộ chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*;

13.Luật Du lịch số 09/2017/QH14*;*

14. Quyết định số 490/2018/QĐ-TTg ngày 7/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về *Phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020;*

15. Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 5/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về *Ban hành Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020;*

16. Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về *Khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*;

17. Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc *Ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030*;

18. Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về *Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*;

19. Nghị quyết số 837/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về việc *Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã thuộc tỉnh Quảng Ninh.*

20. Thông báo số 449/TB-VPCP ngày 30/12/2019 của Văn phòng Chính phủ thông báo *Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020;*

21. Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về *Cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn*;

22. Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về *Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*;

23. Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về *Phê duyệtĐề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 – 2030;*

24. Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của Bộ Xây dựng về việc *Công nhận thị trấn Tiên Yên mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV trực thuộc huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh*;

25. Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về *Phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.*

**2.2. Văn bản của tỉnh**

1. Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 04/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc *Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng mở rộng thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

2. Nghị quyết số 194/2019/NQ-HĐND ngày 30/07/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ninh *Ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh;*

3. Quyết định số [35/2019/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=35/2019/Q%C4%90-UBND&match=True&area=2&lan=1&bday=11/11/2019&eday=11/11/2019) ngày 11/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về *Ban hành Quy định triển khai thực hiện Nghị quyết số 194/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019của HĐND tỉnh Quảng Ninh về* c*hính sách khuyến khích đầu tư, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh;*

4. Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 28/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh về *Phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;*

5. Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 – 2025.

6. Chương trình hành động số 60/CTr-UBND ngày 6/1/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về *Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 28/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh về Phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;*

7. Chương trình hành động số 52/CTr-UBND ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về *Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 – 2025*;

8. Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 6/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc *Triển khai thực hiện Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 – 2030*;

9. Nghị quyết 313/2020/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về *Một số cơ chế tài chính khuyến khích hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong hoạt động KHCN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025*;

10. Quyết định số 4545/QĐ-UBND ngày 9/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về việc *Phê duyệt Kết quả Đề án: Điều tra, đánh giá các mô hình rừng trồng và đề xuất danh mục loài cây bản địa cung cấp gỗ lớn có giá trị cao ở tỉnh Quảng Ninh*;

11. Chương trình hành động số 35/CTr-UBND ngày 08/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về việc *Thực hiện Nghị quyết Đại hội và Chương trình hành động số 01/CT-TU ngày 09/10/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025;*

12. Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về việc *Công nhận các xã thuộc huyện Tiên Yên đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2020.*

13. Quyết định số 840/QĐ-UBND, ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về việc *Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Tiên Yên*.

14. Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 04/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*;

15. Quyết định số 4839/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 Phê duyệt *Đề án Phát triển du lịch cộng đồng bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*.

**2.3. Văn bản của huyện**

1. Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 9/1/2015 của UBND huyện Tiên Yên v/v: *Phê duyệt Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung huyện Tiên Yên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 5749/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Tiên Yên;*

2. Quyết định số 28/QĐ-UBND, ngày 9/1/2015 của UBND huyện Tiên Yên về việc *Phê duyệt Quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản mặn lợ huyện Tiên Yên đến năm 2002, định hướng năm 2030*;

3. Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 của HĐND huyện Tiên Yên về *Thông qua Đề án phát triển du lịch huyện Tiên Yên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*;

4. Quyết định số Quyết định số 5713/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND huyện về *Phê duyệtQuy hoạch chi tiết vùng nuôi nhuyễn thể tại các xã Đồng Rui, Hải Lạng, Tiên Lãng, Đông Hải huyện Tiên Yên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;*

5. Quyết định số 4616/QĐ-UBND ngày 3/8/2018 của UBND huyện Tiên Yên về việc *Phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/2000 vùng nuôi trồng thủy sản tại xã Hải Lạng huyện Tiên Yên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*;

6. Quyết định số 5749/QĐ-UBND ngày 5/10/2018 của UBND huyện *Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung*;

7. Chương trình hành động số 33-CTr/HU ngày 29/5/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy *Thực hiện Nghị quyết số19-NQ/TU ngày 28/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh về Phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;*

8. Quyết định số 2912/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND huyện Tiên Yên về *Phê duyệt chủ trương đầu tư lập Đề án* “*Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn xây dựng NTM, phát triển sản phẩm OCOP và du lịch sinh thái huyện Tiên Yên giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030*”;

9. Nghị quyết ngày 22/07/2020của *Đại hội Đảng bộ huyện Tiên Yên lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020 – 2025*;

10. Chương trình hành động về *Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ XV; nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Tiên Yên lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020 – 2025;*

11*.*Nghị quyết số 40 NQ-HĐND ngày 23/7/2021 của Chủ tịch HĐND huyện Tiên Yên về việc *Phế chuẩn, điều chỉnh, bổ sung danh mục dự kiến đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và danh mục dự kiến đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách huyện quản lý.*

**3. Phạm vi không gian vùng Đề án**

Phạm vi không gian vùng Đề án bao gồm 10 xã và 1 thị trấn(11 đơn vị). Trong đó có 4 xã chưa đạt chuẩn NTM nâng cao là: Đại Dực, Phong Dụ, Điền Xá và Hà Lâu; có 3 xã: Đông Hải, Đông Ngũ và Tiên Lãng đã được UBND tỉnh Quảng Ninh công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; 3 xã đạt chuẩn NTM nâng cao là Đồng Rui, Yên Than và Hải Lạng. Như vậy, cùng với thị trấn Tiên Yên, 5 xã vùng lõi gồm: Tiên Lãng, Đông Ngũ, Đông Hải, Hải Lạng, Yên Than phấn đấu trở thành phường đô thị trước năm 2027. Phạm vi không gian vùng Đề án này sẽ bao gồm 11 đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn.

**Phần II**

**THỰC TRẠNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ-XÃ HỘI, CƠ CẤU KINH TẾ, CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ DU LỊCH SINH THÁI HUYỆN TIÊN YÊN, TỈNH QUẢNG NINH**

**1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên, KTXH huyện Tiên Yên**

**1.1. Điều kiện tự nhiên**

***a) Vị trí địa lý***

Tiên Yên là huyện miền núi, ven biển nằm ở vị trí trung tâm khu vực miền Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh, có tọa độ địa lý 21o11’ đến 21o vĩ độ Bắc và từ 107o13’ đến 107o32’ kinh độ Đông. Vị trí tiếp giáp của huyện Tiên Yên như sau: Phía Bắc và Tây Bắc giáp huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn; Phía Nam giáp Vịnh Bắc Bộ; Phía Tây Nam giáp huyện Ba Chẽ và thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Phía Đông Bắc giáp huyện Bình Liêu và Đông Nam giáp huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh.

Tiên Yên có vị trí chiến lược, xung yếu về quân sự quan trọng đối với vùng Đông Bắc của Tổ quốc, do đó được Đảng, Nhà nước quan tâm đầu tư cho phát triển kinh tế, xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh.

***b) Địa hình***

Tiên Yên là huyện có địa hình trung du, miền núi ven biển, nằm trong cánh cung Đông Triều - Móng Cái. Phía Đông Bắc là vùng đồi núi thấp, phía Tây Bắc huyện là vùng đồi núi thấp độ cao từ 100 – 400 m, phía Nam là vùng đồng bằng phù sa ven biển, địa hình tương đối dốc thoải, lượn sóng, độ cao trung bình từ +24 m, cao nhất +50 m, thấp nhất +1-3 m, thấp thoải dần từ Bắc-Tây Bắc xuống Nam-Đông Nam ra hướng biển. Theo đặc điểm địa hình, huyện Tiên Yên chia thành 2 vùng.

- Vùng miền núi: Gồm 5 xã (Hà Lâu, Điền Xá, Yên Than, Phong Dụ và Đại Dực) ở phía Bắc-Tây Bắc, địa hình chia cắt mạnh, bị xói mòn rửa trôi mạnh, chủ yếu là rừng, cây đặc sản và phát triển chăn nuôi.

- Vùng đồng bằng ven biển: Gồm 5 xã (Đông Ngũ, Đông Hải, Hải Lạng, Tiên Lãng, Đồng Rui) và thị trấn Tiên Yên nằm ven biển, thuận lợi phát triển nông-lâm nghiệp và khai thác, nuôi trồng thủy hải sản ven biển.

Địa hình đa dạng đã tạo cho Tiên Yên điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế nhiều ngành nghề, đa dạng hóa sản phẩm. Địa hình núi cao phù hợp cho phát triển lâm nghiệp, cây dược liệu, cho chăn nuôi gia súc, gia cầm. Địa hình trung du và đồng bằng ven biển phù hợp phát triển lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản. Dạng địa hình ven biển của huyện Tiên Yên rất thuận lợi cho phát triển ngành du lịch sinh thái.

***c) Khí hậu***

Huyện Tiên Yên mang đặc trưng của vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa miền núi đới cao, phân hóa 2 mùa: Mùa mưa, đồng thời là mùa hạ nóng ẩm, mùa đông lạnh, chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc. Nhìn chung khí hậu Tiên Yên có đủ lượng nhiệt, ánh sáng mặt trời, lượng mưa dồi dào thuận lợi cho phát triển nhiều loại cây trồng, cây lương thực (lúa, ngô, khoai, sắn), cây thực phẩm (rau xanh, đậu,…), cây công nghiệp ngắn ngày (đậu tương, lạc,…).

- Về nhiệt độ: Ở những vùng thấp dưới 200 m có tổng tích ôn năm là 8.0000C và nhiệt độ trung bình là 22,40C, vùng cao từ 200 – 700m có tổng tích ôn 7.5000C và nhiệt độ trung bình là 19 -260C. Vùng núi cao trên 700m có tổng tích ôn 6.0000C và nhiệt độ trung bình là 190C.

 - Về chế độ mưa: Lượng mưa trung bình hằng năm khoảng 2.385 mm, năm cao nhất lên đến 3.667,4mm, năm thấp nhất là 1.103,8mm. Số ngày mưa trong năm trung bình 163 ngày, mùa mưa nhiều nhất từ tháng 5 đến tháng 10, mùa mưa ít từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa phân bố không đều trong năm, mưa thường tập tung từ tháng 3 đến tháng 9, chiếm 80-85% tổng lượng mưa cả năm, lượng mưa lớn nhất vào tháng 7 khoảng 452 mm, lượng mưa nhỏ nhất vào tháng 12 và tháng 1 khoảng 30mm.

- Thủy triều vùng Tiên Yên là chế độ nhật triều trong một ngày có một lần nước lên và một lần nước xuống. Các sông nhật triều có biên độ lớn từ 70 – 90cm, độ lớn thủy triều vùng Tiên Yên như sau: Cực đại đạt 480 cm; trung bình đạt 340 cm; cực tiểu đạt 195 cm. Thủy triều mạnh thường xuất hiện ở các tháng 6, 7 và 8.

- Thủy hóa: Nhiệt độ nước biển thay đổi theo mùa, cực đại vào mùa hè, cực tiểu vào mùa đông.

- Hệ thống sông: Huyện Tiên Yên có hai con sông lớn là sông Tiên Yên bắt nguồn từ Trung Quốc, chảy qua huyện Bình Liêu xuống và sông Phố Cũ có nguồn gốc từ Lạng Sơn chảy xuống. Do dòng chảy qua địa hình đồi núi có độ dốc cao nên hằng năm thường có lũ lớn. Sông Tiên Yên chảy theo hướng Bắc Nam và Đông Bắc đổ vào vụng Tiên Yên ở cửa sông Tiên Yên, độ dốc lòng sông 0,6%, lưu vực thường có hình nan quạt tạo dòng chảy tập trung nhanh. Độ cao lưu vực phần lớn tập trung hai bên bờ sông, phía Đông và Tây, lưu vực có tới 90% là vùng núi. Dòng chảy bình quân nhiều năm đạt tới 461s/km2. Mùa mưa lũ dòng chảy lớn, mùa này dòng chảy đạt tới 81,7% lượng chảy cả năm, lũ lên xuống nhanh kéo dài từ 1-2 ngày mỗi đợt. Khi có mưa lượng nước dâng cao đột ngột, hết mưa lượng nước lại cạn kiệt ngay, lũ chính vụ thường xuất hiện từ tháng 5 đến tháng 10 đỉnh lũ lớn, tập trung nhanh, biên độ lũ trung bình 4 m (Lũ chính vụ xuất hiện trong các tháng mùa lũ từ tháng 5-10 đỉnh lũ lớn, tập trung nhanh, biên độ lũ trung bình 4 m; lũ sớm thường xuất hiện vào các tháng 2, tháng 4, tháng 5 gây ra do những trận mưa đầu mùa, tổn thất trên lưu vực lớn do trải qua mùa khô nên đỉnh lũ thường nhỏ, biên độ lũ trên các sông thường đạt khoảng 1m; lũ muộn thường xảy ra vào các tháng 10, tháng 11 do các trận mưa cuối mùa, lượng mưa nhỏ nên lũ cũng nhỏ, chủ yếu là lũ đơn nhưng biên độ lũ có thể lớn hơn, thường từ 1,5 m-2,5 m do tổn thất lũ ít hơn).

***d) Một số nguồn tài nguyên chính***

- Tài nguyên đất đai[[1]](#footnote-1)

\* Nhóm đất cát: Diện tích 256,26 ha = 0.39% diện tích đất tự nhiên, nhóm đất cát được hình thành ven biển, ven các sông chính do sự bồi đắp chủ yếu từ sản phẩm thô với sự hoạt động trầm tích phù sa của các hệ thống sông và biển.

\*Nhóm đất mặn: Diện tích 5.026,87 ha = 7,76% diện tích đất tự nhiên, Đất mặn được hình thành từ những sản phẩm phù sa sông lắng đọng trong môi trường nước, do ảnh hưởng của nước mặn ven cửa sông tràn có tổng số muối tan > 25%. Phân bố ở các bãi ngoài sông thuộc các xã ven biển.

- Đất mặn sú vẹt, đước cơ giới nhẹ: Diện tích 4.630,29 ha

- Đất mặn nhiều: Diện tích 71,06 ha

- Đất mặn ít và trung bình: Diện tích 325,52 ha

\* Nhóm đất phèn: Diện tích 341,77 ha 0,53% diện tích đất tự nhiên (đất phèn tiềm tàng) được hình thành dưới rừng ngập mặn và ở các vùng đầm trũng chứa tỷ lệ hữu cơ cao, bị glây.

\* Nhóm đất phù sa: Diện tích 1.673,8 ha = 2,58% diện tích đất tự nhiên, được hình thành từ sản phẩm bồi tụ chủ yếu của các con sông suối lớn trong vùng.

- Đất phù sa không được bồi, chua điển hình: Diện tích 14,28 ha

- Đất phù sa không được bồi, chua cơ giới nhẹ: Diện tích 145,92 ha

- Đất phù sa không được bồi chua, glây nông: Diện tích 1.327,97ha

- Đất phù sa không được bồi chua, glây sâu: Diện tích 46,7 ha

- Đất phù sa không được bồi chua, glây nông, kết von sâu: Diện tích 93,35 ha

 - Đất phù sa không được bồi chua, glây nông, đá lẫn sâu: Diện tích 45,58 ha

\* Nhóm đất có tiềm tàng loang lổ: Diện tích 97,54 ha = 0,15% diện tích đất tự nhiên. Đất được hình thành do sự di chuyển mạnh lên và xuống của sắt, nhôm trong phẫu diện đất, tác động của các dạng sắt, nhôm kết hợp với sự đọng và thoát nước tạo thành tầng loang lổ.

+ Đất có tầng sét loang lổ chua glây nông 49,71 ha

+ Đất có tầng sét loang lổ chua glây sâu 47,83 ha

\* Nhóm đất xám: Diện tích 158,71 ha = 0,24% diện tích đất tự nhiên. Đất xám hình thành và phát triển chủ yếu trên phù sa cổ và đá cát, hầu hết nằm ở địa hình cao, thoát nước tốt, thành phần khoáng trong đất phổ biến là thạch anh.

+ Đất xám glây nông, có tầng loang lổ 21,93 ha

+ Đất xám glây đá nông 136,78 ha

\* Nhóm đất nâu tím: Diện tích 8.469,21 ha = 13,07% diện tích đất tự nhiên. Đất nâu tím có phẫu diện khá đồng nhất, ranh giới giữa các tầng không rõ. Nhóm đất này hình thành và phát triển trên sa phiến thạch tím hạt mịn.

- Đất nâu tím chua điển hình 120,15 ha;

- Đất nâu tím chua đá nông 2.638,87 ha;

- Đất nâu tím chua đá sâu 5.710,19 ha.

\* Nhóm đất vàng đỏ: Diện tích 34.986,86 ha = 54% diện tích đất tự nhiên, Phân bố ở hầu hết các xã trên địa bàn.

- Đất vàng đỏ: Diện tích 21.623,83 ha chiếm 33,37% diện tích nhóm đất.

+ Đất vàng đỏ điển hình: 998,54 ha;

+ Đất vàng đỏ đá nông: 5.619,88 ha;

+ Đất vàng đỏ đá: 14.599,82 ha;

+ Đất vàng đỏ giầu hữu cơ: 405,59 ha.

- Đất vàng nhạt: Diện tích 13.363,03 ha chiếm 20,62% diện tích tự nhiên.

+ Đất vàng nhạt đá nông 8.120,79 ha;

+ Đất vàng nhạt đá sâu 5.242,24 ha.

\* Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi: Diện tích 261,68 ha chiếm 0.40% diện tích tự nhiên, được hình thành chủ yếu trên đá sét và đá cát bột kết (sa phiến thạch) ở độ cao tuyệt đối >700m. Phân bố ở các xã vùng cao.

+ Đất mùn vàng đỏ trên núi 261,68 ha;

+ Đất mùn vàng đỏ trên núi đá nông 14,51 ha;

+ Đất mùn vàng đỏ trên núi đá sâu 247,17 ha.

\* Nhóm đất nhân tác: Diện tích 1.354,49 ha, chiếm 2,09% diện tích đất tự nhiên. Đất nhân tác hình thành do tác động của con người. Tầng đất bị xáo trộn mạnh bởi các hoạt động của con người như hoạt động san ủi làm ruộng bậc thang, hoặc các hoạt động của công nghiệp khai thác, tầng đất bị xáo trộn dày trên 50cm. Phân bố ở hầu hết các xã sâu trong nội địa.

 *- Tài nguyên rừng và đất rừng*

Tổng số diện tích đất lâm nghiệp của huyện 51.496,8 ha, chiếm 95,3% diện tích đất nông nghiệp, bằng 78,9% diện tích đất tự nhiên. Trong đó, rừng phòng hộ 9.870,7ha, tập trung tại đầu nguồn các hồ nước, đập nước và phòng hộ ven biển 5 xã Đồng Rui, Tiên Lạng, Đông Hải, Đông Ngũ và Hải Lạng; rừng sản xuất có 33,772,4 ha, được trồng chủ yếu là keo, một ít là bạch đàn còn lại là diện tích đất trống chưa trồng có rừng. Đặc biệt huyện Tiên Yên có hơn 5.000 ha đất rừng ngập mặn, phân bố ở xã Đồng Rui, Hải Lạng, Tiên Lãng, Đông Ngũ và Đông Hải. Hiện tại huyện Tiên Yên không có rừng đặc dụng. Trong 33,772,4 ha rừng sản xuất, rừng trồng keo có 25.493 ha (chưa kể đến diện tích rừng trồng chưa khép tán và các loại đất rừng khác). Đặc biệt đất chưa có rừng lên tới 2.946 ha; trong đó đất trống có cây gỗ tái sinh 226 ha, đất trống không có cây gỗ tái sinh lên tới 1.638 ha. Như vậy, rừng và đất rừng là tiềm năng, lợi thế của địa phương.Rừng Tiên Yên khá phong phú về chủng loại, thực vật có 1.020 loài thuộc 6 ngành và 171 chi. Một số ngành lớn như ngành mộc lan 951 loài, ngành dương xỉ 58 loài, ngành thông có 11 loài. Động vật có khoảng 127 loài như lưỡng cư 11 loài, bò sát 5 loài, chim 67 loài, thú 34 loài.

\* Về thực trạng quản lý và sử dụng đất: Đất giao cho các tổ chức, doanh nghiệp (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng): 13.090,76 ha; Đất giao cho các hộ dân (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng): 23.092,34 ha; Đất giao cho các cộng đồng dân cư thôn (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng): 677,50 ha; Đất do UBND các xã, thị trấn đang quản lý 13.073,88 ha.

Theo Quyết định 840 QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Tiên Yên:

+ Đất nông nghiệp: Hiện trạng sử dụng năm 2020 là 56.281,62 ha; quy hoạch đến năm 2030 là 57.773,94 ha, tăng 1.492,31 ha so với năm 2020.

+ Diện tích đất nông nghiệp chuyển mục đích sử dụng đất sang phi nông nghiệp là 1.705,64 ha.

+ Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích nông nghiệp là 1.944,56 ha (đất nông nghiệp chưa sử dụng).

*- Tài nguyên nước*

+ Nước mặt: Nguồn nước từ 2 con sông Tiên Yên và sông Phố Cũ có thể tạo đập xây dựng các hồ chứa để điều hòa dòng chảy và lấy nguồn nước cung cấp cho sản xuất và sinh hoạt.

+ Nước ngầm: Có trữ lượng lớn đảm bảo được nhu cầu nước cho đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Nguồn nước ngầm ở độ sâu 15-25 m.

*- Tài nguyên biển*

Huyện Tiên Yên có bờ biển dài hơn 35 km thuộc vịnh Bắc Bộ, phân bố dọc các xã ven biển, có vụng kín án ngữ che chắn bởi hệ thống đảo Cái Bầu, Vạn Vược, Vạn Mục và Núi Cống (thuộc huyện Vân Đồn và Đầm Hà). Trong vụng có vực sâu kéo dài từ cửa sông Tiên Yên theo hướng Tây Bắc, Đông Nam đến cửa Vạn Hoa. Trong vụng là một hệ chuỗi bãi triều rừng ngập mặn, một đoạn trong cung vùng triều cửa sông vùng Đông Bắc tạo nên nguồn lợi hải sản khá phong phú, là nơi sinh sống của nhiều loài hải sản có giá trị như: cua, tôm, cá song, cá tráp, ngao, sò, ngán, sá sùng, giun biển,… với diện tích khoảng 3.000 ha bãi triều.

Biển Tiên Yên có nhiều hệ sinh thái biển phong phú, đa dạng, có tiềm năng lớn để phát triển kinh tế biển, trữ lượng tiềm năng hải sản vùng vụng khoảng 6.500 tấn, khả năng cho phép khai thác khoảng 50-60% trữ lượng, trong đó chủ yếu là tôm, cua, cá mực và các loại nhuyễn thể.

**1.2. Phát triển kinh tế xã hội**

***1.2.1. Kinh tế***

Tốc độ tăng giá trị sản xuất giai đoạn 2015-2020 trung bình đạt 14%/năm. Riêng ngành nông lâm ngư nghiệp tăng bình quân 10,4%/năm*(chiếm 30,8% cơ cấu kinh tế sản xuất toàn huyện).* Thu nhập bình quân đầu người tại các xã trên địa bàn huyện Tiên Yên năm 2020 là 57,8 triệu đồng/người (tăng 39,8 triệu đồng/người so với thời điểm bắt đầu thực hiện Chương trình NTM năm 2010).

***1.2.2. Xã hội***

*- Dân số*: Nếu như năm 2011 dân số huyện Tiên Yên có 38.038 người (trong đó dân ở khu vực nông thôn là 37.146 người), thì đếnnăm 2020 toàn huyện có 52.830 người, trong đó dân số nông thôn có 44.742 người. Dân cư phân bố tập trung ở thị trấn và các xã ven biển.

*- Dân tộc*: Toàn huyện có 10 dân tộc, trong đó có 9 dân tộc thiểu số, chiếm 50,18%; trong đó: Tày 14,5%, Dao 22,6%, Sán Chỉ 8,1%, Sán Dìu 3,9%, Hoa 0,5%, còn lại là người Nùng, Mường, Cao Lan, Thái.

*- Lao động*: Dân số trong độ tuổi lao động của 11 xã, thị trấn năm 2011 có 21.898 người, chiếm 57,56% dân số; năm 2020 lực lượng lao động huyện Tiên Yên có 29.038 người, chiếm 57,13% dân số.

*- Hạ tầng kinh tế - xã hội*: Hạ tầng được quan tâm đầu tư đồng bộ làm thay đổi diện mạo của địa phương, tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống và phúc lợi cho nhân dân. Trong nhiệm kỳ qua, có nhiều dự án trọng điểm của Huyện đã được đưa vào sử dụng, như: Hồ chứa nước Khe Cát, Trung tâm Văn hoá Thể thao các dân tộc vùng Đông Bắc; cầu giàn thép Đồng Châu; hệ thống nước sạch xã Đồng Rui; kè bờ sông Tiên Yên; khu dân cư thôn Khe Lẹ (xã Hà Lâu),… từng bước hoàn chỉnh hệ thống giao thông trên địa bàn huyện Tiên Yên; hạ tầng đô thị đảm bảo đáp ứng các tiêu chí đô thị loại IV; hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác ngày càng đồng bộ. Đặc biệt từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn, 11/11 xã (nay là 10/10 xã sau sáp nhập) trên địa bàn có cơ sở hạ tầng đáp ứng đạt chuẩn NTM và từng bước tiến tới xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

*- Y tế, văn hóa, giáo dục*: Cơ sở vật chất và trang thiết bị các cơ sở y tế từ huyện đến xã được đầu tư, nâng cấp theo hướng hiện đại. Đội ngũ y bác sỹ trưởng thành về chuyên môn, chủ động tiếp cận với một số dịch vụ y tế kỹ thuật cao nhằm đáp ứng yêu cầu cấp cứu, điều trị cho bệnh nhân. Số lượt người khám chữa bệnh và điều trị nội trú ngày càng tăng, tỷ lệ chuyển tuyến giảm, qua đó khẳng định sự tin tưởng, hài lòng của nhân dân vào chất lượng y tế tuyến huyện. Y tế ngoài công lập tiếp tục được khuyến khích phát triển góp phần giảm tải y tế công lập và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về dịch vụ y tế, thăm khám của nhân dân. Công tác giảm nghèo được triển khai lồng ghép với các chương trình phát triển KTXH và chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, đưa các xã, thôn thoát khỏi diện đặc biệt khó khăn. Chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, giảm sự chênh lệch về điều kiện học tập giữa vùng cao với vùng thấp, vùng trung tâm trên địa bàn huyện Tiên Yên. Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ được duy trì và nâng lên. Chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn được nâng cao qua các năm.

**1.3. Đánh giá thuận lợi, khó khăn và thách thức**

***1.3.1. Về thuận lợi và cơ hội***

 - Huyện Tiên Yên có vị trí địa lợi, là trung tâm cửa ngõ vùng Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh, nằm trên trục hành lang giao thương huyết mạch nối với các khu vực kinh tế cửa khẩu Quốc tế của các tỉnh biên giới phía Bắc (Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang,...) qua các tuyền Quốc lộ 4B, 18C, 18A và nằm trong khu vực phát triển kinh tế năng động, đột phá (thành phố công nghiệp Cẩm Phả, khu hành chính kinh tế Vân Đồn, khu kinh tế cảng biển và cửa khẩu Hải Hà-Móng Cái, khu kinh tế cửa khẩu Hoành Mô-Đồng Văn được định hướng phát triển). Ngoài ra, Tiên Yên còn là nơi giao thoa với đa dạng sắc thái văn hóa truyền thống các dân tộc vùng Đông Bắc của tỉnh. Vì vậy huyện Tiên Yên được Chính phủ và tỉnh Quảng Ninh xác định là một đơn vị hành chính có chức năng tổng hợp-liên kết vùng của khu vực Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh, vùng biên giới Việt-Trung, khu vực tập kết, trung chuyển hàng hóa biên giới và là cơ sở dịch vụ hậu cần cho các khu kinh tế mở trong tương lai, đặc biệt là đặc khu hành chính kinh tế Vân Đồn. Thị trấn Tiên Yên theo định hướng quy hoạch vùng tỉnh Quảng Ninh được xác định là đô thị trung tâm; là cửa ngõ ra biển của tỉnh Lạng Sơn và các tỉnh biên giới phía Bắc cụm cảng Mũi Chùa (mở rộng sang phía bắc cảng Cái Bầu, huyện Vân Đồn), phát triển công nghiệp, logistic; bố trí trọng điểm chế biến, giao dịch nông lâm nghiệp; xây dựng trung tâm chế biến, phục vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp khu vực. Hạ tầng giao thông mới đang được triển khai xây dựng, nâng cao tiềm năng phát triển đô thị, dịch vụ hậu cần: Đường cao tốc Vân Đồn -Móng Cái qua thị trấn Tiên Yên đã và đang triển khai xây dựng, tăng cường khả năng liên kết vùng của thị trấn Tiên Yên với các khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, khu kinh tế Vân Đồn, nâng cao tiềm năng phát triển đô thị và thuận tiện cho việc phát triển dịch vụ hậu cần các khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, khu kinh tế Vân Đồn.

 - Huyện Tiên Yên có diện tích đất nông nghiệp 56.281,62 ha, chiếm 86,4% diện tích đất tự nhiên toàn huyện, trong đó đất lâm nghiệp chiếm 78,9% diện tích tự nhiên, là ưu thế để phát triển kinh tế rừng, công nghiệp chế biến gỗ và chế biến nông lâm sản, với nhiều sản phẩm là đặc sản địa phương. Huyện Tiên Yên có bờ biển dài trên 35 km, diện tích bãi triều lớn trên 3.000 ha, có rừng ngập mặn, thuận lợi cho nuôi trồng, khai thác thủy sản và phát triển du lịch, dịch vụ cảng biển, là lợi thế để phát triển hình thành các vùng sản xuất tập trung và các ngành dịch vụ, thương mại tổng hợp.

- Trong sản xuất nông nghiệp, huyện có nhiều lợi thế về đặc sản vùng miền với nhiều sản phẩm đặc sắc, chất lượng như con gà Tiên Yên, các loại rau xanh, mật ong, các loại ẩm thực chế biến như khau nhộc, gật gù,... Huyện Tiên Yên đã có 29 sản phẩm được chấp thuận tham gia chu trình OCOP, trong đó có 4 sản phẩm đạt 4 sao (con gà Tiên Yên, mật ong, khau nhộc, trứng vịt biển) và 4 sản phẩm đạt 3 sao (kẹo lạc hồng, bánh hạnh nhân, bánh chả Tiên Yên, mật ong Tiên Yên).

 - Trong những năm qua, huyện Tiên Yên đã tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu vùng nông thôn, đặc biệt là các công trình trọng điểm có tính động lực phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho nông dân ổn định, phát triển sản xuất; tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng lấy nông, lâm, ngư nghiệp làm nền tảng, tạo đà để sau năm 2020 phát triển mạnh thương mại, dịch vụ và du lịch, trong đó tập trung phát triển chương trình “*hai con một cây*”, hình thành chuỗi giá trị và thương hiệu sản phẩm, mở rộng không gian phát triển thương mại dịch vụ. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp và xây dựng NTM. Kết quả là, giá trị sản xuất toàn bộ nền kinh tế tăng từ 1.645.170 triệu đồng năm 2015, tăng lên đạt 2.699.389 triệu đồng năm 2019 và năm 2020 đạt 3.143.613 triệu đồng; tốc độ tăng từ 6,9% năm 2015 lên 12,4-16,5% năm 2019 và 2020.

***1.3.2. Khó khăn, nguy cơ thách thức***

- Địa hình đồi núi độ dốc lớn chia cắt phức tạp, phần lớn là đất dốc, thung lũng nhỏ hẹp, gây khó khăn cho mở rộng quy mô và liên kết sản xuất tập trung cũng như phát triển cơ sở hạ tầng; kết cấu hạ tầng KTXH những năm đầu triển khai các chương trình chưa đồng bộ; cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm,… chưa đáp ứng yêu cầu phát triển KTXH. Thu nhập và đời sống của nhân dân vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn;

- Là huyện có nhiều tiềm năng lợi thế về rừng nhưng chưa khai thác hết tiềm năng đất rừng trên địa bàn huyện. Rừng nhiều nhưng chất lượng rừng chưa cao, chủ yếu là rừng sản xuất với keo là cây chủ lực do loài cây này tương đối dễ trồng, đầu tư thấp, thời gian cho thu hoạch ngắn (sau trồng 5-7 năm cho thu hoạch). Đây là thách thức lớn trong việc chuyển đổi cơ cấu loài cây lâm nghiệp, chuyển từ keo sang trồng các loại cây gỗ lớn, cây bản địa do những loài cây gỗ lớn, cây bản địa này có chu kỳ dài hơn rất nhiều so với keo. Rừng nghèo hạn chế khả năng sinh thủy, khả năng giữ nước và điều hòa nguồn nước, nguy cơ sạt ở đất luôn hiện hữu, nhất là sau khi thu hoạch keo.

- Đất giành cho sản xuất nông nghiệp (trồng trọt) nhỏ lẻ, manh mún, phân tán gây khó khăn cho tổ chức sản xuất và phát triển thị trường.

- Không có làng nghề, ngành nghề phụ và đồ thủ công mỹ nghệ; Hàng thổ cẩm chưa được chú trọng phát triển mặc dù địa phương có nhiều dân tộc bản địa như Dao, Tày,... Nhiều giá trị bản địa chưa được khai thác;

- Là một huyện có xuất phát điểm thấp, có nhiều thôn bản thuộc diện đặc biệt khó khăn. Tỷ lệ dân tộc thiểu số cao, chiếm trên 50,2%; tỷ lệ hộ nghèo cao (chiếm 11,99%). Trình độ dân trí ở khu vực nông thôn không đồng đều và có nhiều khác biệt; năng suất lao động của người dân ở nông thôn còn thấp; Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo nghề còn cao; Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ phát triển chậm.

**2. Đánh giá thực trạng phát triển và kết quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp huyện Tiên Yên đến năm 2020**

**2.1. Kết quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp huyện Tiên Yên đến năm 2020**

***2.1.1. Đánh giá tình hình tăng trưởng và kết quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Tiên Yên giai đoạn 2015-2020***

- Trong giai đoạn 2015-2020, cơ cấu kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp huyện Tiên Yên đã bước đầu chuyển dịch theo hướng tăng giá trị sản xuất; thủy sản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn *(từ chiếm 21,% cơ cấu ngành năm 2015 đến chiếm 42,2% năm 2020),* chăn nuôi trở thành ngành kinh tế chủ lực mặc dù bị chịu ảnh hưởng do dịch bệnh, nhất là dịch bệnh tả lợn Châu Phi.Chương trình “*hai con một cây*” có sự chuyển biến tích cực, rõ nét, đặc biệt sản lượng nuôi tôm tăngtừ 604,5 tấn năm 2015 lên 3.473 tấn năm 2020, gấp 5,75 lần); gà Tiên Yên tăng từ 310.000 con xuất bán năm 2015 lên 822.000 con năm 2020, gấp 2,65 lần.Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông lâm ngư nghiệp tăng bình quân 10,4%/năm *(chiếm 30,8% cơ cấu kinh tế sản xuất toàn huyện năm 2020).* Như vậy, sản xuất ngành nông lâm ngư nghiệp được xác định tạo tiền đề để chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang thương mại, dịch vụ giai đoạn 2021-2025.

*(Chi tiết theo Phụ lục số 2.1 đính kèm)*

- Toàn huyện, có 31 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp với 392 lao động; thu hút, kêu gọi được 15 tổ chức, doanh nghiệp đầu tư trong phát triển nông nghiệp, nông thôn tạo không khí mới trong sản xuất; bước đầu hình thành mối liên kết trong sản xuất theo chuỗi; xúc tiến tiêu thụ và quảng bá giới thiệu sản phẩm; bước đầu thực hiện có hiệu quả Chương trình OCOP, bảo vệ và phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp của huyện;

- Thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn tăng từ 20,3 triệu đồng năm 2015 lên đạt 57,8 triệu đồng/năm năm 2020.

- Hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn được quan tâm đầu tư tương đối đồng bộ; nâng tỷ lệ kênh mương được kiên cố hóa từ 27,4% năm 2015 lên 84,2% vào năm 2020. Tỷ lệ diện tích sản xuất được tưới nước chủ động từ 74,5% lên 86,7%. Hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Hải Lạng và một số xã khác đã và đang được đầu tư nâng cấp.

***2.1.2. Phân tích những kết quả, khó khăn thách thức trong cơ cấu lại nông nghiệp huyện Tiên Yên đến năm 2020***

***a) Về kết quả nổi bật***

- Là một huyện với phát triển kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trong thời gian qua, ngành nông nghiệp đã khẳng định được vai trò, vị trí trong phát triển kinh tế của huyện và được xác định giảm dần tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp và tăng thương mại, dịch vụ.

- Trong nội bộ ngành nông nghiệp có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong lĩnh vực trọng điểm, đặc biệt con gà Tiên Yên tăng 19,9%/năm, con tôm tăng 41,9%/năm.

- Có 29 sản phẩm được chấp thuận tham gia chu trình OCOP, trong đó có 8 sản phẩm được cấp sao (4 sản phẩm đạt 4 sao và 4 sản phẩm đạt 3 sao).

- Thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần người dân nông thôn được cải thiện rõ rệt, tăng từ 20,3 triệu đồng/người năm 2015 lên đạt 57,8 triệu đồng/người năm năm 2020.

***b) Khó khăn, thách thức trong cơ cấu lại nông nghiệp huyện Tiên Yên đến năm 2020***

- Lâm nghiệp và kinh tế rừng chưa thực sự phát triển tương xứng với tiềm năng, lợi thế, chưa có chiến lược phát triển rừng bền vững. Tỷ trọng lâm nghiệp vẫn rất khiêm tốn, năm 2020 là mới chiếm 14% giá trị toàn ngành.

- Kinh tế tập thể tuy đã được phát triển rất khiêm tốn về số lượng (31 HTX với 392 lao động), hoạt động chưa hiệu quả, chưa thực sự là động lực và chỗ dựa cho các thành viên THT, HTX. Liên kết sản xuất yếu đang là nguy cơ, rào cản, là nút thắt ảnh hưởng đến tái cơ cấu nông nghiệp ở huyện Tiên Yên.

- Chế biến nông, lâm, thủy sản còn hạn chế; chưa có cơ sở chế biến tinh chuyên sâu, thị trường tiêu thụ chưa ổn định. Còn nhiều hạn chế và rào cản trong việc gắn kết giữa nhà máy chế biến với vùng nguyên liệu nuôi trồng thủy sản và công tác thu mua, dịch vụ hậu cần nghề thủy sản; chế biến nông, lâm sản chưa thực sự tập trung vào các loại sản phẩm sử dụng từ gỗ rừng trồng, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn chăn nuôi thủy sản,... Thiếu vốn đầu tư, thiết bị và KHCN chế biến đã và đang trở thành điểm yếu, là thách thức trong tái cơ cấu nông nghiệp huyện;

- Tình hình dịch bệnh trong gia súc và chăn nuôi diễn biến phức tạp, thời tiết diễn biến khó lường, trong khi ý thức cộng đồng đối với công tác phòng trừ dịch bệnh chưa được chú trọng thực hiện.

- Việc phát triển sản xuất còn chưa chủ động chế biến và tiêu thụ sản phẩm do chưa có liên kết sản xuất nên sản xuất còn rủi ro cao, phụ thuộc vào các thương lái buôn nhỏ lẻ.Là huyện có tiềm năng phát triển sản phẩm dong riềng nhưng chỉ được quy hoạch là vùng cung cấp nguyên liệu dong riềng cho huyện Bình Liêu, mặt khác khả năng tiêu thụ dong củ của huyện Bình Liêu không đảm bảo.

- Đội ngũ lãnh đạo, quản lý, công chức chuyên môn cấp cơ sở tại một số xã, thị trấn chưa thực sự năng động trong việc chủ động tìm kiếm nguồn lực để tái cơ cấu kinh tế, cũng như tái cơ cấu nông nghiệp, còn có biểu hiện tâm lý trông chờ, ỷ lại sự hỗ trợ của nhà nước. Hiện nay còn 6/11 đơn vị chưa có cán bộ khuyến nông, thú y tham mưu địa phương phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

- Chưa xây dựng được điểm giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

**2.2. Đánh giá thực trạng sản xuất**

***2.2.1. Thực trạng sản xuất nông nghiệp***

***a) Đánh giá thực trạng sản xuất nông nghiệp***

***- Thực trạng sản xuất nông nghiệp trong các lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản***

+ Về trồng trọt:

Cây lương thực có hạt (lúa, ngô) có diện tích gieo trồng lớn nhất trong ngành trồng trọt, cụ thể chiếm 69,3 % tổng diện tích gieo trồng của toàn huyện năm 2015 và giảm nhẹ xuống còn 68,0% vào năm 2020. Cây lúa được trồng chủ yếu tại các xã Đông Ngũ, Đông Hải, Hải Lạng và Đồng Rui. Do việc định hướng của huyện, hướng tới chuyển đổi sản xuất lương thực từ số lượng sang chất lượng, đồng thời đưa một số giống lúa mới vào sản xuất như: ĐT 120, ĐT 128, ĐT 100,… tập trung ở một số xã có điều kiện về nước tưới và hệ thống thủy lợi hoàn chỉnh nên năng suất những năm gần đây đã được cải thiện. Một số xã như Đông Hải, Đông Ngũ đã tiến hành gieo trồng các giống lúa chất lượng cao như giống lúa thuần Japonica J02. Trong khi đó, cây ngô trồng tập trung ở xã Đông Ngũ, Phong Dụ, Yên Than. Cơ cấu giống ngô chủ yếu tại huyện là sử dụng các giống lai mới cho năng suất cao, chất lượng tốt như giống CP511, CP111, CP501, …

Nhóm cây có củ (khoai lang, khoai sọ, sắn, dong riềng) giảm về diện tích năm 2020 so với năm 2015, ngoại trừ cây dong riềng sau khi tăng mạnh về diện tích lên hơn 170,5ha vào năm 2018 đã giảm về 82 ha vào năm 2020. Nguyên nhân dẫn đến diện tích giảm là do hiệu quả sản xuất không cao, đầu ra của sản phẩm không ổn định, đồng thời ảnh hưởng của sâu bệnh hại.

Nhóm cây công nghiệp ngắn ngày duy trì diện tích gieo trồng, cây lạc giảm từ 215,0 ha năm 2015, xuống còn 180,3 ha vào năm 2020; trong khi đó diện tích gieo trồng đậu tương tăng nhẹ từ 78,3 ha, lên 84,6 ha vào năm 2020.

Rau là cây thực phẩm hàng năm của huyện, trồng để phục vụ nội tiêu và cung cấp cho thị trường bên ngoài. Theo số liệu thống kê cho thấy, diện tích, sản lượng và giá trị sản xuất rau xanh các loại của huyện Tiên Yên tăng đều từ năm 2015 đạt 396,6 ha, sản lượng 5.633,2 tấn với giá trị đạt khoảng 84,50 tỷ đồng thì đến năm 2020 diện tích tăng lên thành 552,3 ha, sản lượng đạt 7.790,9 tấn, giá trị sản xuất đạt 140,24 tỷ đồng. Cơ cấu diện tích tăng lên 39,3%, có cấu sản lượng tăng 38,3 và cơ cấu giá trị sản xuất tăng 66,0%. Các loại rau xanh được trồng chủ yếu tại các xã Đông Ngũ, Đông Hải, Hải Lạng, Phong Dụ. Trong đó có cây cải xanh được quy hoạch trồng ở các xã Đông Ngũ, Đông Hải với quy mô diện tích dự kiến đạt 60 ha. Đây cũng là loại rau nguyên liệu của sản phẩm OCOP của địa phương-“dưa chua úp thảm”, có tiềm năng phát triển trên quy mô sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

Cây ăn quả có múi như cam, quýt, chanh, bưởi cũng đang được chú trọng phát triển trong những năm gần đây, trong giai đoạn 2016 - 2019, diện tích cây ăn quả có múi đang cho thu hoạch của toàn huyện đạt 372,21 ha. Sản lượng cây ăn quả có múi năm 2016 chỉ đạt 52,7 tấn, tuy nhiên chỉ sau 4 năm, sang đến năm 2019, sản lượng đã tăng lên đến 332,6 tấn, trung bình giai đoạn đạt 191,9 tấn và giá trị 3.208,1 triệu đồng. Có một số xã trên địa bàn huyện đang có sản phẩm cây ăn quả có múi tập trung tại xã Đông Hải có hơn 40 ha cây có múi cho thu hoạch trong đó chủ yếu là giống cam V2, chanh tứ mùa và bưởi Da Xanh. Tại xã Đông Ngũ có khoảng gần 40 ha trồng cây ăn quả có múi, bước đầu đã cho sản phẩm có chất lượng. Các loại cây ăn quả khác: chuối, na, táo, đào,... có sản lượng 418,6 tấn và giá trị đạt 4.991,0 triệu đồng. Hầu hết những loại cây ăn quả này được người dân trồng nhỏ lẻ, rải rác tại các vườn đồi của gia đình nên chưa hình thành được vùng sản xuất tập trung, sản phẩm chủ yếu phục vụ nhu cầu trong gia đình, chưa trở thành sản phẩm hàng hóa.

Trong những năm qua, huyện đã chỉ đạo rà soát điều chỉnh quy hoạch, huyện đã chỉ đạo rà soát điều chỉnh quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa, ưu tiên mở rộng vùng nông nghiệp tập trung; đầu tư, hoàn thiện hệ thống kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất, chuẩn bị tốt các điều kiện, phương án, cơ cấu giống, lịch thời vụ từng năm, chú trọng áp dụng tiến bộ KHKT sản xuất, nghiên cứu và đưa vào khảo nghiệm các giống mới, giống có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng để nhân rộng sản xuất trên toàn huyện; đưa các giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao vào cơ cấu giống sản xuất trên địa bàn huyện,… Tổng diện tích gieo trồng đạt mức tăng bình quân 1,8%/năm; tổng sản lượng lương thực tăng bình quân 3,6%/năm (trong đó, sản lượng lúa bình quân tăng 3,2%/năm; sản lượng ngô bình quân tăng 4,7%/năm). Hệ số sử dụng đạt 2,13 lần năm 2019. Các mô hình sản xuất bước đầu phát huy hiệu quả, đã hình thành một số vùng sản xuất trọng điểm: Trồng lúa, doanh thu 72 triệu đồng/ha/năm, ngô sinh khối doanh thu 99,8 triệu đồng/ha/năm dong riềng doanh thu 105 triệu đồng/ha/năm, rau cải xanh doanh thu 120 triệu đồng/ha/năm, khoai lang doanh thu 180 triệu đồng/ha/năm; dược liệu doanh thu 300 triệu đồng/ha/năm, cây có múi (chủ yếu là cam) bắt đầu cho thu hoạch, có triển vọng tốt về lợi thế cạnh tranh tạo giá trị gia tăng lớn,... Liên kết với Công ty OPC Bắc Giang, mở rộng vùng chuyên canh trồng cây dược liệu đạt 5,5 ha; liên kết với Hợp tác xã Hoa Phong - thị xã Đông Triều mở rộng vùng trồng cây bí quy mô 5 ha năm 2019.

Về thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp: Huyện Tiên Yên có 2 con sông lớn là Tiên Yên và Phố Cũ, hợp nhau tại đầu thị trấn Tiên Yên, đổ ra cửa biển Mũi Chùa. Các con sông được liên kết với nhau tạo thành hệ thống tưới, tiêu tự nhiên, liên hoàn cho các xã trong huyện Tiên Yên. Trong các năm qua, hệ thống công trình thủy lợi của huyện Tiên Yên luôn được quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ bản đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai và tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, đời sống nhân dân. Toàn huyện có 44,52 km đê, trong đó: đê biển 32,46 km; 12,06 km đê sông; 67 cống dưới đê (cống 1 cửa 43 cái, cống 2 cửa 21 cái, cống 5 của 3 cái). Huyện có 16 công trình hồ chứa nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp; trong đó 12 hồ đập có dung tích < 50.000 m3 do các địa phương quản lý, 04 hồ đập dung tích trên 50.000 m3 do Công ty thủy lợi Miền Đông quản lý; 06 trạm bơm nước phục vụ sản xuất. Hằng năm, Công ty thủy lợi Miền Đông và các địa phương tập trung triển khai đầu tư xây dựng, cải tạo, duy tu, nâng cấp các công trình thủy lợi, nạo vét kết hợp với đắp bờ vùng, đường giao thông nông thôn và giải tỏa khơi thông dòng chảy đạt và vượt kế hoạch.

+ Chăn nuôi: Năm 2020, đàn trâu toàn huyện có 1393 con và đang có xu hướng giảm dần, do thiếu bãi chăn thả và ít được sử dụng để cày kéo; đàn bò hơn 360 con (chủ yếu là bò lai Sind) có giá trị gia tăng lớn; đàn lợn có 4.123 con; dê 2.465 con; đàn gà có 822.390, trong đó riêng gà Tiên Yên có 420 ngàn con (với 387.190 gà thịt), tiềm năng có thể tăng đàn gà gấp hơn 2 lần; đàn vịt: 28.930 con, đang có xu hướng tăng nhanh; ngan sao: 26.480 con, đang tiếp tục tăng; đàn ngỗng 1.460 con, ong 3.404 đàn,... Trong những năm qua, huyện đã chú trọng mở rộng phát triển theo mô hình trang trại, gia trại, đảm bảo tuân thủ theo quy trình an toàn sinh học, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường. Tổng đàn gia cầm phát triển tốt; số lượng gà nuôi tăng vượt bậc, nhất là con gà Tiên Yên. Ứng dụng KHKT vào chăn nuôi được chú trọng, trong đó tập trung phát triển cơ sở sản xuất giống gà Tiên Yên tăng từ 02 cơ sở sản xuất giống năm 2015 lên 04 cơ sở, quy mô 5.000 con gà sinh sản, khả năng cung cấp 350.000 con giống/năm, đến nay khả năng cung cấp đạt 800.000 con giống/năm, 90% giống được sản xuất bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo. Triển khai thực hiện chăn nuôi gà Tiên Yên theo tiêu chuẩn VietGap (năm 2019 có 4 hộ thực hiện; năm 2020 có 20 hộ thực hiện quy mô 20.000 con). Trên 50% hộ chăn nuôi gà áp dụng biện pháp xử lý môi trường bằng đệm lót sinh học. Một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của huyện Tiên Yên được trình bày ở Bảng 2.

+ Lâm nghiệp: Độ che phủ rừng toàn huyện năm 2020 đạt 60,2%. Trong 33.772,4 ha rừng sản xuất, diện tích rừng keo chiếm tỷ lệ đa số (91,4%) với quy mô 25.493 ha, doanh thu bình quân từ trồng cây keo sau chu kỳ 5-7 năm đạt 70-80 triệu đồng/ha, còn lại là thông, bạch đàn. Trên địa bàn huyện đã hình thành các vùng nguyên liệu tập trung như vùng trồng keo, thông. Các sản phẩm thu nhập từ rừng chủ yếu là gỗ tròn, gỗ xẻ, và bóc ván dăm. Tuy nhiên các sản phẩm này chủ yếu đều xuất thô sang Trung Quốc, chưa được chế biến sâu nên giá trị thấp, không chủ động được giá, hiệu quả kinh tế chưa cao so với tiềm năng có khả năng khai thác từ khâu chế biến và thị trường tiêu thụ.

Hàng năm huyện làm tốt công tác phát triển rừng, trong năm 2019, toàn huyện trồng được 1.808,0 ha gồm các loài cây chính như: keo, bạch đàn, thông nhựa, sa mộc,… trong đó rừng trồng keo chiếm khoảng 80% tổng diện tích rừng trồng toàn huyện. Năm 2020, toàn huyện đã trồng được 1.827,0 ha.

Ngoài việc phát triển rừng trồng Keo là cây chủ lực, một số loài lâm đặc sản như thông nhựa, sa mộc,… cũng được huyện quan tâm và đưa vào cơ cấu cây trồng rừng tại một số xã như: Yên Than, Đại Dực, Phong Dụ. Đặc biệt đã phát triển được diện tích cây Thông và cây bản địa đạt 5.200ha.

 Từ trồng thông, đã có nhiều hộ dân đạt thu nhập bình quân hàng năm từ 35- 50 triệu đồng/hộ/năm. Công tác phát triển, trồng mới rừng trên địa bàn huyện đã mang lại nhiều lợi ích thiết thực, nhất là giúp người dân có việc làm, có thu nhập ổn định; giúp bảo vệ môi trường tự nhiên sinh thái.

Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng ngập mặn ven biển được tăng cường, tiếp tục chuyển đổi diện tích trồng rừng giá trị kinh tế thấp sang trồng rừng theo hướng thâm canh gỗ lớn (đến nay trên địa bàn huyện Tiên Yên trồng cây thông và cây bản địa đạt 5.200 ha, trong đó thực hiện dự án từ năm 2016 đến nay đạt ha 276,8 ha), mở rộng sinh kế, thu nhập cho người dân. Hiện tại trên địa bàn huyện mới chỉ có một số vườn ươm tạm thời ở khu vực các xã, gần rừng của huyện Tiên Yên, HTX sản xuất giống, hoặc các hộ gia đình tự phát triển giống, do đó việc quản lý giám sát đánh giá chất lượng giống gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, người dân địa phương còn mua giống bên ngoài địa bàn huyện nên cũng gây khó khăn trong việc quản lý chất lượng cũng như tiêu chuẩn cây giống.

Về các loại lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng tự nhiên có rất nhiều cây dược liệu quý được được người dân gây trồng: Ba kích, Dây thìa canh, Hà thủ ô đỏ, Cát sâm,... Tuy nhiên, do nhu cầu thị trường chủ yếu là bán sang Trung Quốc, người dân khai thác tràn lan cây thuốc đem bán dẫn đến hệ quả sự suy giảm một cách đáng kể, nhiều loài có nguy cơ biết mất. Hiện tại, huyện đã có đề án phát triển các loài cây dược liệu và các nhiệm vụ khoa học có liên quan đến phát triển cây dược liệu (Quyết định số 1822 ngày 14 tháng 4 năm 2020 về phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở huyện Tiên Yên đợt I, thực hiện 2020-2021 của chủ tịch UBND huyện Tiên Yên) để tạo ra nguồn thu có giá trị từ rừng, tuy nhiên chưa có chủ trương đầu tư cơ sở thu gom và chế biến lâm sản ngoài gỗ hiện đại, hiện chỉ có một số hộ gia đình, cơ sở nhỏ lẻ thu mua để bán sang thị trường Trung Quốc.

Việc chế biến nâng cao giá trị sản phẩm được quan tâm đầu tư, toàn huyện hiện có 20 cơ sở kinh doanh chế biến lâm sản. Loại hình hoạt động của các cơ sở chủ yếu là băm dăm, đóng đồ mộc, bóc ván, xẻ, tiêu thụ thị trường trong nước và xuất khẩu, chủ yếu sang thị trường Trung Quốc.

Các hình thức liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong lâm nghiệp nhìn chung chưa rõ nét và chưa được thiết lập cụ thể; một số mối liêt kết giữa các hộ trồng rừng và các cơ sở chế lâm sản chủ yếu mang tính thời vụ, tạm thời. Do đó, các thành phần tham gia trong sản xuất lâm nghiệp chưa đảm bảo được sự chủ động trong sản xuất, kinh doanh; cụ thể: Các hộ trồng rừng chưa xác định được thị trường và giá cả tiêu thụ sản phẩm, mặc dù cho đến nay hầu như không có sản phẩm lâm nghiệp bị tồn đọng, khó bán, còn các doanh nghiệp chế biến lâm sản không chủ động được nguồn nguyên liệu, chất lượng nguyên liệu, làm ảnh hưởng đến chiến lược sản xuất kinh doanh.

Về vườn ươm/vườn giống, hiện tại trên địa bàn huyện mới chỉ có một số (65 cơ sở sản xuất giống cây lâm nghiệp) vườn ươm tạm thời ở khu vực các xã, gần rừng của huyện Tiên Yên như Đại Dực, Phong Dụ, Tiên Lãng,... HTX sản xuất giống, hoặc các hộ gia đình tự phát triển giống, do đó việc quản lý giám sát đánh giá chất lượng giống gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, người dân địa phương còn mua giống bên ngoài địa bàn huyện nên cũng gây khó khăn trong việc quản lý chất lượng cũng như tiêu chuẩn cây giống.

Các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ cơ bản có thị trường tiêu thụ, không có hiện tượng dư thừa, mất giá đối với sản phẩm lâm nghiệp; nhiều sản phẩm đã mang lại nguồn thu lớn cho chủ rừng, góp phần rất lớn vào tạo việc làm có thu nhập khá cho người lao động vùng nông thôn, miền núi, bảo đảm nguồn thu nhập ổn định cho các hộ gia đình sản xuất lâm nghiệp, góp phần quan trọng vào giảm tỷ lệ hộ nghèo nông thôn và nâng cao các tiêu chí xây dựng NTM.

 + Thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2020 toàn huyện là 1.596 ha (trong đó nuôi thâm canh là 284 ha), sản lượng thủy sản là 10.312 tấn (trong đó khai thác tự nhiên là 4.822 tấn, nuôi trồng 5.490 tấn(riêng tôm đạt 3.473 tấn). Trong các năm qua, huyện Tiên Yên đã tập trung đầu tư hạ tầng nuôi trồng thủy sản, nhất là các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại các xã Hải Lạng, Đông Ngũ, Đông Hải và Đồng Rui; ứng dụng KHKT vào nuôi tôm hiệu quả, tăng diện tích nuôi thâm canh, bán thâm canh từ 0,7 ha nuôi thử nghiệm vào năm 2015 lên 284 ha năm 2019, góp phần tăng sản lượng tôm nuôi từ 604,5 tấn năm 2015 lên 3.475 tấn năm 2020, tăng gấp 5,74 lần (diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 1.596 ha). Tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động nuôi trồng, khai thác thủy sản, tái tạo nguồn lợi thủy sản; quản lý, bảo vệ, bãi chiều ven biển. Tổng sản lượng thủy sản tăng bình quân 28,8%/năm (trong đó: khai thác tự nhiên tăng bình quân 13,8%/năm; khai thác nuôi trồng tăng bình quân 46,8%/năm). Doanh thu từ nuôi trồng thủy sản năm 2020 đạt 451,1 tỷ đồng.

*(Chi tiết theo phụ lục số 2.1 đính kèm)*

***- Đánh giá về vùng sản xuất nông sản hàng hóa chủ lực và vùng sản xuất hàng hóa tiềm năng có lợi thế cạnh tranh huyện Tiên Yên***

Vùng sản xuất sản phẩm nông nghiệp chủ lực tập trung của huyện Tiên Yên được xác định dựa trên các tiêu chí như sau: (*1*) Là sản phẩm lợi thế, đặc sản của địa phương, có quy mô sản xuất lớn, chiếm tỷ trọng giá trị sản xuất cao; (*2*) Có khả năng áp dụng KHKT, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, chế biến để tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng, có giá trị gia tăng lớn và sức cạnh tranh cao trên thị trường; (*3*) Có thị trường tiềm năng trong và ngoài nước; (*4*) Có khả năng tạo các sản phẩm OCOP; (*5*) Có khả năng kết nối với sản phẩm cùng loại của các tỉnh trong vùng, trong nước và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Cùng với sản phẩm chủ lực, hiện nay trên địa bàn còn có một số sản phẩm nông sản hàng hóa có tiềm năng có thể tạo ra giá trị gia tăng lớn. Kết quả đánh giá cho thấy: Vùng sản xuất hàng hóa nông sản chủ lực và nông sản hàng hóa có tiềm năng lợi thế cạnh tranh để có thể tạo ra giá trị gia tăng lớn của huyện Tiên Yên, gồm: lúa, dong riềng, rau cải muối dưa, cam, na, dược liệu, khoai lang, lâm nghiệp, chăn nuôi gà, chăn nuôi lợn, chăn nuôi ngan sao, nuôi vịt nước mặn lợ, chăn nuôi bò thịt, nuôi trồng thủy sản. Tóm tắt bức tranh vùng sản xuất hàng hóa tập trung này cùng với những vấn đề có thể cần can thiệp để phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh như sau:

+ Vùng trồng lúa: Phát triển trên địa bàn toàn huyện, sản xuất 2 vụ/năm với tổng diện tích gieo cấy trên 3.400 ha/năm; tổng sản lượng lúa đạt trên 16.000 tấn, tăng bình quân 3,2%/năm, trong đó, sản xuất tập trung tại các xã Đông Ngũ, Đông Hải, Đồng Rui, Hải Lạng, Phong Dụ, với tổng diện tích 2.200 ha. Lúa hiện nay hầu như đã đạt năng suất và hiệu quả sản xuất kịch trần, nên cần giữ vững ổn định. Lúa chất lượng cao ở xã Đông Hải và các xã Đông Ngũ, Hải Lạng, Đồn Rui, Yên Than và Phong Dụ cần được chọn lọc duy trì giống và nhân rộng.

 + Vùng trồng dong riềng: Quy mô 170 ha, tập trung tại các xã Phong Dụ, Đại Dực, Yên Than và Phong Dụ. Sản lượng đạt trên 7.000 tấn củ/năm, giá trị sản xuất đạt trên 21 tỷ đồng. Hiện tại, Tiên Yên là vùng nguyên liệu củ dong riềng cho sản xuất miến dong tại huyện Bình Liêu. Tiềm năng có thể mở rộng diện tích và sản lượng dong riềng tới hơn 200 ha. Vấn đề đặt ra là chế biến tinh bột và miến dong tại chỗ ngoài việc đòi hỏi thiết bị, máy móc, nhà xưởng, cần xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ.

+ Vùng trồng rau cải xanh muối dưa: Quy mô 20 -30 ha tại các xã Đông Hải (1 vùng, 10 ha), Đông Ngũ (1 vùng, 10 ha), sản lượng 1.200 tấn rau/năm, doanh thu đạt 14.400 triệu đồng, tiềm năng có thể đạt 50 ha. Sản phẩm dưa chua được sơ chế, đóng hộp, dán nhãn truy suất nguồn gốc. Có 2 HTX nông nghiệp thuộc địa bàn của 2 xã Đông Ngũ, Đông Hải đang trực tiếp sản xuất và tiêu thụ sản phẩm rau cải xanh và dưa chua úp thảm, bình quân mỗi HTX sản xuất và tiêu thụ 300 - 500 tấn rau/năm.

+ Vùng cam và cây ăn quả có múi: Tập trung tại các thôn của xã Đông Hải, Đông Ngũ với diện tích hơn 100 ha. Ngoài ra có thể phát triển cam tại xã Điền Xá. Cam là cây ăn quả tiềm năng, có khả năng cạnh tranh cao ở địa phương. Xây dựng vùng cam đảm bảo chất lượng, cam sạch, áp dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất an toàn và sản xuất hữu cơ, phát triển sản phẩm OCOP, xúc tiến thương mại và thị trường tiêu thụ.

+ Vùng trồng na tập trung: Na gồm na bở và na dai. Na bở quả to hơn na dai nhưng thời gian bảo quản ngắn hơn na dai. Na là loại cây ăn quả có tiềm năng lợi thế cạnh tranh ở huyện Tiên Yên. Vùng trồng na tập trung tại các xã Đông Ngũ, Đông Hải, Tiên Lãng,… Tuy nhiên, diện tích na hiện nay còn rất khiêm tốn (chỉ vài ha), tiềm năng có thể lên tới hàng trăm ha, tiếp giáp với vùng na quy hoạch ở huyện Đầm Hà, tạo thành vùng na tập trung Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh.

+ Vùng trồng khoai lang: Tập trung tại tất cả các thôn của xã Đồng Rui. Khoai lang lim giống bản địa ăn bở, chất lượng ngon. Diện tích có thể đạt 60 ha. Cần hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất tạo sản phẩm an toàn, hữu cơ, phát triển sản phẩm OCOP từ khoai lang, xúc tiến thương mại và thị trường tiêu thụ.

+ Vùng trồng dược liệu: Tập trung tại các xã Yên Than, Tiên Lãng, Hải Lạng, Đông Ngũ, Đại Dực, Phong Dụ và Hà Lâu. Quy mô có thể đạt từ 50-100 ha, gồm Cà gai leo, Diệp hạ châu, Cát sâm, Ba kích, Địa liền, Linh lăng, Trà hoa vàng,... Ngoài ra còn có quế, sở, giềng, gừng và một số loài dược liệu tự nhiên làm thuốc tắm, mát gan, chữa bệnh khác. Dược liệu là thế mạnh của huyện Tiên Yên, song hiện nay chưa thực sự phát triển bởi hàng loạt rào cản của sản xuất, chế biến và thị trường.

+ Vùng sản xuất lâm nghiệp tập trung: Phát triển thông nhựa, thông mã vĩ kết hợp cây gỗ lớn bản địa như: lim, lát, sồi, lát, xoan đào,… và cây bản địa đa dụng như: giổi (lấy hạt), trám trắng (lấy quả), quế,… Tập trung tại các xã Tiên Lãng, Hà Lâu, Đại Dực, Điền Xá, Phong Dụ, Hải Lạng, Yên Than. Chủ trương hiện nay là khuyến khích chuyển đổi chất lượng rừng, từ rừng cây gỗ nhỏ, rừng sản xuất keo sang trồng cây gỗ lớn, cây gỗ bản địa, kéo dài chu kỳ sinh trưởng của rừng keo từ 5-7 năm như hiện nay lên 12-14 năm, hoặc chuyển đổi từ rừng sản xuất sang rừng phòng hộ và rừng đặc dụng (nếu có thể); trồng xen dược liệu dưới tán rừng,...

+ Vùng chăn nuôi gà Tiên Yên: Gà Tiên Yên là giống gà bản địa của huyện Tiên Yên, là một trong 50 món ngon nhất Việt Nam và được UBND tỉnh Quảng Ninh đưa vào danh mục sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, được xếp hạng sản phẩm OCOP 4 sao. Năm 2020, đàn gà Tiên Yên thương phẩm đạt 420 nghìn con có mặt, tiềm năng có thể gấp đôi, tốc độ gia tăng đàn gà bình quân 19,9%/năm, giá trị kinh tế đạt 300-350 triệu/1.000 con gà Tiên Yên thương phẩm. Toàn huyện có 04 cơ sở cung cấp giống (01 Công ty và 03 hộ), trong đó 01 cơ sở ứng dụng KHKT trong thụ tinh, sản xuất giống gà Tiên Yên (Công ty TNHH Phúc Long quy mô 500.000 - 700.000 con gà giống/năm). Triển khai thực hiện chăn nuôi gà Tiên Yên theo tiêu chuẩn VietGAP quy mô 24 cơ sở gia trại, trang trại chăn nuôi, quy mô 30.000 gà/lứa (có 04 cơ sở chăn nuôi đã được cấp giấy chứng nhận). Trên 50% hộ chăn nuôi gà áp dụng biện pháp xử lý môi trường bằng đệm lót sinh học. 100% các hộ sản xuất đều được ký cam kết và chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Vấn đề ở đây là cần áp dụng quy trình thực hành tốt, giảm thiểu sử dụng thuốc kháng sinh, nâng cao hiệu quả chăn nuôi, phát triển trang trại chăn nuôi gà,...

+ Vùng chăn nuôi lợn thịt: Theo số liệu của Chi cục Thống kê huyện Tiên Yên, tổng đàn lợn năm 2020 toàn huyện có 23.110 con (trong đó có 19.172 lợn thịt), tập trung tại 2 xã Đông Ngũ và Đông Hải (chiếm tới 50% đàn lợn và sản lượng thịt lợn hơi toàn huyện). Do dịch tả châu Phi nên đàn lợn giảm mạnh, nhiều trang trại và hộ chăn nuôi lợn còn để trống chuồng nuôi. Hiện nay nhu cầu thịt lợn ở huyện Tiên Yên đang cao, cung không đủ cầu cho tiêu dùng, nhất là làm khấu nhục, một sản phẩm OCOP nổi tiếng của huyện Tiên Yên. Giải pháp cần đẩy nhanh tái đàn lợn, phát triển đàn lợn bản địa, lợn dược liệu; sử dụng lợn nái bản địa Móng Cái phối giống với đực ngoại thích hợp để tạo đàn lợn lai; chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ, quy trình thực hành nông nghiệp tốt; phát triển trang trại, gia tăng sản lượng.

+ Vùng chăn nuôi bò thịt: Tập trung tại các thôn xác định thuộc các xã Hà Lâu, Đông Ngũ, Đông Hải và Tiên Lãng. Quy mô có thể lên tới 700-900 con. Bò thịt là sản phẩm hàng hóa tiềm năng có lợi thế cạnh tranh. Đàn bò được tiếp tục phát triển theo hướng bò lai Sind sinh sản tại cơ sở theo hướng chăn nuôi tập trung bán công nghiệp. Đẩy mạnh hình thức thụ tinh nhân tạo để tạo đàn bò chất lượng cao, chọn lọc được con giống có vóc dáng đẹp để làm giống. Liên kết sản xuất, xúc tiến hình thành và phát triển chuỗi giá trị thịt bò.

+ Vùng nuôi ong lấy mật: Có thể phát triển ở tất cả 11 xã, thị trấn của huyện Tiên Yên với quy mô đến 3.000 đàn. Cần tăng cường các biện pháp hỗ trợ phát triển đàn ong, phòng chống dịch bệnh; Liên kết sản xuất, tiêu thụ theo chuỗi; phát triển sản phẩm OCOP.

+ Vùng chăn nuôi ngan sao: Tập trung tại các xã Hải Lạng, Đông Ngũ, Đông Hải, Phong Dụ, Điền Xá và Đại Dực. Quy mô đến 30 ngàn con. Nghiên cứu, điều chỉnh chuyển giao quy trình chăn nuôi ngan sao cho phù hợp địa phương; liên kết sản xuất, hỗ trợ sản phẩm OCOP, xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm.

+ Vùng chăn nuôi vịt mặn lợ: Trên địa bàn xã Đồng Rui, quy mô đạt trên 15.000 con vịt sinh sản, sản lượng trứng đạt 4,5 triệu quả/năm. Doanh thu đạt trên 12 tỷ đồng/năm. Sản phẩm được HTX Chăn nuôi và Dịch vụ Đồng Tiến sản xuất và được công nhận sản phẩm OCOP đạt 4 sao, 100% sản phẩm được HTX đã ký hợp đồng tiêu thụ với các cửa hàng, siêu thị lotte Mart, Công ty cổ phần than Mông Dương - VINACOMIN, Công ty cổ phần du lịch và thương mại Nacomin - chi nhánh Vân Long,… giá bán cao, ổn định. Vấn đề đặt ra cần liên kết sản xuất, đa dạng sản phẩm OCOP từ trứng vịt biển và sản phẩm vịt biển.

+ Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung: Vùng nuôi trồng thủy sản mặn, lợ mở rộng phát triển, tiếp tục thay đổi phương thức nuôi ở trình độ cao với các mô hình nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh tăng vụ mang lại hiệu quả cao. Tăng diện tích nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh từ 0,7 ha nuôi thử nghiệm năm 2015 lên 284 ha năm 2020; ứng dụng KHKT vào nuôi tôm hiệu quả, áp dụng các công nghệ tiên tiến như: nuôi tôm bằng công nghệ nhà màng, công nghệ nuôi Blog, đặc biệt năm 2018 Công ty TNHH Phúc Quang đã đầu tư xây dựng khu nuôi tôm công nghệ cao, quy mô 20 ha tại xã Hải Lạng. Toàn huyện có 5 vùng nuôi tôm công nghiệp, tổng diện tích 175,33 ha tại 5 xã trọng điểm về nuôi trồng thủy sản: Đông Hải (48,58 ha), xã Đông Ngũ (15,05 ha), xã Đồng Rui (21,5 ha), xã Tiên Lãng (3,7 ha), xã Hải Lạng (71,7 ha). Còn lại là diện tích nuôi tôm quảng canh với 936 ha, tập trung ở xã Hải Lạng, Đồng Rui và Đông Hải. Có 100% các cơ sở nuôi trồng thủy sản trong vùng tập trung được ký cam kết sản xuất an toàn và cam kết bảo vệ môi trường. Huyện đã và đang thực hiện đầu tư công trình hạ tầng tập trung nuôi trồng thủy sản xã Hải Lạng, tổng đầu tư trên 170 tỷ đồng, quy mô vùng nuôi 328 ha. Ngoài tôm là sản phẩm chủ lực của huyện, còn có các đối tượng nhuyễn thể như: Hầu, hà, ngao, cua, ghẹ, cá,… được nuôi trồng khai thác ở ngoài đê biển, cửa sông.

***- Thực trạng ứng dụng KHKT trong sản xuất***

 Trong những năm qua, các công nghệ được chuyển giao do các trung tâm nghiên cứu thuộc các Vụ, Viện, các trường đại học triển khai, nhiều công nghệ, dây chuyền thiết bị được triển khai thực hiện ở một sản phẩm nhưng có thể ứng dụng trên nhiều sản phẩm trên địa bàn huyện Tiên Yên.

 Các dự án, chương trình khoa học và công nghệ đã góp phần thay đổi đáng kể trong sản xuất trên địa bàn, điển hình trong áp dụng công nghệ nuôi tôm đã chuyển diện tích nuôi tôm từ quảng canh sang thâm canh, bán thâm canh với quy mô 284 ha, góp phần tăng sản lượng tôm nuôi từ 604,5 tấn năm 2015 lên 3.473 tấn năm 2020, tăng gấp 5,7 lần. Hiện nay, một số cơ sở đang áp dụng nuôi tôm bằng công nghệ nhà màng, công nghệ nuôi blog tăng cường công tác phòng, trừ dịch bệnh và nâng cao năng suất, hiệu quả. Đối với phát triển đàn gà Tiên Yên: Đã ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo trong sản xuất giống gà Tiên Yên, góp phần nâng quy mô phát triển đàn gà Tiên Yên tăng từ 310 ngàn con năm 2015 lên thực hiện năm 2020 số gà xuất bán đạt 822 ngàn con. Trong đó, trên 90% giống là được sản xuất bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo. Sử dụng chế phẩm làm đệm lót sinh học trong chăn nuôi, đặc biệt trong chăn nuôi gà Tiên Yên, có trên 50% cơ sở nuôi sử dụng đệm lót sinh học, góp phần cải tạo môi trường chăn nuôi và tăng hiệu quả chăn nuôi.

 Thực hiện trồng thử nghiệm các loài cây dược liệu năm 2015 và Dự án tổng thể phát triển dược liệu, làm tiền đề mở rộng diện tích loài cây trồng phù hợp trong thời gian tới. Trong chế biến thực hiện ứng dụng công nghệ trong đóng gói hút chân không gà Tiên Yên; chiết suất hạ thủy phần mật ong; xây dựng quy trình chế biến và bảo quản sản phẩm dưa muối; hoàn thiện công nghệ và thiết bị chế biến để nâng cao giá trị của củ dong riềng tại huyện Tiên Yên tỉnh Quảng Ninh; Dự án ứng dụng công nghệ cấp đông siêu tốc bảo quản gà Tiên Yên. Trong quản lý, thực hiện xây dựng công cụ quản lý gà Tiên Yên bằng nhẫn được dán tem thông minh.

***- Thực trạng các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp; Hiện trạng doanh nghiệp, HTX tham gia các chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp***

Trong những năm qua, huyện Tiên Yên đã quan tâm đẩy mạnh phát triển các loại hình tổ chức sản xuất và thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, gồm trang trại, THT, HTX, doanh nghiệp. Trong đó:

*(1)* Loại hình kinh tế trang trại: Trong giai đoạn 2015-2019 có 64 trang trại được thành lập và cấp giấy chứng nhận được chia theo lĩnh vực hoạt động gồm: Trang trại tổng hợp 09, trang trại chăn nuôi 15, trang trại NTTS 38, trang trại lâm nghiệp 01, trang trại trồng trọt 01. Doanh thu từ hoạt động kinh tế trang trại đạt từ 60.000 – 80.000 triệu đồng/năm;

 *(2)* Phát triển kinh tế tập thể (HTX, THT) từ 11 HTX năm 2015 lên 31 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2019, tăng 20 HTX so với năm 2015. Cụ thể: 12 HTX chăn nuôi; 03 HTX NTTS; 08 HTX tổng hợp; 02 HTX khai thác và chế biến mật ong, 06 HTX kinh doanh dịch vụ sản phẩm nông sản và các sản phẩm OCOP. Cùng với HTX, huyện Tiên Yên có 4 THT với 27 thành viên, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, gồm: THT dưa chua úp thảm xã Đông Ngũ (12 thành viên, chuyên sản xuất rau dưa úp thảm, sản lượng 28,5 tấn dưa/năm, doanh thu 700 triệu đồng), THT khau nhục Tiên Yên (7 thành viên tại thị trấn Tiên Yên và xã Tiên Lãng, chuyên sản xuất khấu nhục, sản lượng 37,5 tấn thịt lợn/năm, doanh thu trên 3 tỷ đồng/năm), THT kẹo lạc hồng Tiên Yên (4 thành viên tại thị trấn Tiên Yên, sản lượng 6,4 tấn kẹo/năm, doanh thu 520 triệu đồng/năm), THT bánh chả Tiên Yên (4 thành viên tại thị trấn Tiên Yên, sản lượng 8,2 tấn bánh chả/năm, doanh thu 650 triệu đồng/năm). THT đã và đang phát huy hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp phần trong đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất, nhân tố thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu cơ cấu kinh tế theo hướng hàng hóa, nâng cao thu nhập kinh tế hộ gia đình. Doanh thu bình quân của THT là 560 triệu đồng/năm;

 *(3)* Phát triển doanh nghiệp trong sản xuất nông nghiệp: Hiện nay, đã có trên 15 doanh nghiệp quan tâm đầu tư phát triển trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện. Doanh thu từ các doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp hàng năm đạt 60.000 triệu đồng/năm. Hiện nay một số tập đoàn lớn đã khảo sát và đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư: Công ty TNHH Thanh Liêm được tỉnh chấp thuận đầu tư nuôi trồng thủy sản công nghệ cao và trồng cây ăn quả tại xã Đồng Rui; Tập đoàn TH True milk nghiên cứu tham gia sắp xếp, đổi mới lâm trường Tiên Yên thành mô hình công ty TNHH 2 thành viên; Công ty Việt Dũng nghiên cứu xây dựng khu chăn nuôi lợn công nghệ cao,... tạo khởi sắc và hướng đi mới trong phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện trong thời gian tới.

***- Thực trạng liên kết, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp***

Các HTX hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp đều quan tâm xây dựng liên kết sản xuất bền vững, hiệu quả. Điển hình một số HTX tập trung xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững như: 12 HTX chăn nuôi gà Tiên Yên tại 11 xã tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ gà Tiên Yên (quy mô 10.000 - 50.000 con/hợp tác xã); 01 hợp tác xã liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (HTX dịch vụ và sản phẩm nông nghiệp sạch xã Đông Hải, quy mô liên kết 5 ha, sản lượng 15 tấn rau các loại/năm và 20.000 con gia cầm/năm); 02 HTX liên kết nuôi và tiêu thụ mật ong (sản lượng tiêu thụ 20 tấn mật/năm); 01 HTX liên kết tiêu thụ sản phẩm OCOP (HTX Phú Gia),... Huyện Tiên Yên đã liên kết với Công ty OPC Bắc Giang trồng và tiêu thụ dược liệu trên địa bàn, quy mô 5,5 ha, sản lượng 6 - 8 tấn/năm*(tuy nhiên đến nay dừng liên kết);* xã Đông Hải liên kết với HTX Hoa Phong (thị xã Đông Triều) tiêu thụ rau xanh trên địa bàn xã, quy mô 5 ha, sản lượng 10 tấn quả bí/năm; xã Yên Than liên kết với Công ty dược liệu Đông Bắc, quy mô hơn 3 ha, sản lượng 5 - 8 tấn dược liệu/năm*(tuy nhiên đến nay dừng liên kết);*,...

Các đơn vị tổ chức sản xuất, kinh doanh bám sát nhu cầu thị trường, lợi thế phát triển kinh tế thành viên, tập trung khai thác các dòng sản phẩm huyện Tiên Yên có lợi thế, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và sức cạnh tranh trên thị trường, hoàn thiện quy trình sản xuất, đảm bảo chuẩn chất lượng sản phẩm đầu ra, qua đó, đã góp phần khai thác tốt các tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tạo điều kiện phát triển kinh tế thành viên. Đồng thời, một số hợp tác xã chủ động xây dựng phương án để bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận đối với các sản phẩm của hợp tác xã có lợi thế (HTX Chăn nuôi và dịch vụ Đồng Tiến, xã Đồng Rui; HTX Chăn nuôi gà Tiên Yên, xã Phong Dụ,…). Sự đa dạng hóa hình thức liên kết, góp phần phát huy lợi thế từng địa phương, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa trên địa bàn, tạo thu nhập cao và sức cạnh tranh, nâng cao đời sống vật chất của nhân dân trên địa bàn.

***- Thực trạng vệ sinh môi trường nông thôn: Xử lý nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt; xử lý chất thải trong chăn nuôi, trồng trọt; chất thải nhựa, vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật,...***

Về sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch: Đến hết năm 2019, tỷ lệ hộ dân ở khu vực nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh là 10.644/10.660 hộ, đạt 99,8% (tăng 1,5% so thời điểm bắt đầu thực hiện) và tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch là 6.993/10.660 hộ, đạt 65,6% (bao gồm các hộ dân sử dụng nước sạch từ 02 đơn vị cung cấp nước sạch: Nhà máy nước sạch Khe Soong và Công ty TNHH 1TV Thủy lợi miền Đông). Ngoài ra, số lượng hộ dân sử dụng máy lọc nước đạt tiêu chuẩn là 468 hộ, nâng tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt 7.363/10.660 hộ, đạt 69,1%.

Có tới 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. Tổng số cơ sở sản xuất - kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng, thực phẩm, dịch vụ nông nghiệp, cơ sở nuôi trồng thủy sản thuộc diện đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường là 125 cơ sở (huyện Tiên Yên không có làng nghề), gồm: 5/5 doanh nghiệp được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết; 7/7 cơ sở có kế hoạch bảo vệ môi trường được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận và 113/113 cơ sở sản xuất, kinh doanh được cấp giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường cấp huyện (trong đó có: 3/3 cơ sở nuôi trồng thủy sản, 1/1 cơ sở sản xuất giống vật nuôi, 12/12 cơ sở chế biến gỗ, 97/97 cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng, xăng dầu,...). Ngoài ra, theo quy chế quản lý nuôi trồng thủy sản cấp huyện, 329/329 cơ sở nuôi trồng thủy sản trên địa bàn 05 xã ven biển thực hiện ký cam kết bảo vệ môi trường, cam kết không sử dụng hóa chất đã hết hạn, thuốc và hóa chất ngoài doanh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản; không có các hoạt động gây ô nhiễm môi trường.

Phong trào xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn; ngày chủ nhật xanh được UBND huyện Tiên Yên chỉ đạo các xã phát động và thực hiện thường xuyên. Đến nay, đã huy động được hơn 12.000 ngày công chỉnh trang lề đường làng, ngõ xóm, trồng cây xanh được 43,6 km, trong đó thực hiện trồng mới được 28 km đường hoa, vẽ trên 9.000 m2 tranh tường; thực hiện lắp đặt biển báo an toàn giao thông tại các tuyến đường, cảnh báo các khu vực có nguy cơ mất an toàn với người đi lại; diện mạo nông thôn có sự đổi thay mạnh mẽ, thêm xanh, sạch, đẹp và văn minh.

Có 7/11 xã, thị trấn có phương án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt được Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Tiên Yên thu gom. 04 xã còn lại dân cư thưa thớt, người dân tự thu gom và xử lý theo quy định về môi trường. Rác sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng phương pháp chôn lấp theo đúng quy định về bảo vệ môi trường tại thôn Cống To, xã Tiên Lãng với khối lượng 25,8 tấn/ngày.

Các điểm dân cư tập trung đều có hệ thống rãnh thoát nước mưa, nước thải và không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng gây ngập úng. Nước thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định. Xây dựng 215 bể chứa thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật tại các xứ đồng; các xã thuê Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Tiên Yên thu gom vận chuyển về tỉnh tập kết, xử lý theo quy định.

Chất thải y tế phát sinh từ Trung tâm Y tế huyện và 11 Trạm y tế các xã, thị trấn và các cơ sở y tế tư nhân là 48,6 tấn/năm (rác thải y tế nguy hại 8,4 tấn; rác thải y tế thông thường 40,4 tấn) đều được bảo quản theo quy định và được ký hợp đồng với Công ty Cổ phần An Sinh có trụ sở tại thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương để thu gom, xử lý.

Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh là 9.839/10.660 hộ, đạt tỷ lệ 92,3%; hộ gia đình có nhà tắm hợp vệ sinh là 9.883/10.660 hộ, đạt tỷ lệ 92,7%; hộ gia đình có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch là 9.839/10.660 hộ, đạt tỷ lệ 92,3%. Toàn huyện có 6.021 hộ chăn nuôi, có 5.587/6.021 hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt tỷ lệ 92,8%.

***b) Phân tích kết quả nổi bật, khó khăn thách thức trong sản xuất nông nghiệp huyện Tiên Yên***

***- Về kết quả nổi bật***

+ Chương trình “*hai con một cây*“ có sự chuyển biến tích cực, rõ nét: Đàn gà Tiên Yên tăng 2,4 lần so 2015; tốc độ tăng sản lượng tôm nuôi đạt 40,5%/năm; cây dược liệu đã được trồng khảo nghiệm thành công và bước đầu nhân rộng thực hiện;

+ Thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn tăng từ 20,3 triệu đồng năm 2015 đạt 57,8 triệu đồng/năm năm 2020.

+ Một số xã phát triển chăn nuôi gà với quy mô lớn: xã Hà Lâu (65 ngàn con), Phong Dụ (85 ngàn con), Đông Ngũ (72 ngàn con); mô hình canh tác chuyên canh trồng rau tại thôn Nà Bấc xã Đông Hải; chăn nuôi gà dưới tán cây ăn quả; mô hình liên kết chăn nuôi gà quy mô lớn (một cơ sở nuôi 10 ngàn con) tại thôn Khe Cầu xã Điền Xá;

 + Thành lập 31 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; thu hút, kêu gọi được 15 tổ chức, doanh nghiệp đầu tư trong phát triển nông nghiệp, nông thôn tạo không khí mới trong sản xuất; bước đầu hình thành mối liên kết trong sản xuất theo chuỗi; xúc tiến tiêu thụ và quảng bá giới thiệu sản phẩm; bước đầu thực hiện có hiệu quả Chương trình OCOP, bảo vệ và phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp của huyện;

 *+* Đã bước đầu có sự liên kết “*4 nhà*” để tăng cường ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng nông sản phẩm; chủ động trong sản xuất một số loại giống vật nuôi phục vụ sản xuất (gà Tiên Yên); phát triển trồng các loại giống cây trồng mới có giá trị kinh tế cao; tích cực quản lý dịch bệnh trong nuôi trồng, đặc biệt là tôm nuôi, đem lại hiệu quả kinh tế cao;

 + Hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn được quan tâm đầu tư tương đối đồng bộ; nâng tỷ lệ kênh mương được kiên cố hóa từ 27,4% (năm 2015) lên 84,2% (năm 2020). Tỷ lệ diện tích sản xuất được tưới nước chủ động từ 74,5% lên 86,7%. Hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Hải Lạng và một số xã khác đã và đang được đầu tư.

***- Khó khăn, thách thức trong sản xuất nông nghiệp huyện Tiên Yên***

+ Chủ thể sản xuất nông nghiệp chủ yếu vẫn là nông dân với hơn 10.800 hộ nông dân, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, phân tán, cùng với đó là các hạn chế về tổ chức sản xuất, áp dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất,.... Một bộ phận nông dân mong muốn ly nông hoặc di cư để làm các nghề xây dựng, vận chuyển, bốc vác hàng hóa ở Móng Cái, Cẩm Phả hay các khu công nghiệp ngoài huyện. Mặt khác, tư duy kinh tế, tư duy thị trường của một bộ không nhỏ cán bộ, người dân còn hạn chế, dẫn đến chưa phát huy hiệu quả lợi thế kinh tế thị trường mang lại để thúc đẩy phát triển KTXH; ý thức tự vươn lên thoát nghèo, làm giàu của một bộ phận nhân dân còn nhiều hạn chế, thiếu chủ động và còn trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước;

+ Liên kết sản xuất, tiêu thụ thiếu chặt chẽ; quản lý nhận diện thương hiệu còn nhiều khó khăn và bất cập; nguồn lực cần cho đầu tư phát triển, nâng cấp hạ tầng, xây dựng NTM và giải quyết những vấn đề về an sinh xã hội, việc làm còn rất lớn trong khi khả năng cân đối từ nội lực của nền kinh tế hạn chế, thiếu những công trình mang tính động lực. Khó khăn trong thu hút doanh nghiệp lớn vào địa bàn đầu tư phát triển các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và du lịch;

+ Trong khi một số nông sản chủ lực đã được khai thác và phát triển tốt như gà và tôm, cây dược liệu và sản phẩm dược liệu chưa phát triển bởi các rào cản kỹ thuật công nghệ sản xuất, chế biến, thị trường thì một số sản phẩm hàng hóa có tiềm năng lợi thế cạnh tranh (chẳng hạn như cam và cây ăn quả có múi khác, bò thịt, dê, chè hoa vàng,...) chưa được quan tâm, đầu tư, khai thác hợp lý;

+ Chất lượng rừng chưa cao, chủ yếu là rừng sản xuất với keo là chủ lực. Rừng nghèo làm hạn chế khả năng sinh thủy, khả năng giữ nước và điều hòa nguồn nước;

+ Quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, an toàn vệ sinh thực phẩm đối với một số hàng hóa nông sản vẫn chưa được kiểm soát chặt chẽ;

+ Các hạn chế về tổ chức sản xuất, liên kết sản xuất, liên kết chuỗi, thiếu kết nối thị trường tiêu thụ, thiếu vốn đầu tư,... cũng đang là những rào cản cho sự phát triển sản xuất nông nghiệp và nông sản hàng hóa ở địa phương.

***2.2.2. Thực trạng phát triển sản phẩm OCOP***

***a) Đánh giá thực trạng phát triển sản phẩm OCOP theo chuỗi***

 Cùng với các địa phương khác của tỉnh Quảng Ninh, Tiên Yên đã triển khai Chương trình OCOP từ rất sớm. Thực hiện hiệu quả Chương trình OCOP, tiếp tục xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu các sản phẩm là thế mạnh của địa phương, đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm hàng hóa đã có thương hiệu. Chú trọng quảng bá, xúc tiến thương mại và thị trường để tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp. Chương trình OCOP huyện Tiên Yên được tập trung phát triển theo mục tiêu, định hướng, nâng cao năng lực, chất lượng công tác quản trị sản phẩm, quản trị doanh nghiệp, khai thác bền vững, hiệu quả nhãn hiệu chứng nhận của các tổ chức tham gia OCOP Tiên Yên, được tỉnh chấp thuận 10 sản phẩm thuộc Chương trình OCOP, trong đó gà Tiên Yên là sản phẩm OCOP cấp huyện, cấp tỉnh và định hướng sản phẩm OCOP quốc gia.

Có 16/16 HTX, THT và cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm OCOP đều được cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo quy định; 7/7 cơ sở thực hiện xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở. Các xã tập trung xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững như: 12 HTX tại 11 xã tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ gà Tiên Yên, quy mô 30.000 - 50.000 con/HTX; 01 HTX liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (HTX dịch vụ và sản phẩm nông nghiệp sạch xã Đông Hải), quy mô 5 ha; 02 hợp tác xã liên kết nuôi và tiêu thụ mật ong; 01 HTX liên kết tiêu thụ sản phẩm OCOP (HTX Phú Gia),... Các đơn vị tổ chức sản xuất, kinh doanh bám sát nhu cầu thị trường, lợi thế phát triển kinh tế thành viên, tập trung khai thác các dòng sản phẩm huyện Tiên Yên có lợi thế, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và sức cạnh tranh trên thị trường, hoàn thiện quy trình sản xuất, đảm bảo chuẩn chất lượng sản phẩm đầu ra, qua đó, đã góp phần khai thác tốt các tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tạo điều kiện phát triển kinh tế thành viên. Đồng thời, một số HTX chủ động xây dựng phương án để bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận đối với các sản phẩm của hợp tác xã có lợi thế (HTX Chăn nuôi và dịch vụ Đồng Tiến, xã Đồng Rui; HTX Chăn nuôi gà Tiên Yên, xã Phong Dụ.

Số tổ chức, cá nhân tham gia chương trình OCOP trên địa bàn huyện tăng qua từng năm cụ thể: năm 2017 có 10 tổ chức, cá nhân tham gia (HTX chăn nuôi và dịch vụ Đồng Tiến, HTX khai thác và chế biến Mật ong Tiên Yên, HTX gà Tiên Yên; THT bánh ngọt Tiên Yên, THT kẹo lạc hồng Tiên Yên, THT khâu nhục Tiên Yên và 04 cơ sở sản xuất). Đến nay, đã có 16 đơn vị, tổ chức tham gia, là các chủ thể OCOP với 29 sản phẩm được chấp thuận tham gia chu trình OCOP, trong đó có 4 sản phẩm đã đạt 03 sao cấp tỉnh, 04 sản phẩm đạt 4 sao cấp tỉnh.

Tổ chức hội nghị tập huấn và hỗ trợ các tổ hợp tác sản xuất, thiết kế, in bao bì; hoàn thiện công bố quyền sở hữu nhãn hiệu chứng nhận 03 sản phẩm (gà Tiên Yên, mật ong Tiên Yên, khau nhục Tiên Yên) và 01 nhãn hiệu tập thể (trứng vịt biển Đồng Rui); 02 nhãn hiệu thông thường (Miến dong Hoàng Trọng Bảo, miến dong Nình A Lộc). Triển khai dự án hoàn thiện công cụ quản lý thương hiệu gà Tiên Yên (công cụ nhận diện được dán tem Qrcode). Đăng ký mã số, mã vạch cho các sản phẩm và tem truy suất nguồn gốc (gà Tiên Yên); đưa các cơ sở kinh doanh, cán bộ phụ trách OCOP huyện, xã và các chủ nhà hàng, điểm dừng chân tham quan học hỏi kinh nghiệm, giúp các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh hiệu quả. Chú trọng phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; khẳng định thương hiệu sản phẩm nông nghiệp theo chương trình OCOP. Phân công trách nhiệm phát triển các sản phẩm OCOP Tiên Yên giai đoạn 2017 - 2020 trực tiếp cho cán bộ, công chức. Quan tâm đầu tư máy móc sơ chế, đóng gói sản phẩm, hoàn thiện bao bì nhãn mác sản phẩm.

 Công tác xúc tiến thương mại, quảng bá giới thiệu sản phẩm được quan tâm thực hiện tốt. Trong đó, huyện đã phối hợp tổ chức thành công Hội chợ OCOP trong Tuần Văn hóa, Thể thao các dân tộc vùng Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh; tham gia hội chợ, hội thi cấp sao sản phẩm OCOP tỉnh;tổng hợp danh mục các sản phẩm OCOP, loại bỏ các sản phẩm không có khả năng phát triển;tiếp tục nâng cao năng lực quản lý, khai thác sử dụng nhãn hiệu chứng nhận*.*

***b) Phân tích kết quả nổi bật, khó khăn thách thức của Chương trình OCOP huyện Tiên Yên***

***- Về kết quả nổi bật***

+ Nguồn lực hỗ trợ của nhà nước và bên ngoài đã tạo động lực bước đầu trong đầu tư trong phát triển sản xuất sản phẩm OCOP; tạo phong trào thi đua trong phát triển sản phẩm, trong đó tập trung phát triển các sản phẩm lợi thế cấp tỉnh và sản phẩm chủ lực của địa phương, điển hình là phát triển con gà và một số sản phẩm đặc sản khác;

+ Bước đầu hình thành một số mối liên kết trong sản xuất theo chuỗi; xúc tiến tiêu thụ và quảng bá giới thiệu sản phẩm; bước đầu thực hiện có hiệu quả Chương trình OCOP, bảo vệ và phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp của huyện;

+ Đã bước đầu nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng KHCN, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm OCOP; chủ động trong nghiên cứu, sản xuất một số loại giống vật nuôi phục vụ sản xuất (gà Tiên Yên);

+ Tạo dựng được 16 chủ thể OCOP có vị trí và tên tuổi trên thị trường trong nước, tăng thu nhập cho chủ thể OCOP và các tác nhân tham gia, góp phần đảm bảo phát triển bền vững, gồm 9 HTX, 3 THT và các cơ sở sản xuất OCOP khác trên địa bàn huyện Tiên Yên.

+ Đã có 29 sản phẩm được chấp thuận tham gia chu trình OCOP, trong đó 8 sản phẩm được cấp 3-4 sao.

 ***- Về khó khăn, hạn chế, thách thức của Chương trình OCOP huyện Tiên Yên***

 + Sản phẩm OCOP còn đơn điệu về nhóm sản phẩm OCOP, về hệ thống ngành hàng. Tất cả 29 sản phẩm chấp thuận tham gia chu trình OCOP hiện nay của huyện đều thuộc nhóm thực phẩm; không có bất kỳ sản phẩm nào thuộc về các nhóm đồ uống, thảo dược, vải-may mặc, trang trí-nội thất-lưu niệm, dịch vụ du lịch nông thôn-bán hàng. Các sản phẩm OCOP tiềm năng và lợi thế về thảo dược, vải-may mặc, lưu niệm, điểm dừng chân-dịch vụ bán hàng,... chưa được khai thác;

+ Công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, nhất là quy hoạch thu hút các đầu tư chiến lược còn chậm. Áp dụng tiến bộ KHCN, biện pháp sản xuất tiên tiến, chất lượng an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến còn hạn chế, ít công trình dự án ứng dụng KHCN mang tính động lực, mặc dù bước đầu đã có một số doanh nghiệp đã quan tâm đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp nhưng chưa có mô hình mang tính động lực;

+ Liên kết “*4 nhà*” trong sản xuất sản phẩm OCOP chưa chặt chẽ và chủ động; Chưa thu hút được các nhà đầu tư lớn đầu tư phát triển sản phẩm, chế biến và liên kết sản xuất với người nông dân trên địa bàn huyện;

+ Quy mô các cánh đồng chuyên canh còn nhỏ, liên kết chưa chặt chẽ, vùng nguyên liệu phục vụ cho chế biến chưa ổn định. Khả năng mở rộng sản xuất một số sản phẩm chủ lực cấp tỉnh còn khó khăn do chưa có chế biến và thị trường tiêu thụ ổn định như con gà Tiên Yên, dược liệu, củ dong riềng- miến dong, mật ong,...

+ Công tác bảo quản, chế biến, nhất là chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp còn hạn chế, hầu hết mới dừng ở sơ chế quy mô hộ gia đình nhỏ lẻ, manh mún; Chưa có cơ sở chế biến tinh bột và miến dong tại chỗ, nguyên liệu củ dong riềng được bán cho các nhà máy ở huyện Bình Liêu nên còn phụ thuộc, thu mua bấp bênh;

+ Thiếu liên kết giữa người sản xuất. Kinh tế tập thể phát triển tuy được phát triển nhanh về số lượng HTX và THT nhưng chất lượng chưa cao, còn mang nặng tính hình thức, liên kết sản xuất giữa các thành viên còn yếu và lỏng lẻo, chưa hoạt động theo đúng luật HTX năm 2012;

+ Công tác xây dựng và phát triển sản phẩm OCOP còn chậm, mới có 03 địa phương xây dựng được sản phẩm OCOP (thị trấn, xã Tiên Lãng, xã Đồng Rui). Công tác quản lý thương hiệu, bao bì nhãn mác sản phẩm còn thiếu chặt chẽ, sản phẩm cung cấp ra thị trường còn hạn chế về chủng loại, số lượng;

+ Thiếu quy hoạch cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm OCOP. Hiện nay mới có 3 địa điểm bán hàng với diện tích mặt bằng nhỏ, chỉ từ 10-100 mét vuông. Đặc biệt chưa có cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm OCOP trên địa bàn trung tâm huyện Tiên Yên; chiến lược phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện còn mờ nhạt, thiếu đồng bộ và hệ thống, thiếu kiên quyết trong chỉ đạo thực hiện;

+ Việc phát triển thêm sản phẩm OCOP mới và nâng cấp sao cho sản phẩm OCOP đang có chiều hướng bị chậm dần lại; Một số chủ thể OCOP còn yếu cả về năng lực tổ chức thực hiện, liên kết mở rộng, phát triển sản phẩm, thị trường tiêu thụ, vốn đầu tư,...

***2.2.3. Thực trạng xây dựng NTM huyện Tiên Yên***

***a) Thực trạng xây dựng NTM trong lộ trình xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu gắn tái cơ cấu ngành nông nghiệp***

Trước hết, tác động của cơ cấu lại nông nghiệp đối với Chương trình xây dựng NTM được khẳng định rằng: Tái cơ cấu nông nghiệp được xác định vừa là mục tiêu, vừa là động lực thực hiện xây dựng NTM. Thực hiện tốt tái cơ cấu nông nghiệp chính là tăng thu nhập cho nông dân, bảo vệ môi trường.

Trong 10 năm qua huyện Tiên Yên đã vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm, thủy sản và đầu tư hạ tầng xây dựng NTM. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chương trình xây dựng NTM được cấp Ủy, Chính quyền, Ủy ban mặt trận tổ quốc và các đoàn thể các cấp sâu sát, quyết liệt, cụ thể, thiết thực và hiệu quả. Kết quả là, qua 10 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, huyện Tiên Yên đã huy động được sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị với quyết tâm cao, làm chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong toàn huyện Tiên Yên, người dân thực sự là chủ thể của chương trình và Chương trình xây dựng NTM của huyện Tiên Yên đã đạt được nhiều kết quả nổi bật: Diện mạo nông thôn được đổi mới, ngày càng khang trang, sạch, đẹp, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên; hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư đồng bộ theo quy hoạch, có sự phân công, phân cấp quản lý, đầu tư cụ thể với phương châm *“Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”*; sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định, bền vững; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển nhanh, tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người dân địa phương,... văn hóa, xã hội phát triển, môi trường được bảo vệ; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được tăng cường và giữ vững. Sau 10 năm triển khai Chương trình xây dựng NTM, từ một huyện miền núi, tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 50,2%, xuất phát điểm thấp (năm 2010, toàn huyện đạt 02/19 tiêu chí, còn 4/11 xã và 18 thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn, chưa có xã nào đạt chuẩn NTM), đến hết năm 2019, toàn huyện đã có 11/11 xã trên địa bàn huyện đã đạt chuẩn NTM, hoàn thành trước 01 năm so với kế hoạch đề ra.

Kết quả cụ thể như sau:

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM là 11/11 xã, đạt 100%, theo các năm như sau: Năm 2017 có 03 xã được công nhận: Đông Ngũ, Đông Hải và Tiên Lãng; Năm 2018 có 03 xã được công nhận: Đồng Rui, Hải Lạng và Yên Than; Năm 2019 có 05 xã được công nhận: Đại Dực, Đại Thành (năm 2020, theo Nghị quyết Quốc hội, 2 xã Đại Dực, Đại Thành này sáp nhập lại với nhau thành xã Đại Dực), Điền Xá, Phong Dụ và Hà Lâu.

Như vậy, đến năm 2020, tất cả 10 xã trên địa bàn huyện (sau sát nhập) đều đã đạt chuẩn NTM; trong đó có 4 xã chưa đạt chuẩn NTM nâng cao là Đại Dực, Phong Dụ, Điền Xá và Hà Lâu; có 3 xã Đông Hải, Đông Ngũ và Tiên Lãng đã được UBND tỉnh Quảng Ninh công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; 3 xã đạt chuẩn NTM nâng cao là Đồng Rui, Hải Lạng và Yên Than.

- Thu bình quân đầu người trên địa bàn huyện Tiên Yên năm 2020 đạt 57,8 triệu đồng/người/năm.

***b) Đánh giá kết quả nổi bật, khó khăn thách thức trong xây dựng NTM gắn tái cơ cấu ngành nông nghiệp***

 ***- Về kết quả nổi bật***

+ Phong trào thi đua xây dựng NTM được triển khai sâu rộng, tạo không khí thi đua sôi nổi khắp làng quê. Với phương pháp, cách làm sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn vốn xây dựng NTM và công khai, minh bạch đã tạo ra phong trào thi đua sôi nổi trong xây dựng thôn đạt chuẩn NTM, xây dựng vườn mẫu, hộ gia đình kiểu mẫu, người dân thực sự vào cuộc và là chủ thể của chương trình, vùng quê nông thôn ngày càng trở thành địa chỉ miền quê đáng sống;

+ Phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn tương đối đồng bộ, làm thay đổi diện mạo bộ mặt nông thôn, tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống và phúc lợi cho nhân dân;

+ Chuyển đổi phương thức sản xuất từ tự cung, tự cấp sang phát triển sản xuất hàng hóa, ứng dụng KHKT vào sản xuất. Sản xuất theo quy mô hàng hóa nông nghiệp tập trung, trọng tâm là “*2 con, 1 cây*”, trong đó con gà Tiên Yên và con tôm tăng vượt bậc; áp dụng tiến bộ KHKT sản xuất thụ tinh nhân tạo giống gà Tiên Yên; tạo lập và quản lý nhãn mác, bao bì thương hiệu sản phẩm. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng giá trị trên 1 ha đất canh tác đạt 125 triệu đồng/ha;

+ Dịch vụ-thương mại phát triển mạnh, đúng hướng, chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế. Hoạt động thương mại phát triển nhanh, đi vào chiều sâu với nhiều thành phần kinh tế tham gia, thị trường hàng hóa đa dạng và phong phú về mẫu mã và chủng loại đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân;

+ Phát huy các giá trị văn hóa, xây dựng Tiên Yên trở thành nơi kết nối sắc màu các dân tộc vùng Đông Bắc của tỉnh Quảng Ninh;

+ Đã xây dựng được hệ thống chính trị vững mạnh từ huyện đến xã, nhất là đội ngũ thường trực chuyên trách về NTM cấp huyện, xã; quốc phòng, an ninh bảo đảm, ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

 ***- Khó khăn, hạn chế, thách thức trong xây dựng NTM gắn tái cơ cấu ngành nông nghiệp***

 + Việc triển khai Chương trình xây dựng NTM ở một số xã còn chậm; phong trào*“Toàn dân chung sức xây dựng NTM*” chưa đồng đều ở các địa phương;

 + Sản xuất hàng hóa nông nghiệp các sản phẩm chủ lực của địa phương phát triển mạnh về số lượng, tuy nhiên chưa gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông sản;

 + Liên kết sản xuất còn yếu; các HTX được thành lập nhưng một số HTX còn nặng về hình thức, tổ chức bộ máy thiếu chặt chẽ, hiệu quả sản xuất-kinh doanh còn thấp; chưa có nhiều doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến nông nghiệp;

+ Xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh làm thay đổi tập quán sinh hoạt còn nhất là vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại một số xã còn chậm; Một số di sản và giá trị văn hóa đặc sắc bản địa như: văn hóa Dao, Tày,… cùng một số văn hóa vật thể chưa được khai thác;

+ Còn một số công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ tái cơ cấu chưa được triển khai thực hiện tại một số xã; suất đầu tư và tỷ lệ góp vốn đầu tư từ nhà nước còn thấp, nên chưa thực sự khuyến khích thu hút đầu tư từ nhân dân;

+ Hệ thống chính trị cấp thôn bản nhìn chung còn yếu, thiếu chủ động trong các hoạt động liên quan. Điều này có thể ảnh hưởng rất lớn đến chủ trương xây dựng làng thông minh gắn với sản xuất;

+ Việc xây dựng vườn mẫu, cánh đồng mẫu, thôn kiểu mẫu bị hạn chế về nhiều mặt; chưa có chính sách đủ lớn khuyến khích phát triển.

***2.2.4. Thực trạng du lịch sinh thái - văn hóa***

***a) Đánh giá thực trạng du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với mô hình, vùng sản xuất trên địa bàn huyện Tiên Yên***

***\*Khái quát về du lịch huyện Tiên Yên:***

Tiên Yên với vị trí địa lý là trung tâm cửa ngõ miền Đông Bắc của tỉnh, là cửa ngõ ra biển gần nhất của các tỉnh biên giới phía; có rừng, có biển, địa hình trải rộng trên cả 3 vùng (miền núi, đồng bằng, ven biển); hệ thống rừng ngập mặn trải dài ven biển ở các xã Đồng Rui, Đông Ngũ, Đông Hải, Hải Lạng và Tiên Lãng, với hơn 5.000 ha bãi triều, trong đó có khoảng 2.000 ha rừng ngập mặn được đánh giá là đa dạng sinh học nhất, nhì miền Bắc với hệ thống động thực vật khá trù phú, một số nơi vẫn giữ được nét hoang sơ, thiên tạo vốn có. Cùng với nguồn tài nguyên thiên nhiên, Tiên Yên có nguồn tài nguyên nhân văn phong phú, là điểm hội tụ và giao thoa văn hóa các dân tộc của các huyện miền Đông, với 14 dân tộc anh em cùng chung sống, nhiều giá trị, bản sắc văn hóa độc đáo còn được lưu giữ; điển hình là các lễ hội văn hóa, thể thao của các dân tộc Dao, Tày, Sán Chỉ, Sán Dìu và sinh hoạt tín ngưỡng trong cộng đồng. Toàn huyện hiện có 41 di tích lịch sử, văn hóa, trong đó có 21 di tích, danh lam thắng cảnh, khảo cổ được UBND tỉnh quản lý, kiểm kê; 06 di tích lịch sử đã được công nhận, xếp hạng cấp tỉnh (Khe Giao, Đường số 4, Khe Tù, Hòn Ngò, Chùa An Long, Đền Đức Ông Hoàng Cần), 05 điểm du lịch đã được công nhận. Bên cạnh đó, Tiên Yên có văn hóa ẩm thực rất phong phú, đặc sắc, có thương hiệu; Phố đi bộ Tiên Yên được xây dựng với chủ đề “Hồn xưa, nét cũ, Tiên Yên phố” vào tối thứ bảy hàng tuần thu hút hàng nghìn lượt khách,…. Tất cả đã tạo nên cho Tiên Yên nguồn tài nguyên du lịch giàu giá trị.

***\*******Hạ tầng và các điều kiện phục vụ phát triển du lịch***

- Huyện Tiên Yên nằm ở điểm trung gian giữa Thành phố Móng Cái và Thành phố Hạ Long, có vị trí là giao điểm của các đường quốc lộ: 18A từ Móng Cái về Hạ Long, 18C đi Bình Liêu, 4B từ Lạng Sơn xuống, do đó có điều kiện để phát triển kinh tế dịch vụ, trở thành một huyện có chức năng tổng hợp - liên kết vùng của khu vực Đông Bắc của tỉnh và các tỉnh biên giới phía Bắc, khu vực tập kết, trung chuyển hàng hoá biên giới rất thuận lợi trong việc điều tiết hàng hóa xuất khẩu qua biên giới khi có sự thay đổi về chính sách biên mậu từ phía nước bạn và là cơ sở hậu cần - dịch vụ cho các khu kinh tế mở trong tương lai.

- Giao thông thuỷ khá thuận lợi với các bến cảng sâu và kín như cảng Mũi Chùa, thác Cối, bến Châu cùng với quần cảng Vạn Hoa ở phía ngoài cửa biển Tiên Yên. Hiện tại các dịch vụ vận chuyển du khách bằng đường thủy chủ yếu được cung cấp thông qua các nhà bè. Hệ thống đường giao thông nông thôn cơ bản đã được bê tông hoá, các xã đều có đường ô tô về đến tận trung tâm.

- Huyện có lợi thế về địa lý - giao thông liên kết với các cửa khẩu: Móng Cái, Bắc Phong Sinh, Hoành Mô, thậm chí cả Tân Thanh (Lạng Sơn)*.*

- Trên địa bàn huyện hiện đã có một số khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí phục vụ khách du lịch; có khu trung tâm văn hóa thể thao; 2 bên bờ sông Tiên Yên đã được nâng cấp, cải tạo.

- Huyện đã từng bước quan tâm, quy hoạch công viên cây xanh, hệ sinh thái rừng ngập mặn, các danh lam thắng cảnh (hồ Khe Táu, hồ Khe Cát, thác Pạc Sủi), di tích lịch sử văn hóa (Khe Tù, di chỉ Hòn Ngò, chùa Quán Âm, chùa Linh Quang, Đền thờ Đức ông Hoàng Cần, chùa An Long) để đầu tư, tôn tạo, xây dựng và mở rộng trong tương lai để nơi đây trở thành những điểm tham quan học tập giáo dục truyền thống, văn hóa tín ngưỡng tâm linh và môi trường cảnh quan phục vụ du khách. Hệ thống cơ sở hạ tầng tới các điểm du lịch tiềm năng trên địa bàn huyện được quan tâm. Huyện đã hoàn thành tuyến đường mòn đi dọc thác Pạc Sủi, hoàn thiện tuyến đường bê tông dẫn tới chân thác Pạc Sủi, tạo thuận lợi cho du khách tới tham quan và tiến hành mở rộng đường vào xã Đồng Rui.

Đánh giá chung, hệ thống điện lưới, hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống hạ tầng giao thông, viễn thông quốc và các điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường đã giải quyết được các yêu cầu hiện tại, tuy nhiên để đáp ứng được các yêu cầu mới cho phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng của huyện Tiên Yên đến năm 2030 các ngành các địa phương trên địa bàn huyện cần phối hợp đầu tư đồng bộ vừa tiết kiệm cho ngân sách, vận dụng được các nguồn lực xã hội hóa, đem lại hiệu quả và phát triển bền vững.

***\*Tài nguyên du lịch tự nhiên***

*(1) Hệ sinh thái rừng ngập mặn:* Tiên Yên có 35 km bờ biển với hơn 10.000 ha đất bãi triều, trong đó có khoảng trên 3.000 ha đất rừng ngập mặn được đánh giá là đa dạng sinh học nhất, nhì miền Bắc. Rừng ngập mặn của Tiên Yên trải dài dọc ven biển, đóng vai trò quan trọng đối với cuộc sống của người dân, đồng thời, rất thuận lợi để Tiên Yên phát triển kinh tế thủy sản kết hợp với du lịch. Hệ sinh thái rừng ngập mặn không những giúp điều hoà không khí, là bức tường xanh vững chắc bảo vệ bờ biển, đê biển, hạn chế xói lở và các tác hại của bão lụt mà còn mang lại nguồn lợi hải sản lớn cho người dân.

*(2) Mũi Lòng Vàng:* Mũi Lòng Vàng nằm cách bờ khoảng 4km, thuộc xã đảo Đồng Rui, với diện tích hơn 40 ha. Mũi Lòng Vàng là những bãi cát chưa có sự tác động nhiều của con người nên vẫn giữ được những nét đẹp hoang sơ, thiên tạo vốn có. Với hơn 3 km2 bờ cát trải dài, có thể khai thác để phát triển bãi tắm. Hai bên bờ là hệ sinh thái rừng ngập mặn phong phú, đa dạng, phù hợp với phát triển du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái.

*(3) Thác Pạc Sủi:* Cách trung tâm thị trấn Tiên Yên khoảng 12km, thác còn tương đối hoang sơ, chưa từng bị con người can thiệp. Thác nước Pạc Sủi có 16 tầng gắn với phong cảnh rừng tự nhiên, hệ thống thực vật cũng khá phong phú, đa dạng, có tiềm năng lớn để phát triển du lịch sinh thái.

*(4) Mạch nước khoáng nóng:* Cách trung tâm trụ sở UBND xã Đại Thành cũ (nay thuộc xã Đại Dực) khoảng 1,5 km. Đây là mạch nước khoáng thuộc loại Bicacbonat - Natri, đã qua khảo sát, nhiệt độ nước luôn duy trì trong khoảng 40 - 420C, rất có triển vọng khai thác, phát triển du lịch. Tuy nhiên, vì vị trí mạch nước khoáng nóng nằm ở dưới chân ruộng, nên trong quá trình canh tác đã bị đất ruộng vùi lấp đi khá nhiều.

*(5) Ruộng bậc thang ở xã Đại Dực:* Ruộng bậc thang ở xã Đại Dực với diện tích cấy lúa lên tới trên 500 ha, đã cải tạo các vạt đất canh tác lúa thành các chân ruộng bậc thang. Từ đó tạo thành nét đẹp rất đặc trưng ở xã Đại Dực, có tiềm năng lớn để khai thác, phát triển du lịch.

 *(6) Hồ Khe Táu:* Hồ Khe Táu (hay còn gọi là Đập Khe Táu) thuộc xã Đông Ngũ, đây là hồ nước với diện tích ứng với mực nước dâng bình thường hơn 30,6ha, độ sâu lớn nhất của hồ gần 19 m, không khí trong lành, nước trong xanh, xung quanh hồ là đồi núi. Đây là một trong những hồ nước ngọt với diện tích lớn, có cảnh quan đẹp, không khí trong lành. Hồ không chỉ có giá trị lớn về mặt thuỷ lợi, mà còn có tiềm năng để phát triển du lịch.

*(7) Núi Vua (Voòng Tài Lẻng), xã Phong Dụ:* Cao gần 500m, nằm trong đỉnh Thông Châu (Khau Vai) ở xã Phong Dụ. Đường lên đỉnh núi là một tuyến leo núi, với phong cảnh hoang sơ. Đỉnh núi là một đồng cỏ khá bằng phẳng, rộng, thoáng, phù hợp cho phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm, nghỉ dưỡng.

(*8) Thác Khe San, xã Phong Dụ:* Nằm ở thôn Khe San, dưới chân núi Vua. Thác có hai tầng thác đơn, cao 15m và thác đôi cao 35m, giữa một cánh rừng hoang sơ, cùng với núi Vua tạo thành một tuyến du lịch dã ngoại khám phá thiên nhiên.

Ngoài ra Tiên Yên còn có nhiều thắng cảnh khác như Hang Rồng, Thác Cá Nhảy (Hà Lâu), Hồ Khe Cát (Hải Lạng), Hồ 1/5 thôn Đồng Châu (xã Tiên Lãng),... là các địa điểm có điều kiện và tiềm năng khai thác, phát triển du lịch.

***\*Tài nguyên du lịch văn hóa***

*(1) Di tích lịch sử - văn hóa:*

- Tiên Yên là nơi hội tụ nhiều luồng văn hóa, di sản của cộng đồng các dân tộc vùng Đông Bắc như Kinh, Tày, Dao, Sán Chay, Sán Chỉ, Sán Dìu. Các nhà khảo cổ học đánh giá, Tiên Yên như cái nôi của người Việt cổ sinh sống. Huyện Tiên Yên có nhiều di tích cách mạng và hệ thống các công trình kiến trúc Pháp cổ. Trong 42 di tích lịch sử, văn hóa của huyện thì có 15 di tích nằm trong danh mục kiểm kê theo Quyết định của UBND tỉnh, 06 di tích được xếp hạng cấp tỉnh, 02 công trình kiến trúc cổ đã được huyện kiểm kê, lập hồ sơ phân loại để có kế hoạch quản lý, trùng tu, tôn tạo và đề nghị xếp hạng các cấp.

- Một số di tích lịch sử, văn hóa có giá trị có thể đưa vào khai thác du lịch như: Phố cổ Tiên Yên; Di tích lịch sử Khe Tù; Dãy nhà Bệnh viện Pháp gắn liền với di tích lịch sử Khe Tù; Di tích chiến thắng Đường số 4 tại xã Điền Xá; Khu vực Đồn Cao; Tòa nhà Huyện ủy; Khu nhà số 186 của cố Chủ tịch Lê Bẩy (Phố Đông Tiến),….

*(2) Di tích lịch sử tôn giáo tiêu biểu có giá trị về du lịch:*

- Miếu Đại Vương: Được công nhận là di tích lịch sử cấp tỉnh năm 2020, là nơi thờ tướng quân Hoàng Cần, một danh tướng dưới thời nhà Trần, thể hiện tín ngưỡng của nhân dân xã Hải Lạng. Đặc biệt có nhiều hoạt động văn hoá văn nghệ, các trò chơi dân gian diễn ra tại đây. Một năm có 5 ngày lễ: Lễ cầu phúc tháng giêng, lễ cầu nước chống hạn 15 tháng 4, lễ cầu nước chống hạn 15 tháng 7, lễ cầu may 15 tháng 10, tạ lễ cuối năm 15 tháng 12.

- Linh Quang tự: Ngôi chùa có từ hơn 150 năm thuộc phố Đông Tiến thị trấn Tiên Yên. Mặc dù đã qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa nhưng vẫn giữ được nguyên cây nóc của ngôi chùa cổ.

- Quán Âm tự: Ngôi chùa có hàng trăm năm tại thôn Thác Bưởi I xã Tiên Lãng, hiện đang được trùng tu lại và mở rộng, mỗi năm đón hàng ngàn lượt du khách đến tham quan và hành lễ.

- Đình Đồng Đình, xã Phong Dụ: Đình Đồng Đình không biết có từ bao giờ, chỉ nghe nói là có từ thời vua Gia Long (đầu thế kỷ XIX) do một quan khâm sai đại thần có tên là Lê Bắc Kỳ đi trấn an vùng Đông Bắc cho lập nên. Thôn Đồng Đình là nơi hằng năm diễn ra Lễ hội Đồng Đình. Lễ hội gồm các nghi lễ đặc trưng của dân tộc Tày như: Lễ Lẩu Then, dâng hương, cúng thần và phần hội.

*(3) Các lễ hội truyền thống:*

- Lễ hội văn hoá thể thao dân tộc Sán Chỉ, mùa vàng miền Soóng cọ (xã Đại Dực, Tiên Yên) tổ chức vào tháng 10 hàng năm.

- Lễ hội đình Đồng Đình, ngày hội văn hóa thể thao dân tộc Tày (xã Phong Dụ, Tiên Yên) tổ chức vào tháng 3 hàng năm.

- Lễ hội văn hóa thể thao dân tộc Dao, chợ phiên Hà Lâu (xã Hà Lâu, Tiên Yên) tổ chức vào tháng 4 hàng năm.

- Lễ hội đền Đức ông Hoàng Cần, ngày hội văn hóa thể thao dân tộc Sán Dìu (xã Hải Lạng, Tiên Yên) tổ chức vào tháng 11 hàng năm.

*(4) Các di sản văn hóa phi vật thể:* Với kết cấu dân số bao gồm trên 52% là người DTTS với 14 dân tộc khác nhau cùng chung sống nên các loại hình di sản văn hóa phi vật thể của huyện Tiên Yên tương đối phong phú và đa dạng, bao gồm trang phục, ngôn ngữ, chữ viết, văn học, nghệ thuật, phong tục, tập quán, làng nghề truyền thống, dân ca, dân vũ, dân nhạc, những nghi lễ theo chu kỳ đời người của các dân tộc, tiêu biểu là:

- Lễ “Cầu mùa” của dân tộc Sán Chỉ.

- Nghi lễ “Lẩu then”, “Lồng Tồng” của dân tộc Tày.

- Lễ “Đại phan” của dân tộc Sán Dìu.

- Lễ “Cấp sắc”, “Rước dâu” của dân tộc Dao.

*(5) Văn hóa ẩm thực:* Ẩm thực của Tiên Yên rất phong phú với nhiều món ăn mang thương hiệu đặc trưng như: Gà Tiên Yên, bánh gật gù, trứng vịt biển Đồng Rui, khâu nhục, kẹo lạc hồng, mật ong Tiên Yên,...

***\*Cơ sở dịch vụ lưu trú, ăn uống phục vụ du khách***

- Cơ sở lưu trú du lịch đã được đầu tư, hiện trên toàn huyện có 37 nhà nghỉ với 270 buồng, trong đó cơ sở được phép kinh doanh lưu trú du lịch là 13 cơ sở với 111 phòng. Các cơ sở đa phần đều mới được xây dựng tuy nhiên quy mô của các nhà nghỉ đều tương đối nhỏ, từ 4-16 phòng và phân bổ, tập trung chủ yếu tại thị trấn Tiên Yên.

- Cơ sở dịch vụ ăn uống: Tổng số nhà hàng trên địa bàn huyện là 36 cơ sở với 6.100 chỗ. Hệ thống nhà hàng, quán ăn phục vụ khách đi đường, các điểm dừng chân: tập trung, phân bổ dọc theo quốc lộ 18A, chủ yếu là từ địa phận xã Tiên Lãng, qua thị trấn Tiên Yên đến hết xã Hải Lạng. Các nhà hàng, quán ăn này đều có bãi đỗ xe cho khách và kết hợp với bán các sản phẩm, các đặc sản của Tiên Yên như bánh chả, kẹo lạc hồng, khoai lang, mật ong, bánh chưng;… hệ thống nhà hàng, quán ăn phục vụ người dân: tập trung chủ yếu trong nội thị của thị trấn Tiên Yên, xã Tiên Lãng. Hệ thống nhà bè: là các quán ăn chỉ chuyên phục vụ các món hải sản, được xây dựng trực tiếp trên bè nổi thả trên sông. Tập trung chủ yếu tại cảng Mũi Chùa, xã Tiên Lãng. Ngoài việc phục vụ ăn uống, các nhà bè còn có thể cung cấp các dịch vụ vận chuyển bằng tàu thuyền để đi câu hoặc ngắm cảnh cửa sông.

***\*Các khu, điểm du lịch***

Có 5 điểm du lịch được công nhận tại huyện Tiên Yên*(Điểm du lịch Thác Pạc Sủi; Điểm du lịch Chợ Tiên Yên; Điểm du lịch Đền thờ Đức ông Hoàng Cần (Miếu Đại Vương); Điểm du lịch Trung tâm Văn hóa, Thể thao các dân tộc vùng Đông Bắc; Điểm du lịch Phố đi bộ Tiên Yên).*

***\*Sản phẩm du lịch***

- Trong những năm qua, huyện Tiên Yên đã xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm du lịch đặc trưng, thương hiệu cho một số sản phẩm: miến dong Tiên Yên, gà Tiên Yên, rượu ba kích, mật ong Tiên Yên, trứng vịt biển Đồng Rui, ngán, khau nhục, kẹo lạc hồng, dưa chua úp thảm,…

- Với mục tiêu xây dựng các sản phẩm phục vụ khách du lịch, huyện Tiên Yên đã chỉ đạo và khuyến khích các doanh nghiệp có sản phẩm du lịch của địa phương tham gia các lễ hội, hội chợ, triển lãm như hội chợ ẩm thực, hội chợ OCOP Quảng Ninh, hội chợ nông sản vùng miền, hội chợ Quốc tế Việt - Trung, Lễ hội Carnaval Hạ Long,... để giới thiệu, quảng bá các nét văn hóa ẩm thực đặc sắc, các nét văn hóa truyền thống, cũng như giới thiệu về mảnh đất và con người Tiên Yên tới bạn bè trong và ngoài nước, qua đó thúc đẩy các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, người dân tham gia phát triển kinh tế, tạo thế mạnh của địa phương, góp phần thu hút khách du lịch đến với Tiên Yên.

- Tuy nhiên, huyện chưa xây dựng chiến lược tổng thể phát triển du lịch, lại thiếu vốn đầu tư nên việc quản lý, bảo vệ tài nguyên và khai thác các sản phẩm du lịch còn hạn chế. Cơ sở hạ tầng dù đã được bê tông hóa nhưng đường giao thông đi đến các điểm du lịch tự nhiên vẫn còn nhiều khó khăn; nhiều địa điểm chưa có đường vào hoặc muốn vào thì phải đi bộ hoàn toàn. Hiện du lịch Tiên Yên chưa có bước phát triển rõ nét, hiệu quả và tương xứng với tiềm năng sẵn có. Đặc biệt, các điểm du lịch chưa được khai thác triệt để. Hệ thống dịch vụ du lịch về lưu trú, ăn uống, vận tải, các sản phẩm đặc sản của địa phương phục vụ khách du lịch chưa được đầu tư đúng mức. Hiện tại Tiên Yên đang phát triển theo hướng là điểm dừng chân cho các đoàn khách du lịch tuy nhiên hệ thống các quán ăn, nhà hàng trên địa bàn huyện vẫn chưa được đầu tư bài bản, đội ngũ phục vụ hầu như chưa được qua đào tạo dẫn đến chất lượng phục vụ chưa cao, doanh thu du lịch còn hạn chế.

***\*Nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch***

-Công tác đào tạo nguồn nhân lực du lịch được huyện Tiên Yên hết sức quan tâm. Huyện đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao chất lượng nhân lực du lịch cho 100 đồng chí là cán bộ một số phòng ban chuyên môn, công chức văn hóa của 12 xã, thị trấn; tập huấn nghiệp vụ thuyết minh viên du lịch huyện Tiên Yên. Phối hợp với Sở Du lịch và Trường Đại học Hạ Long tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ thuyết minh viên du lịch của huyện, cán bộ phụ trách Văn hóa Thông tin thường xuyên cử tham dự các lớp tập huấn du lịch và tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch do Sở cơ quan chuyên ngành phối hợp với Dự án EU tổ chức và tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn ngày tại Tỉnh và tại nước ngoài.

- Tuy vậy, ngành kinh tế du lịch của huyện vẫn chưa thực sự phát triển, dẫn đến người dân chưa nhận thấy được rõ nét các lợi ích mà du lịch mang lại nên chưa chủ động đầu tư để nâng cao chất lượng các dịch vụ phục vụ du lịch. Số lượng cũng như chất lượng của nguồn nhân lực hoạt động kinh doanh du lịch còn yếu và thiếu. Trên địa bàn huyện chưa có đội ngũ chuyên môn hoạt động trong lĩnh vực du lịch, nhân lực ngành du lịch còn nhiều mặt chưa đáp ứng được nhiệm vụ phát triển du lịch khi hội nhập. Nhân lực có trình độ, tay nghề cao chưa nhiều, đa phần đều không có trình độ ngoại ngữ, tin học và thiếu các kiến thức chung khác.

***\*Phát triển thị trường du lịch***

- Thị trường khách du lịch Tiên Yên bao gồm thị trường khách nội địa và thị trường khách quốc tế, trong đó khách du lịch nội địa là người Việt Nam và người nước ngoài nhưng sống và làm việc tại Việt Nam; khách du lịch quốc tế là khách Trung Quốc đi qua cửa khẩu dừng chân trên đường.

- Thị trường nội địa: Chiếm số đông và là thị trường trọng điểm do xu hướng đi du lịch trong nước tăng nhờ kinh tế phát triển, mức sống cao hơn, thời gian rỗi nhiều hơn, nhận thức về du lịch được nâng cao, thông tin du lịch được phổ biến thường xuyên hơn. Khách nội địa đến Tiên Yên được xác định rất đa dạng thuộc nhiều lứa tuổi, nhiều thành phần nghề nghiệp khác nhau có thể đi lẻ hoặc đi theo đoàn. Trong mấy năm gần đây khách du lịch tham quan, tìm hiểu di tích lịch sử văn hóa ở vùng cao phát triển nhanh. Đối tượng chính của loại hình du lịch này là những người trẻ tuổi.

- Đối với thị trường các tỉnh lân cận trong vùng và nội tỉnh: Các thị trường lân cận như Lạng Sơn, Hải Dương, Hưng Yên, Lào Cai, Cao Bằng, Bắc Cạn, Phú Thọ, Bắc Ninh, Bắc Giang,… và cả thị trường nội tỉnh Quảng Ninh tuy không có được quy mô và tầm quan trọng như thị trường thủ đô Hà Nội nhưng cũng là những thị trường có tiềm năng với tổng số dân gần 10 triệu người, nhu cầu tập trung vào các sản phẩm du lịch cuối tuần, du lịch sinh thái,… là một trong những nguồn cung cấp khách nội địa quan trọng,

- Các thị trường các tỉnh khác: Khách du lịch từ các tỉnh khác như vùng Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên, các tỉnh Nam Bộ,… do khoảng cách địa lý xa nên chưa nhiều.

- Đối với thị trường khách quốc tế: Khách du lịch quốc tế đến Tiên Yên từ các trung tâm du lịch lớn như Hà Nội, Hải Phòng, các tỉnh trong vùng Trung du miền núi Bắc Bộ và trực tiếp từ Trung Quốc qua các cửa khẩu đường bộ của Quảng Ninh và Lạng Sơn,… Khách du lịch từ thị trường này tập trung chủ yếu là khách Trung Quốc thông qua địa phương có biên giới với Quảng Ninh là Quảng Tây sang Tiên Yên trực tiếp qua cửa khẩu biên giới đường bộ Móng Cái, thường đến với mục đích buôn bán, tham quan thắng cảnh, ẩm thực, du lịch lễ hội (tâm linh), thăm thân. Vì vậy thời gian lưu trú không dài và khả năng chi tiêu thấp, sử dụng các dịch vụ du lịch với chất lượng ở mức trung bình, ít khi sử dụng các dịch vụ cao cấp.

- Ngoài ra, các thị trường truyền thống, khả năng chi tiêu cao như Châu Âu, Bắc Mỹ, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc,... đến Việt Nam chủ yếu với mục đích tham quan thắng cảnh, thương mại, khám phá, mạo hiểm, tìm hiểu văn hóa lịch sử và đến các khu vực còn bảo tồn được tương đối nguyên vẹn các giá trị văn hoá, tự nhiên. Các đồ thủ công mỹ nghệ, quà lưu niệm và món ăn Việt Nam rất được ưa chuộng, đây là các sản phẩm có thế mạnh của huyện. Đây là những thị trường khách lớn nhưng số lượng khách đến Tiên Yên hiện còn hạn chế do khả năng tiếp cận giao thông khó khăn, sự trao đổi thương mại và du lịch giữa Việt Nam với những nước này còn ở giai đoạn đầu phát triển.

***b) Phân tích thuận lợi, khó khăn thách thức của du lịch sinh thái – văn hóa huyện Tiên Yên, giai đoạn 2015-2020***

***- Thuận lợi, cơ hội***

+ Vị trí địa lý thuận lợi, nằm trong chiến lược phát triển của KTXH của tỉnh, có tiềm năng thế mạnh đặc biệt về du lịch với các loại hình du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa và du lịch cộng đồng (cách sân bay Vân Đồn 40km, cách Hạ Long hơn 60 km; trung tâm văn hóa xã hội vùng Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh; Vùng hậu cần của Vân Đồn, Cẩm Phả),...;

+ Có nhiều di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh đẹp (thác Pạc Sủi, văn hóa Dao, Tày,…). Có nhiều nét văn hóa và giá trị văn hóa dân tộc đặc sắc: Tày, Dao,.… Một số nghề truyền thống còn được lưu giữ và phát triển, trở thành thế mạnh, lợi thế của địa phương;

+ Cộng đồng sinh sống tập trung các thôn xóm, thuận lợi cho công tác phát triển du lịch. Cộng đồng luôn có tinh thần đoàn kết, cần cù trong lao động, quyết chí làm giàu trên mảnh đất quê hương. Cộng đồng địa phương mong muốn du lịch phát triển, sẵn sàng tham gia giới thiệu và hướng dẫn khách du lịch hòa nhập và trải nghiệm phong cách văn hóa, cảnh đẹp thiên nhiên mang tính đặc trưng của địa phương. Người dân sẵn sàng tham gia phát triển du lịch nếu có doanh nghiệp đầu tư;

+ Các chủ trương, chính sách và chỉ đạo kịp thời của trung ương và của tỉnh trong việc lập quy hoạch và triển khai phát triển huyện Tiên Yên sớm trở thành khu kinh tế công nghiệp gắn kết với khu hành chính - kinh tế Vân Đồn;

+ Du lịch nông nghiệp được xem là một loại du lịch bền vững bởi những lợi ích mà loại hình này mang lại: Sự kết hợp giữa du lịch và nông nghiệp tại tiên Yên có thể đa dạng các hoạt động thương mại và giải quyết các vấn đề về thiếu thị trường tiêu thụ trong ngành nông nghiệp, tạo ra việc làm tại các vùng nông thôn và gia tăng giá trị sản xuất nông nghiệp cho nông dân dưới nhiều hình thức thương mại; Đề án được triển khai sẽ góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc, trong điều kiện hội nhập văn hóa đang có nhiều thay đổi; Kết nối với các tuyến du lịch trong tỉnh được biết với khách nước ngoài, tăng cường xúc tiến, quảng bá để thu hút nhà đầu tư.

 ***- Khó khăn, hạn chế, thách thức:*** (i) Hoạt động du lịch còn mang tính tự phát, thiếu tính chuyên nghiệp; các dịch vụ du lịch còn hạn chế, nguồn thu nhập của người dân từ du lịch còn chưa ổn định; (ii) Giá trị văn hóa truyền thống ngày càng mai một, đứt quãng, thất truyền dần rơi vào quên lãng; (iii) Không gian văn hoá phần nào bị phá vỡ, do mặt trái của sự phát triển KTXH; (iv) Một số di sản văn hóa đặc sắc bản địa như: văn hóa Dao, Tày,.… chưa được khai thác; (v) Cơ sở hạ tầng còn yếu và thiếu, chưa đủ năng lực để phục vụ khách du lịch; (vi) Hoạt động du lịch nông thôn tại Tiên Yên vẫn phát triển manh mún, tự phát; chất lượng dịch vụ hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, tính liên kết giữa du lịch, nông nghiệp và khu vực nông thôn để tạo thành chuỗi giá trị sản phẩm chưa thực sự hiệu quả, chưa phát huy được thế mạnh nông nghiệp của địa phương.

**3. Chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển nông nghiệp gắn xây dựng NTM của Việt Nam và tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

**3.1. Chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển nông nghiệp gắn xây dựng NTM của Việt Nam**

Đề án tái cơ cấu nông nghiệp này cần phù hợp với quan điểm và mục tiêu của Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030. Về quan điểm, cần quán triệt đầy đủ các nội dung sau đây:

- Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp (bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản) phải theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh, hiệu quả và tính bền vững của nền nông nghiệp;

- Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp phải trên cơ sở đổi mới tư duy, tiếp cận thị trường, kết hợp ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất, nước, nhân lực được đào tạo, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái để khai thác có hiệu quả lợi thế và điều kiện tự nhiên của mỗi vùng, mỗi địa phương;

- Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp phải gắn kết chặt chẽ sản xuất với công nghiệp bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ; tích tụ ruộng đất, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung;

- Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp phải gắn với chuyển đổi cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn, điều chỉnh dân cư, cùng với nguồn nhân lực được đào tạo, đáp ứng yêu cầu sản xuất nông, lâm, thủy sản hàng hóa với trình độ kỹ thuật và công nghệ ngày càng cao;

- Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp phải có hệ thống chính sách huy động cao các nguồn lực xã hội, trước hết là đất đai, lao động, rừng và biển, phát huy sức mạnh hội nhập quốc tế và sự hỗ trợ của nhà nước;

Về mục tiêu, Đề án này cần đáp ứng các nội dung: Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh; áp dụng KHCN để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực trước mắt và lâu dài, đáp ứng nhu cầu đa dạng và xuất khẩu; nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, nguồn nước, lao động và nguồn vốn; nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân, ngư dân và người làm rừng.

**3.2. Chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển nông nghiệp gắn xây dựng NTM của tỉnh Quảng Ninh**

Khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai; ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ KHKT trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị và giá trị gia tăng trên một đơn vị sản xuất, đảm bảo ATTP, tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp của tỉnh trên thị trường trong nước và quốc tế. Nâng cao thu nhập và đời sống, tinh thần cho người lao động trong ngành nông nghiệp tỉnh, thực hiện thành công Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM.Xây dựng NTM là một quá trình lâu dài, thường xuyên và liên tục, có điểm bắt đầu nhưng không có điểm kết thúc. Xây dựng NTM đảm bảo “*Hiệu quả, Toàn diện và Bền vững*”, tiếp tục hướng tới nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế nông thôn, trong đó, lấy sản xuất nông nghiệp sạch và an toàn, thân thiện với môi trường làm nền tảng, gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ nông thôn, phù hợp với quá trình đô thị hóa, hướng tới sản xuất nông nghiệp hữu cơ; tiếp tục nâng cao hiệu quả Chương trình OCOP; đẩy mạnh công tác giữ gìn, bảo vệ môi trường để xây dựng NTM bền vững; tiếp tục đột phá, sáng tạo những cách làm và hướng đi mới.

**3.3. Tính phù hợp của Đề án đối với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện Tiên Yên trong tương lai**

Ngày 19/3/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định 840/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Tiên Yên. Theo đó, đất nông nghiệp hiện trạng năm 2020 là 56.281,62 ha; quy hoạch đến năm 2030 là 57.773,94 ha, tăng 1.492,31 ha so với năm 2020. Diện tích đất nông nghiệp tăng do khai thác quỹ đất chưa sử dụng: Năm 2020 có 2.086,08 ha đất chưa sử dụng; quy hoạch đến năm 2030 là 47,16 ha, giảm 2.038,92 ha so với năm 2020. Như vậy, nhìn về tổng thể nếu có điều chuyển đất cho doanh nghiệp đầu tư các dự án nông nghiệp hoặc phi nông nghiệp (như khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng,…) tuy nhiên không có ảnh hưởng nhiều đến không gian sản xuất nông nghiệp, đến quỹ đất sản xuất nông nghiệp của huyện Tiên Yên.

Để góp phần nâng cao tính phù hợp của Đề án này đối với chiến lược, quy hoạch cần thực hiện đồng bộ các điểm sau đây:

- Huy động các nguồn lực để tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, kinh tế, xã hội đồng bộ, nhất là ở các xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đảm bảo bền vững gắn với quá trình đô thị hóa để hoàn thành mục tiêu đến trước năm 2027 có thể tái lập thị xã Tiên Yên.

- Trong phát triển kinh tế, tiếp tục xác định nông nghiệp, dịch vụ là thế mạnh do đó huyện phải đổi mới và tổ chức loại hình thức sản xuất cho hiệu quả theo hướng nuôi trồng công nghệ cao; khuyến khích mô hình trang trại, gia trại, phát triển HTX để đảm bảo sản phẩm OCOP có chất lượng, nhất là gà Tiên Yên phát huy hiệu quả kinh tế. Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển và mặt nước theo hướng công nghiệp quảng canh và sinh thái; đồng thời thực hiện nghiêm các giải pháp phát triển nguồn lợi thủy sản với địa phương có bờ biển dài 35 km. Coi trọng hơn nữa việc ứng dụng chuyển giao KHKT, tập trung sản xuất con giống và quá trình nuôi trồng, chế biến đạt hiệu quả kinh tế. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong ngành nông nghiệp.

- Cùng với tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và cải thiện môi trường, huyện Tiên Yên cần sẵn sàng tạo quỹ đất sạch để chuẩn bị cho xây dựng các khu dịch vụ hậu cần, logistic,... để thu hút doanh nghiệp lớn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, dịch vụ, hậu cần ở Tiên Yên, nhất là khi đường cao tốc Hạ Long-Vân Đồn-Tiên Yên-Móng Cái hoàn thành. Huyện Tiên Yên cần phối hợp với các doanh nghiệp ngành than ở Cẩm Phả, các doanh nghiệp ở Vân Đồn và các địa phương khác để thu hút lao động, khách du lịch nghỉ dưỡng, đặc biệt là tiêu thụ các sản phẩm OCOP huyện Tiên Yên, các nông lâm đặc sản của huyện Tiên Yên, cũng như các sản phẩm vật thể, phi vật thể khác được tạo ra bởi Đề án này.

**3.4. Một số dự án, đề án, chương trình thực hiện tại huyện Tiên Yên, giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030**

Triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu nông nghiệp huyện Tiên Yên trong bối cảnh có nhiều cơ hội, nhiều thuận lợi bởi hàng loạt các dự án, đề án, chương trình do các doanh nghiệp đầu tư như Công ty cổ phần đầu tư Việt Dũng, tập đoàn TH True Milk, công ty cổ phần Flamingo Holding Group, Công ty TNHH Thủy sản Thanh Liêm,cũng như các dự án, đề án, chương trình đến từ các cơ quan, tổ chức Trung ương (Bộ Khoa học và Công nghệ, Chương trình Nông thôn-Miền núi), địa phương (tỉnh Quảng Ninh, huyện Tiên Yên) thực hiện trên địa bàn huyện Tiên Yên. Đây là nguồn lực đặc biệt quan trọng thúc đẩy phát triển KTXH, cũng như có những hỗ trợ tích cực cho Đề án này.

*(Chi tiết các chương trình, đề án, dự án đã phê duyệt/đang nghiên cứu triển khai theo phụ lục số 1.6 đính kèm)*

Khi các dự án, đề án, chương trình trên triển khai sẽ có nhiều tác động tích cực đến phát triển KTXH, tái cơ cấu kinh tế và sản xuất nông nghiệp huyện Tiên Yên như: là bước chuyển biến mạnh mẽ có tính đột phá về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXV nhiệm kỳ 2020-2025, tạo việc làm tại chỗ cho một bộ phận nhân dân địa phương, ứng dụng KHCN mới trong sản xuất, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, góp phần phát triển KTXH địa phương,…. Đặc biệt, các các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu được thực hiện từ chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi biên giới, góp phần thúc đẩy sản xuất, lưu thông sản phẩm, góp phần giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống nhân dân. Các dự án của Công ty cổ phần đầu tư Việt Dũng, tập đoàn TH True Milk, Công ty TNHH Thủy sản Thanh Liêm, của Bộ Khoa học & Công nghệ, Chương trình Nông thôn-Miền núi, các dự án từ tỉnh Quảng Ninh và huyện Tiên Yên sẽ ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm, tạo vùng sản xuất hàng hóa tập trung, tăng thêm giá trị gia tăng,… Đặc biệt Đề án này có sự liên kết, kết nối với các Đề án khác đang triển khai đầu tư trên địa bàn huyện (*như Đề án khoa học công nghệ, Đề án cây ăn quả tập trung, Đề án ứng dụng công nghệ thông tin,…*).

**Phần III**

**QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI, TÁI CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP GẮN VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM OCOP VÀ DU LỊCH SINH THÁI-VĂN HÓA HUYỆN TIÊN YÊN, GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

**1. Quan điểm**

Quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXV nhiệm kỳ 2020 - 2025 và tổ chức thực hiện thắng lợi các Nghị quyết: Chủ động đổi mới, sáng tạo, huy động tối đa mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp theo chuỗi với giá trị gia tăng cao, lấy thương mại - dịch vụ làm khâu "*đột phá*". Phát triển nông nghiệp huyện Tiên Yên hiện đại, bền vững; ứng dụng tiến bộ KHKT, hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến, gắn với liên kết sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị gia tăng cao; gắn sản xuất với du lịch sinh thái - văn hóa và xây dựng NTM gắn nâng cấp đô thị; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển *“xanh, sạch, hiệu quả*” trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh của địa phương; nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng NTM với kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, góp phần hoàn thiện các tiêu chí để xây dựng huyện Tiên Yên trở thành trung tâm văn hóa giàu bản sắc các dân tộc vùng Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh, tiến tới tái lập thị xã Tiên Yên trước năm 2027.

**2. Mục tiêu của Đề án**

**2.1. Mục tiêu tổng quát**

Thực hiện tái cấu trúc ngành nông nghiệp, định vị sản xuất nhu cầu thị trường, mở rộng vùng chuyên canh tập trung quy mô lớn gắn với phát triển bền vững thông qua chiến lực thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tiếp tục bám sát chiến lược phát triển ưu tiên mở rộng các sản phẩm nông nghiệp chủ lực thuộc vùng sản xuất tập trung nằm trong quy hoạch của tỉnh Quảng Ninh và danh mục sản sản phẩm chủ lực, đặc thù, có lợi thế cạnh tranh của địa phương, tạo bước phát triển về quy mô, chất lượng và thương hiệu. Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp toàn diện, hiện đại theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến gắn với liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa, dịch vụ với sự tham gia mạnh mẽ của doanh nghiệp, hợp tác xã gắn với du lịch, dịch vụ, chế biến; tạo các liên kết sản xuất hiệu quả, bền vững.

**2.2. Mục tiêu cụ thể Đề án**

***2.2.1. Đến năm 2025***

a) Về phát triển sản xuất:

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng bình quân 9%/năm. Cơ cấu sản xuất ngành thủy sản chiếm 52,1% vào năm 2025 trong toàn bộ ngành nông lâm ngư nghiệp. Ngành chăn nuôi chiếm 51,5% trong ngành nông nghiệp vào năm 2025.

- Thu hút được các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp gồm: Nuôi lợn công nghệ cao, nuôi tôm công nghệ cao, chế biến sản phẩm gà Tiên Yên, sơ chế gạo chất lượng cao, chế biến các sản phẩm từ quả.

- Xây dựng được các chuỗi liên kết sản xuất: Gà Tiên Yên, sản xuất lúa chất lượng cao, trồng cây ăn quả.

- Phát triển thêm sản phẩm OCOP cả giai đoạn 2021-2025 có ít nhất từ 20-30 sản phẩm. Mỗi xã có từ 1-3 sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên và huyện ít nhất có 01 sản phẩm đạt tiêu chuẩn 5 sao.

b) Xây dựng được ít nhất 01 vùng sản xuất cây ăn quả gắn du lịch trải nghiệm;

c) Xây dựng được ít nhất 01 mô hình làng thông minh;

d) Về xây dựng NTM: Đến năm 2025, 100% xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 50% xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và 06 đơn vị hành chính cơ bản đạt tiêu chí phường đô thị. Thu nhập bình quân khu vực nông thôn tăng gấp 2 lần so với năm 2020.

***2.2.2. Định hướng đến năm 2030***

Tiếp tục đẩy nhanh đô thị hóa, tái cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát triển kinh tế du lịch gắn với sản xuất, văn hóa bản địa trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp sinh thái, tự nhiên với ngành hàng chỉ dẫn địa lý. Đẩy mạnh tốc độ phát triển KTXH toàn huyện với các điều kiện lợi thế, nhất là về hạ tầng kinh tế, phấn đấu đưa huyện Tiên Yên trở thành đô thị trước năm 2027, là trung tâm kinh tế, du lịch, văn hóa giàu bản sắc các dân tộc vùng Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh.

**3. Nội dung, nhiệm vụ**

**3.1. Tái cơ cấu phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gắn liền kết sản xuất và chủ thể sản xuất**

***3.1.1. Lĩnh vực trồng trọt***

***a) Mục tiêu***

Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt 6,3%/năm. Đến năm 2025, diện tích gieo trồng đạt 6.230 ha (tăng 33 ha so 2021), sản lượng lương thực có hạt đạt 21.450 tấn (tăng 540 tấn). Tập trung phát triển vùng trồng cây ăn quả, diện tích 800 ha vào năm 2025 và khoảng 1.500 ha vào năm 2030; vùng trồng lúa chất lượng cao đạt 200 ha vào năm 2025.

Đến năm 2025, xây dựng được 01 chuỗi sản xuất lúa chất lượng cao. Sau năm 2025, xây dựng tiếp 01 chuỗi liên kết sản xuất cây ăn quả và 01 làng sản xuất nông nghiệp thông minh.

Nâng hệ số sử dụng đất đạt 2,25 lần vào năm 2025.

***b) Nội dung tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt***

- Hiện trạng thổ nhưỡng đất đai, môi trường nước trong sẩn xuất nông nghiệp: Theo đánh giá phần hiện trạng tài nguyên tự nhiên tại mục 1, phần II.

- Nâng cao hiệu quả, giá trị gia tăng một số sản phẩm chính:

+ Nhóm cây trồng tiềm năng:

*(1)*Rau các loại nằm trong danh mục sản phẩm chủ lực quốc gia, sản phẩm chủ lực cấp tỉnh và là sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của tỉnh. Sản xuất rau theo hướng sản xuất hàng hoá, từng bước hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Áp dụng quy trình sản xuất các loại rau theo tiêu chuẩn VietGAP. Chuyển giao công nghệ sơ chế, bảo quản rau muối dưa. Đầu tư cơ sở hạ tầng để xây dựng và phát triển vùng rau tập trung, sản xuất hàng hoá với diện tích 100 ha ứng dụng công nghệ tiên tiến tại Đông Ngũ, Đông Hải, Phong Dụ. Xây dựng mạng lưới sản xuất, quản lý chất lượng và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

Diện tích gieo trồng cây rau năm 2025 dự kiến tăng lên 700 ha bằng việc mở rộng diện tích trên diện tích đất lúa kém hiệu quả, sản lượng rau năm 2025 dự kiến đạt 9.800 tấn rau các loại. Năm 2030 diện tích rau: 1.000 ha, sản lượng đạt 14.000 tấn. Sử dụng các giống rau mới có năng suất, chất lượng cao, các giống nhập từ các nước như Đài Loan, Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản,… Ưu tiên lựa chọn các giống rau quả chịu nhiệt, chống chịu sâu bệnh tốt nhằm sản xuất rau trái vụ, nâng cao giá trị của sản phẩm. các giống cải ăn lá như: Cải xanh Tiên Yên, cải Mỡ Xanh, CX1, Katosan, cải Làn GL1-11, cải Bó Xôi Toraido; Các giống cải bắp như: Hà Lan, Các giống cà chua như: Savior (chịu nhiệt), Doufu; đậu cô ve TL1, TN11, Đài Trung 2, su hào B40, xà lách xoăn Hacheong. Trong đó rau cải xanh: Năm 2021 diện tích đạt 143 ha; sản lượng đạt 1.711 tấn; Ứng dụng công nghệ sau thu hoạch để đa dạng hóa sản phẩm, phục vụ thị trường tiêu thụ chủ yếu trên địa bàn huyện và các vùng lân cận.

*(2)*Lúa chất lượng cao hiện mới thực hiện có 6 ha tại xã Đông Hải, sản lượng 33 tấn. Thực hiện mở rộng tại các xã Đông Ngũ, Hải Lạng, Đồng Rui và Phong Dụ; phấn đấu năm 2025 đạt 200 ha, sản lượng 1.000 tấn; năm 2030 đạt 350 ha, sản lượng đạt 1.750 tấn.

*(3)*Tập trung phát triển trồng cây ăn quả theo Đề án phát triển vùng trồng cây ăn quả huyện Tiên Yên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Dự kiến đến năm 2025: Cải tạo và trồng mới 500 - 800 ha cây ăn quả chất lượng cao, có lợi thế cạnh tranh, phục vụ tiêu thụ tại thị trường nội địa; xây dựng nhãn hiệu chứng nhận cho 3 - 5 sản phẩm; đến năm 2030 thực hiện mở rộng trồng cây ăn quả 1.500 ha, xây dựng 2 - 3 chuỗi liên kết sản xuất gắn sơ chế, chế biến tinh. Tập trung một số cây trồng chính gồm: Na, Bưởi, Mắc ca và nghiên cứu một số giống tiềm năng khác như Bơ, Mít, Nho, Lựu,...

*(Chi tiết diện tích thực hiện quy mô từng địa phương theo phụ lục số 2.3 đính kèm)*

+ Nhóm cây trồng hỗ trợ phát triển chăn nuôi (chủ yếu là chăn nuôi gà, vịt):

Tăng diện tích trồng ngô 993 ha, mở rộng thêm đến 1.200 ha bằng trồng tăng vụ đông trên đất 2 vụ lúa và trồng ngô xuân trên diện tích đất trồng lúa nước không chủ động.

+ Nhóm cây trồng vụ đông: gồm ngô, khoai lang: trồng trên đất tăng vụ sau 2 vụ lúa tập trung tại xã Đông Hải, Đông Ngũ, Đồng Rui,… Trong đó cây khoai lang có diện tích gieo trồng năm 2020 đạt 40 ha; sản lượng đạt 340 tấn; dự kiến đến năm 2030 diện tích đạt 70 ha, sản lượng ước đạt 875 tấn.

*-* Chuyển đổi diện tích trồng các loại cây trồng kém hiệu quả sang những cây trồng có giá trị kinh tế cao:

Chuyển đổi hơn 300 ha diện tích đất một lúa hiệu quả kinh tế thấp sang trồng màu rau xanh các loại, trồng cây ăn quả *(Xã Đông Hải 70 ha; Đông Ngũ 80 ha; xã Yên Than 50 ha; xã Tiên Lãng 20 ha; xã Phong Dụ 40 ha; xã Điền Xá 20 ha; xã Đồng Rui 4 ha; thị trấn Tiên Yên 6 ha; xã Hà Lâu 10 ha)*. Diện tích gieo trồng lúa giảm từ hơn 3.400 ha gieo cấy hiện nay xuống giữ ổn định chỉ còn 3.200 ha. Chuyển đổi một số diện tích đất rừng sản xuất hiệu quả không cao sang thử nghiệm trồng cây ăn quả có múi và trồng cây na địa phương. Đặc biệt cần giữ ổn định 2.200 ha lúa tập trung tại các xã trọng điểm lúa của huyện tại các xã: Đông Ngũ, Đông Hải, Đồng Rui, Hải Lạng, Phong Dụ và Điền Xá.

*-*Tái cơ cấu chế biến sản phẩm trồng trọt:

+ Thu hút đầu tư hệ thống nhà lạnh, áp dụng kỹ thuật sơ chế và đóng gói sản phẩm, hướng tới chế biến các sản phẩm đóng hộp hoặc nước ép. Rau củ quả tươi, rau củ quả bảo quản trong kho lạnh an toàn theo tiêu chuẩn VietGap tiêu thụ cho các khu công nghiệp; các cơ quan, trường học trong địa bàn huyện và các địa phương lân cận. Rau quả đóng hộp (cải xanh, dưa chuột,…) đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm tiêu thụ thị trường trong và ngoài tỉnh. Các loại nước ép rau, củ, quả uống tươi hoặc đóng chai, đóng lon bảo quản đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, cung cấp cho thị trường trong tỉnh và phụ cận.

+ Thành lập các HTX, THT và các cơ sở sản xuất, kinh doanh rau quả. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, hỗ trợ cơ sở vật chất và tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh rau quả, thực hiện quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn đã ban hành.

+ Xây dựng 01 cơ sở sơ chế, đóng gói, bảo quản gạo chất lượng cao khu vực miền Đông của tỉnh Quảng Ninh.

- Tiếp tục nghiên cứu, thử nghiệm, khảo nghiệm, lựa chọn các giống cây trồng có giá trị kinh tế cao, cây trồng đặc hữu ở địa phương.

***3.1.2. Lĩnh vực chăn nuôi***

***a) Mục tiêu***

Tốc độ tăng giá trị ngành chăn nuôi đạt 5,6%/năm. Đến năm 2025 tổng đàn gia súc đạt 28,9 ngàn con, đàn gia cầm 850 nghìn con, riêng gà Tiên Yên đạt 720 nghìn con triệu con (gà xuất bán đạt 1,3 triệu con). Định hướng đến năm 2030: tổng đàn gia súc đạt 42 nghìn con, trong đó đàn trâu duy trì quy mô 1,5 nghìn con, đàn bò 1 nghìn con, đàn lợn 37 nghìn con; đàn gia cầm 1.100 nghìn con có mặt, riêng đàn gà Tiên Yên 932 nghìn con (xuất bán đạt trên 1,8 triệu con).

Xây dựng chỉ dẫn địa lý đối với con gà Tiên Yên, hoàn thành xong trước năm 2025.

***b) Nội dung tái cơ cấu lĩnh vực chăn nuôi***

 Tái cơ cấu lĩnh vực chăn nuôi huyện Tiên Yên cần tập trung các nội dung sau:

*- Nâng cao hiệu quả, giá trị gia tăng một số sản phẩm chính:*

*(1)* Cơ cấu lại lĩnh vực chăn nuôi, tạo sự đột phá và nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm chăn nuôi góp phần tăng trưởng ngành đạt 5,6%/năm. Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, từng bước được hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu thị trường trong và ngoài tỉnh, hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường. Chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng phát triển các sản phẩm chủ lực có lợi thế của tỉnh, huyện, trong đó trọng tâm là phát triển đàn gà Tiên Yên, đàn lợn (lợn Móng Cái, lợn ngoại chất lượng cao, lợn dược liệu). Chuyển dần từ chăn nuôi nông hộ sang phát triển chăn nuôi gia trại, trang trại; duy trì chăn nuôi nông hộ theo hình thức công nghiệp và áp dụng tiến bộ KHCN; khuyến khích tổ chức sản xuất theo chuỗi liên kết, khép kín đảm bảo an toàn thực phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn thực hành chăn nuôi tốt.

*(2)* Thu hút ít nhất 01 doanh nghiệp đầu tư chăn nuôi lợn công nghệ cao trên địa bàn huyện. Xây dựng tối thiểu 01 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung theo quy hoạch, xóa bỏ tình trạng giết mổ nhỏ lẻ; tỷ trọng gia súc và gia cầm được giết mổ tập trung công nghiệp đạt 50% vào năm 2025. Xây dựng chuỗi liên kết gà Tiên Yên - sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp tỉnh.

*(3)* Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu lại chủ thể chăn nuôi, cơ cấu lại giống vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất và giá trị, phát triển bền vững, phát triển chăn nuôi theo chuỗi giá trị.

*Về chủ thể chăn nuôi*: Đẩy mạnh chăn nuôi nông hộ sang chăn nuôi trang trại, liên kết với doanh nghiệp theo Nghị định 98/2018 NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

*Chăn nuôi lợn*: Bám sát điều kiện hoạt động chăn nuôi lợn trên địa bàn huyện theo từng thời kỳ và các văn bản chỉ đạo của cấp trên để quản lý, phát triển chăn nuôi lợn bền vững. Khôi phục lại đàn lợn nái Móng Cái làm nái nền tạo ra lợn lai kinh tế phù hợp với chăn nuôi nông hộ; phát triển các trại lợn công nghiệp, áp dụng chuồng lạnh để nuôi thương phẩm các dòng lợn siêu nạc cung ứng đủ nhu cầu sản lượng thịt cho thị trường huyện.

*Chăn nuôi gia cầm:* Tập trung phát triển chăn nuôi gia cầm gắn với nhu cầu thị trường, kiểm soát tốt dịch bệnh, nhất là dịch bệnh cúm gia cầm,… Phát triển đàn gà Tiên Yên theo chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực cấp tỉnh tại tất cả các khu vực được phép chăn nuôi của 10 xã trên địa bàn huyện, đến năm 2025, xây dựng được 01 chuỗi gà Tiên Yên, quy mô 400 nghìn con; áp dụng đồng bộ quy trình chăn nuôi khoa học tạo ra nguyên liệu gà Tiên Yên đồng đều về chất lượng, độ ngọt, độ thơm, độ béo,… phù hợp với các phương pháp chế biến khác nhau như: chế biến giò gà, gà hun khói, ủ muối,… từ đó đa dạng được sản phẩm, hạ giá thành, cân đối giá bán phù hợp để tăng sức cạnh tranh, đáp ứng được các thị trường từ cao cấp đến bình dân. Duy trì, phát triển đàn vịt biển sinh sản trọng điểm tại xã Đồng Rui.

Tái cơ cấu giống gà Tiên Yên: thực hiện chọn lọc, nhân thuần giống gà Tiên Yên tạo nguồn giống tốt đáp ứng đủ nhu cầu và định hướng phát triển đàn gà Tiên Yên của huyện.

*(4) Nâng cao chất lượng giống vật nuôi*

Cơ cấu lại giống gà Tiên Yên: Thực hiện chọn lọc, nhân thuần giống gà Tiên Yên tạo ra bộ giống thuần chủng, đồng đều về trọng lượng, ngoại hình đặc trưng gà có chùm lông đầu và râu hàm, chọn lọc 2 dòng gà Tiên Yên màu sắc đặc trưng để phân biệt rõ nét giữa gà Tiên Yên với giống gà khác. Xây dựng bộ gen giống gà Tiên Yên.

*(Chi tiết theo phụ lục số 2.4 đính kèm)*

*- Cải thiện hệ thống giết mổ gia súc, gia cầm, giai đoạn 2021 - 2025*:

Xây dựng sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại huyện Tiên Yên, công suất: tối thiểu 100 con gia súc/ngày đêm và 1000 gia cầm/ngày đêm. Lò mổ và nhà máy chế biến thịt sẽ phải đáp ứng đầy đủ quy định về hệ thống truy xuất nguồn gốc và xử lý nước thải.

*- Cải thiện lĩnh vực chế biến sản phẩm chăn nuôi*:

Phát triển mạnh công nghiệp chế biến và chế biến sâu sản phẩm chăn nuôi. Thu hút doanh nghiệp đầu tư chế biến sản phẩm gà Tiên Yên thành các sản phẩm chế biến sẵn.

***3.1.3. Lĩnh vực lâm nghiệp***

***a) Mục tiêu***

Duy trì ổn định tỷ lệ che phủ đạt 60% năm 2025. Sau năm 2025, thực hiện chuyển đổi một phần diện tích đất lâm nghiệp sang trồng các loại cây ăn quả, hình thành các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung. Bình quân hàng năm trồng 1,8 ngàn ha, trong đó thực hiện trồng rừng gỗ lớn tại các vị trí, điều kiện phù hợp và chuyển rừng sản xuất sang rừng phòng hộ đạt 452 ha vào năm 2025. Phát triển diện tích trồng Quế đến năm 2025 đạt 1.040 ha và đạt 1.400 ha vào năm 2030, trong đó xây dựng chuỗi liên kết sản xuất Quế hữu cơ đạt 200 ha năm 2025 và 500 ha năm 2030. Cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững 100-200ha trong giai đoạn 2021 đến năm 2025 và thêm 300-500 ha trong giai đoạn 2025-2030. Đến năm 2025, tăng năng suất rừng trồng lên 15 - 20 m3/ha/năm, giai đoạn đến năm 2025. Giảm số lượng cơ sở chế biến lâm sản, cụ thể là giảm cơ sở chế biến băm dăm từ 09 xuống 05 cơ sở, cơ sở chế biến gỗ xẻ từ 03 xuống 02 cơ sở, cơ sở sản xuất ván mỏng và ván bóc từ 04 xuống 02 cơ sở. Xây dựng 01 cơ sở chế biến gỗ công nghệ cao.

*(Chi tiết theo phụ lục số 2.6 đính kèm theo)*

Từng bước tạo môi trường thuận lợi thu hút du khách tham gia các loại hình phát triển các loại hình du lịch; góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

 ***b) Tái cơ cấu phát triển ngành lâm nghiệp 2021-2025, tầm nhìn 2030***

 - Nâng cao giá trị gia tăng ngành lâm nghiệp đối với từng loại rừng và quy hoạch phát triển công nghiệp chế biến lâm sản:

+ Rừng phòng hộ: Chuyển đổi diện tích rừng sản xuất thành rừng phòng hộ ở những nơi xung yếu và rất xung yếu theo Đề án chuyển loại rừng từ rừng sản xuất sang rừng phòng hộ, rừng đặc dụng sau rà soát quy hoạch ba loại rừng theo Quyết định 3722/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh, Luật Lâm nghiệp 2017, Luật Đất đai 2013 và Thông tư 24/2009/TT-BNN về việc hướng dẫn chuyển đổi rừng phòng hộ, rừng đặc dụng được quy hoạch sang rừng sản xuất và ngược lại từ rừng sản xuất được quy hoạch thành rừng phòng hộ, đặc dụng sau rà soát quy hoạch lại 3 loại rừng theo Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó tập trung tại các lưu vực cung cấp nước cho các hồ chứa và danh lam thắng cảnh. Ưu tiên lựa chọn tập đoàn cây bản địa đa mục đích như Lim, trám, dổi, lát hoa, thông,… để trồng rừng phòng hộ, có thể kết hợp trồng xen cây lâm sản ngoài gỗ để tăng thu nhập cho các hộ dân nhận khoán rừng phòng hộ, cụ thể như sau:

- Đối với những diện tích rừng chuyển đổi là rừng trồng sản xuất có cây trồng không phải cây trồng chính theo quy định đối với trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, được hưởng toàn bộ sản phẩm khai thác trên diện tích đã đầu tư nếu là rừng đến tuổi khai thác; nếu rừng chưa đến thời kỳ khai thác: Được tiếp tục đầu tư chăm sóc, bảo vệ đến hết chu kỳ hiện tại và và hưởng toàn bộ sản phẩm khai thác trên diện tích này.

- Đối với những diện tích rừng chuyển đổi là rừng sản xuất có cây trồng chính là cây dài ngày, phù hợp với quy định đối với trồng rừng phòng hộ, đặc dụng, được đền bù phần vốn đã đầu tư trồng, chăm sóc, bảo vệ.

- Các chủ rừng cũ là các hộ gia đình, cá nhân, nếu có điều kiện, được ưu tiên tiếp tục nhận khoán bảo vệ diện tích rừng đã trồng, rừng tự nhiên hiện có, nhận khoán trồng rừng mới (rừng phòng hộ) trên diện tích rừng sản xuất chuyển đổi sau khi khai thác.

 + Rừng sản xuất:

 *(1)*Đẩy mạnh trồng rừng gỗ lớn nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế rừng, gắn trồng rừng gỗ lớn với chương trình bảo vệ và phát triển rừng, phát triển công nghiệp chế biến gỗ và cấp chứng chỉ rừng FSC. Diện tích được cấp chứng chỉ rừng đạt khoảng 150 ha (năm 2025) và 300 ha (năm 2030), chủ yếu tập trung vào diện tích rừng trồng của công ty Lâm nghiệp Tiên Yên. Tỷ lệ gỗ lớn (gỗ xẻ có đường kính ≥ 20cm) vào chế biến tinh, sâu từ 45 - 50% (giai đoạn 2026 - 2030).Trồng rừng gỗ lớn tập trung vào các xã có diện tích rừng sản xuất lớn. Định hướng vùng sản xuất tập trung thuộc các xã: Điền Xá, Đại Dực, Phong Dụ, Hải Lạng, Yên Than, Đồng Ngũ, Hà Lâu,... với quy mô 452 ha năm 2025 và700 - 1.000 ha năm 2030.Các loài cây trồng theo Danh mục loài cây trồng theo Quyết định số 4545/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về phê duyệt kết quả Đề án: Điều tra, đánh giá các mô hình rừng trồng và đề xuất danh mục loài cây bản địa cung cấp gỗ lớn có giá trị cao ở tỉnh Quảng Ninh, gồm: Giổi xanh, Sồi phảng, Vù hương, Trám trắng, Lát hoa, Mỡ, Xoan đào, Chò nâu, Dẻ đỏ, Lim xanh, các loài cây lá kim và cây lâm sản ngoài gỗ.

 *(2)* Tập trung phát triển cây đặc sản (cây Quế): Phát triển diện tích trồng Quế tại các vị trí có điều kiện đất đai phù hợp đạt 1.040 ha năm 2025 (trong đó liên kết trồng Quế organic đạt 200 ha). Quy mô năm 2030 dự kiến đạt 1.400 ha, trong đó liên kết sản xuất 500 ha.

 Thực hiện quy trình kỹ thuật trồng quế theo tiêu chuẩn hữu cơ (TCVN 11041-1:2017 và TCVN 11041-2: 2017) và theo quy trình kỹ thuật của các loài đã được công bố theo Quyết định số 797/QĐ-NN&PTNT ngày 07/11/2014 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành các Quy trình kỹ thuật lĩnh vực lâm nghiệp áp dụng cho 17 vùng quy hoạch sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung tỉnh Quảng Ninh.

 + Lâm sản ngoài gỗ: Phát triển được cây dược liệu dưới tán rừng tự nhiên, cụ thể duy trì vùng trồng dược liệu hiện có tại các xã Tiên Lãng, Yên Thanvà mở rộng diện tích 60-80 ha năm 2025, định hướng 2030 tại các xã vùng núi như Hà Lâu, Điền Xá, Phong Dụ, Đại Dực với 08 cây trồng chủ lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế lấy ngắn nuôi dài và tăng hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp. Tập trung các loài dược liệu được phê duyệt tại Dự án tổng thể phát triển dược liệu huyện Tiên Yên.

- Giảm dần các cơ sở chế biến hiện có theo Nghị quyết số 19/NQ-TU. Thiết lập 01 nhà máy chế biến gỗ với công suất phù hợp kết hợp chế biến các sản phẩm từ keo, bạch đàn, thông; sản xuất các sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu nhằm tiêu thụ sản phẩm của người trồng rừng.

 - Công tác quản lý, nâng cao chất lượng vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp: Thực hiện quản lý theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Hình thành ít nhất 01 vườn ươm cây giống các loài cây trồng bản địa trên địa bàn huyện.

***3.1.4. Lĩnh vực thủy sản***

***a) Mục tiêu***

Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành thủy sản đạt 9,6%/năm. Dự kiến sản lượng thủy hải sản toàn huyện Tiên Yên năm 2025 đạt trên 20.600 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt gần 14.000 tấn (gấp 2,4 lần năm 2021), riêng tôm nuôi gấp 1,6 lần.

***b) Nội dung tái cơ cấu lĩnh vực thủy sản***

*- Tái cơ cấu theo đối tượng nuôi:* Tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản, trọng tâm là con tôm và nhuyễn thể ngoài đê *(chi tiết quy mô, sản lượng theo phụ lục số 2.5 đính kèm).*

Khai thác tốt nhất hạ tầng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Hải Lạng. Tiếp tục lập quy hoạch chi tiết vùng nuôi trồng thủy sản tại xã Đồng Rui và khu đầm Hà Thụ, Hà Dong xã Hải Lạng. Lập bản đồ địa chính quy hoạch nuôi nhuyễn thể ngoài đê. Tiếp tục đầu tư hạ tầng (điện, nước, giao thông) phát triển vùng nuôi trồng thủy sản tập trung theo quy hoạch, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư. Tiếp tục thực hiện đầu tư hạ tầng nuôi trồng thủy sản, xã Đông Hải và Đông Ngũ. Phát triển thủy sản sinh thái gắn với du lịch khu rừng ngập mặn.

*-Tái cơ cấu theo thị trường tiêu thụ*: Xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất kinh doanh thủy sản, nhất là con tôm, nhằm nâng cao chất lượng, giá trị, thương hiệu sản phẩm thủy sản chủ lực của huyện.Mỗi xã ven biển hình thành ít nhất 01 HTX nuôi trồng thủy sản hỗ trợ nhau trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng thương hiệu tôm Tiên Yên và các sản phẩm OCOP từ đối tượng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn.

*- Tái cơ cấu lĩnh vực khai thác thủy sản*: Tăng cường quản lý khai thác thủy sản trên biển.Giảm số lượng tàu tuyền ven bờ, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tăng số lượng tàu thuyền khai thác xa bờ hợp lý.

- Cải hoãn, nâng cấp thành tàu xa bờ nhóm tàu dưới 20 CV giảm xuống còn 155 chiếc, tàu xa bờ có công suất trên 90 CV đến 2025 lên 10 chiếc; tăng cường công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 01/9/2017 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản gắn với chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

*- Tái cơ cấu lĩnh vực sơ chế, chế biến*: Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo quản sau thu hoạch, chế biến thuỷ sản, an toàn sản phẩm thuỷ sản, xử lý phế thải và chất thải chế biến thuỷ sản.Ứng dụng các chế phẩm enzym có hoạt tính cao trong chế biến sản phẩm thuỷ sản nhằm nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm và tạo mặt hàng mới có giá trị. Phát triển và áp dụng các phương pháp phát hiện nhanh, chính xác các tác nhân nguy hiểm và tồn dư hoá chất, kháng sinh trong thực phẩm thuỷ sản. Thu hút doanh nghiệp đầu tư nuôi tôm công nghệ cao và chế biến thủy sản trên địa bàn huyện.

***3.1.5. Về thủy lợi***

***a) Mục tiêu***

Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi, đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động từ 86,7% lên 92% vào năm 2025; làm tốt công tác quản lý, vận hành hệ thống công trình đảm bảo đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất, dân sinh và phòng, chống thiên tai. Ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý thủy lợi và sản xuất nông nghiệp phục vụ tái cơ cấu.

***b) Nội dung***

- Tiếp tục đầu tư kiên cố hóa, bê tông, nhựa hóa kênh mương, đảm bảo diện tích tưới tiêu chủ động đạt trên 92% vào năm 2025: Các xã thực hiện rà soát, đề xuất đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi đảm bảo tiêu chí xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

- Đầu tư xây mới, nâng cấp các công trình thủy lợi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, gồm: *(1)* Hồ chứa nước Bình Sơn, xã Đông Ngũ; *(2)* Nạo vét hồ thôn Hạ và sửa chữa Trạm bơm phục vụ sản xuất nông nghiệp; *(3)*Hồ chứa nước thôn Khe San, xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên; *(4)* Đập và mương Khe Loóng, thôn Nà Lìn, xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên.

***3.2. Tái cơ cấu nông nghiệp gắn xây dựng NTM và mô hình làng thông minh***

*3.2.1. Tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng NTM*

***a) Mục tiêu***

Xây dựng 6 xã NTM kiểu mẫu gắn với nâng cấp đô thị Tiên Yên, xã đạt tiêu chí thành lập phường và tiến tới tái lập thị xã Tiên Yên. Đến hết năm 2022, 100% xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, 50% số xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu theo tiêu chí mới cho giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ với ít nhất 6 đơn vị hành chính cấp xã cơ bản đạt tiêu chí phường đô thị.

***b) Nội dung tái cơ cấu gắn xây dựng NTM***

*(1)* Tiếp tục huy động mọi nguồn lực đầu tư thực hiện xây dựng NTM toàn diện, đồng bộ từ quy hoạch đến đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng KTXH vùng nông thôn. Xây dựng NTM phải gắn với yêu cầu đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng du lịch và dịch vụ; đảm bảo tính kết nối đồng bộ theo hệ thống giữa các thôn, xã, huyện, vùng; nhất là về giao thông, thủy lợi, hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại.

*(2)* Rà soát, điều chỉnh bổ sung các tiêu chí, chỉ tiêu NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu gắn với nâng cấp đô thị cho phù hợp với thực tiễn từng địa phương. Xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu phải thực chất, bền vững trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng, tiềm năng, lợi thế của từng xã để xác định cụ thể các nội dung, nhiệm vụ và đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để hoàn thành từng nhiệm vụ, tiêu chí một cách bền vững.

*(3)* Phát triển hệ thống hạ tầng KTXH nông thôn đồng bộ, gắn với phát triển đô thị và toàn nền kinh tế, đặc biệt là các công trình giao thông, thủy lợi, điện, nước, viễn thông, công trình phòng chống thiên tai, phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, hệ thống hạ tầng thương mại ở nông thôn.

*(4)* Nâng chất các tiêu chí xã NTM

Các xã tiếp tục huy động các nguồn lực để nâng chất các tiêu chí xã NTM theo Bộ Tiêu chí xã NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2019-2020 tại Quyết định số 3923/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020 và các văn bản cập nhật khác.

(5) Các xã Điền Xá, Phong Dụ, Đại Dực và Hà Lâu sớm trở thành xã NTM nâng cao trước năm 2023, phấn đấu trở thành xã NTM kiểu mẫu trước năm 2030; Các xã Đông Ngũ, Đông Hải, Tiên Lãng, Yên Than, Hải Lạng và Đồng Rui trở thành xã NTM kiểu mẫu trước năm 2024. Nội dung nhiệm vụ xây dựng NTM nâng cao của 4 xã này được thực hiện theo dự thảo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025. Nội dung nhiệm vụ của 6 xã phấn đấu trở thành xã NTM kiểu mẫu được thực hiện theo Quyết định 691/QĐ-TTg ngày 5/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020 và dự thảo Quy định xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025. Sau khi Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 được ban hành, các xã tiến hành rà soát theo Bộ tiêu chí mới và nâng chất các tiêu chí, giai đoạn 2021-2025.

*(6)* Đối với các xã xây dựng NTM kiểu mẫu: Tái cấu trúc nông nghiệp gắn với xây dựng NTM kiểu mẫu cần khai thác triệt để thế mạnh, đặc trưng, tiêu chí, lĩnh vực nổi trội nhất trong lộ trình xây dựng NTM kiểu mẫu tại 6 xã: Đông Ngũ, Đông Hải, Tiên Lãng, Yên Than, Hải Lạng và Đồng Rui.

Bảng 01 là một số nội dung chủ yếu trong tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng NTM kiểu mẫu tại 6 xã Đông Ngũ, Đông Hải, Tiên Lãng, Yên Than, Hải Lạng và Đồng Rui.

## Bảng 01. Tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng NTM kiểu mẫu

| **TT** | **Xã** | **Tiêu chí kiểu mẫu nổi trội** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Đông Ngũ | Kiểu mẫu về sản xuất nông nghiệp vùng đồi núi thấp để phát triển rau cải xanh, cây ăn quả (cam, bưởi, na, ổi,...) với tiềm năng diện tích trên 142 ha; chăn nuôi lợn, gà, thủy sản,... Ngoài ra, môi trường cảnh quan khang trang, xanh sạch đẹp vì hiện nay các tiêu chí đạt thôn kiểu mẫu của xã đều đạt và cảnh quan môi trường trên địa bàn đều xanh - sạch - đẹp được người dân và các cấp ghi nhận |
| 2 | Đông Hải | Kiểu mẫu về sản xuất nông nghiệp vùng thấp, nhận thức tốt, nhạy bén áp dụng KHCN để phát triển kinh tế vườn đồi cây ăn quả với tiềm năng diện tích 127 ha như Bưởi (40 ha), na (30 ha), bưởi, ổi,… Ngoài ra còn có thế mạnh về nuôi trồng thủy sản (trên 560 ha) với trên 100 hộ, rừng ngập mặn trên 1000 ha, rừng cây gỗ lớn (giổi,...), dược liệu (Ba kích, cát sâm, kim ngân,...), chăn nuôi gà, lợn,... |
| 3 | Tiên Lãng | Kiểu mẫu về kinh tế tiểu thủ công nghiệp-xây dựng phát triển mạnh đứng đầu huyện với 30 doanh nghiệp. Nông nghiệp có thế mạnh về khai thác thủy hải sản với 204 tàu và trên 600 lao động; Nuôi trồng thủy sản 180 ha và 37 lồng bè với hơn 30 hộ và 1 HTX; Nghề nuôi ong lấy mật là thế mạnh nổi bật với 1 HTX và 30 hộ nuôi ong với tổng đàn ong hơn 700 đàn. Mô hình hoạt động văn hóa, thể thao, thu hút trên 60% dân cư tham gia; mỗi thôn có ít nhất 1 CLB văn hóa, văn nghệ, thể thao hoạt động thường xuyên và hiệu quả. Ngoài ra, tiềm năng du lịch bãi cát Lòng Vàng tiếp giáp với xã Đồng Rui hoặc lễ hội dân tộc Dao thôn Cống To và Cái Mắt. Tiềm năng xây dựng mô hình NTM kiểu mẫu gắn với phát triển đô thị. |
| 4 | Yên Than | Kiểu mẫu về phát triển vùng cây ăn quả 164 ha, trồng quế 200 ha, dược liệu (cà gai leo, thìa canh, ba kích, cát sâm, linh lăng, địa liền,…), mật ong, gà, , du lịch sinh thái-văn hóa dân tộc Dao Pạc Sủi; Tiềm năng NTM kiểu mẫu gắn với sản xuất nông nghiệp. |
| 5 | Hải Lạng | Kiểu mẫu về sản xuất-kinh tế và thu nhập từ nuôi tôm và thủy sản khác với 411 hộ nuôi trồng thủy sản với diện tích 1.100 ha, là xã nuôi trồng thủy sản mạnh nhất huyện Tiên Yên. Ngoài ra, có du lịch làng văn hóa dân tộc Sán Dìu; rừng ngập mặn trên 2.000 ha |
| 6 | Đồng Rui | Kiểu mẫu về phát triển kinh tế biển với 83 hộ, 3 doanh nghiệp nuôi tôm và thủy sản khác cùng với hoạt động khai thác thủy sản; Tiềm năng du lịch rừng ngập mặn tập trung (trên 2.000 ha), tắm biển bãi cát Lòng Vàng. Tiềm năng phát triển NTM kiểu mẫu, xây dựng mô hình làng thông minh gắn với sản xuất tiên tiến và du lịch biển đảo,…  |

*(7)* Nâng chất các tiêu chí huyện NTM, xây dựng huyện NTM nâng cao:

Huyện Tiên Yên tập trung triển khai xây dựng NTM trong quá trình đô thị hóa theo Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ “*về việc phê duyệt Đề án xây dựng NTM trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017 - 2020*”; đồng thời, xây dựng NTM nâng cao theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 8283/BNN-VPĐP ngày 23/10/2019 về nội dung duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với huyện đã đạt chuẩn NTM. Xây dựng huyện Tiên Yên đạt tiêu chí huyện NTM nâng cao. Trong khi chờ quyết định chính thức của Thủ tướng Chính phủ về Bộ tiêu chí quốc gia huyện NTM, quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025, huyện Tiên Yên có thể áp dụng bản dự thảo của Bộ tiêu chí này. Nội dung nhiệm vụ của huyện NTM nâng cao sẽ được bổ sung thêm sau khi rà soát theo Bộ tiêu chí này.

*(Các hạng mục đầu tư xây dựng NTM thực hiện theo Đề án xây dựng NTM tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025).*

*3.2.2. Tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng mô hình làng thông minh*

***a) Các khái niệm, quan điểm về làng thông minh***

- Làng thông minh là cộng đồng (xóm, thôn, xã) ở các vùng nông thôn sử dụng các giải pháp sáng tạo dựa trên thế mạnh và cơ hội của địa phương; trong đó cộng đồng tham gia, chia sẻ để phát triển và thực hiện mục tiêu cải thiện các điều kiện KTXH và môi trường, đặc biệt trên nền tảng công nghệ kỹ thuật số.

- Làng thông minh lấy nền tảng là công nghệ kết nối với giá trị bản địa cho sự bảo tồn và phát triển. Thông minh (smart) còn có nghĩa là phát triển bền vững trong khu vực đó từ sự hợp tác và liên minh với các cộng đồng và các tác nhân khác ở khu vực nông thôn và thành thị. Đến nay, làng thông minh đã được công nhận là một cách tiếp cận cộng đồng để phát triển nông nghiệp bền vững trong xây dựng NTM, hiện đại, ứng phó với các bất định không chắc chắn, rủi ro (biến đổi khí hậu, biến động thị trường, thiên tai, lũ lụt,…).

- Làng thông minh là khu vực nông thôn và cộng đồng địa phương được xây dựng dựa trên thế mạnh và vốn tại địa phương cũng như nắm bắt các cơ hội mới; nhờ đó các dịch vụ và kết nối truyền thống và mới được cải tiến bởi kỹ thuật số hoá, công nghệ truyền thông, đổi mới sáng tạo và ứng dụng kiến thức tốt hơn.

- Làng thông minh làm cho môi trường sống của người dân tốt hơn, sản xuất bền vững, sản phẩm có giá trị kinh tế cao, tạo dịch vụ cộng đồng cho người dân, sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn và giảm tác động đến môi trường, cơ hội mới cho chuỗi giá trị cao tại nông thôn trong việc cải tiến sản phẩm và quy trình.

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT đang xây dựng mô hình làng thông minh trong NTM. Huyện Tiên Yên sẽ hoàn thiện tiêu chí xây mô hình làng thông minh, triển khai trong giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn, triển khai đến 2030. Một ngôi làng thông minh ở vùng nông thôn xa xôi nhưng sẽ không thua kém đô thị về sức sản xuất, năng suất lao động, tính cạnh tranh, an sinh và phúc lợi xã hội chính là định hướng xây dựng làng thông minh hiện nay. Cùng với xu hướng chuyển đổi số trong ngành du lịch, xu hướng du lịch xanh sau đại dịch, mô hình làng thông minh góp phần xoá bỏ khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, khiến du khách lưu chân lâu hơn ở các vùng quê hẻo lánh. Đây là cơ hội cho nhiều làng, xã ở vùng sâu, vùng xa trên toàn huyện có thể vươn lên và phát triển bền vững dựa trên những lợi thế sẵn có ở địa phương. Mô hình làng thông minh phải tạo được sự khác biệt, tối ưu hoá cuộc sống cũng như sản xuất của người dân, tạo được kết nối cộng đồng, diện mạo mới cho nông thôn; phát huy giá trị văn hoá truyền thống, giúp người dân hiểu được giá trị cuộc sống. Xây dựng làng thông minh với mục tiêu tạo nơi tập trung nhiều sáng kiến về những vấn đề và nhu cầu hiện nay trong cộng đồng như: Công nghệ, nông nghiệp, việc làm, nâng cao năng suất lao động cho người dân nông thôn, sự gắn kết của cộng đồng, y tế, giáo dục, năng lượng, xử lý rác thải, khu vực đáng sống, bảo vệ môi trường, xanh, sạch,... Trong tương lai, các làng thông minh sẽ là nơi đáng sống, thân thiện thiên nhiên môi trường, vừa là nơi phát triển nông nghiệp thông minh, phát triển du lịch sinh thái.

***b)Mục tiêu tiêu xây dựng làng thông minh***

 Thực hiện các tiêu chí làng thông minh, ít nhất bao gồm 5 nhóm tiêu chí: (i) Gắn với NTM kiểu mẫu, NTM thông minh; (ii) Gắn với nền sản xuất nông nghiệp tiên tiến, ứng dụng KHCN, nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; (iii) Gắn với du lịch biển-sinh thái-văn hóa, là điểm dừng chân khách du lịch, dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng, ăn nghỉ, vui chơi, giải trí, tắm biển, mua sắm, chụp ảnh, trải nghiệm leo núi, câu cá,… của khách hàng; (iv) Sử dụng công nghệ số trong đời sống và hoạt động lao động sản xuất; (v) Gắn với quá trình đô thị hóa ở địa phương. Trước hết, cần tập trung nguồn lực để xây dựng mô hình làng thông minh quy mô xã gắn với du lịch biển đảo và sinh thái rừng ngập mặn tại Đồng Rui. Đây là mô hình cộng đồng, lãnh thổ thông minh theo phong cách riêng biệt của địa phương, của huyện Tiên Yên, của tỉnh Quảng Ninh cũng như của cả nước.

***c) Nội dung xây dựng làng thông minh***

 - Bước đầu xây dựng mô hình làng thông minh gắn với xây dựng NTM, gắn với sản xuất và ứng dụng KHCN, gắn với du lịch biển-sinh thái rừng ngập mặn ven biển xã đảo Đồng Rui. Đây là mô hình làng thông minh toàn xã biển đảo gắn với tái cơ cấu phát triển sản xuất, cơ sở hạ tầng gắn xây dựng NTM kiểu mẫu, với diện tích hơn 4.900 ha, trong đó bãi cát Lòng Vàng rộng hơn 40 ha và hơn 2.000 ha rừng ngập mặn, có 4 thôn với hơn 2.900 nhân khẩu thuộc các dân tộc: Kinh, Tày, Dao, Sán Chỉ, Sán Dìu. Với phương châm sử dụng các giải pháp sáng tạo dựa trên các thế mạnh và cơ hội của địa phương, vào cách tiếp cận có sự tham gia, chia sẻ để phát triển và thực hiện chiến lược kinh tế, xã hội nhằm cải thiện các điều kiện kinh tế, xã hội và môi trường.

- Nội dung các can thiệp này tập trung vào ứng dụng KHCN, thiết chế thông minh, chính quyền thông minh, sử dụng công nghệ 4.0, công nghệ thông tin, huấn luyện đào tạo con người thông minh, công nghệ số trong đời sống và hoạt động lao động sản xuất ở địa phương. Xây dựng mô hình làng thông minh dựa trên kết nối xây dựng NTM kiểu mẫu, là một cộng đồng thôn, xã ở các vùng nông thôn sử dụng các giải pháp công nghệ sáng tạo dựa trên các thế mạnh và cơ hội của địa phương, vào cách tiếp cận có sự tham gia, chia sẻ để phát triển và thực hiện chiến lược kinh tế, xã hội nhằm cải thiện các điều kiện kinh tế, xã hội và môi trường.

- Các nội dung, hoạt động, công trình ưu tiên đầu tư phát triển làng thông minh xã Đồng Rui giai đoạn 2021-2025 và định hướng 2030, dự kiến ít nhất bao gồm 2 nhóm hạng mục đầu tư: (1) Cơ sở hạ tầng thông minh, và (2) Sản xuất tiên tiến, thông minh.

*(1)* Về cơ sở hạ tầng thông minh

+ Mở rộng đường nội thôn từ 3m lên 5m gắn điện chiếu sáng năng lượng mặt trời và lắp đặt camera an ninh: 9 km;

+ Lắp đặt camera an ninh và điện chiếu sáng năng lượng mặt trời đường trục xã, đường liên thôn: 4,8 km. Xây dựng hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, hệ thống thoát nước, camera an ninh, cây xanh hai bên đường giao thông;

+ Xây dựng các nhà văn hóa thông minh: Đầu tư trang thiết bị thông minh cho 4 nhà văn hóa gồm: 01 bộ máy tính, loa phát thanh, internet,... Thiết lập Wifi tốc độ cao miễn phí cũng được lắp đặt tại các điểm tập trung dân cư, khu vực cộng đồng.

+ Quản lý nhà nước thông minh: Xây dựng bộ phận một cửa thông minh (mức độ 4);

+ Hệ thống rác thải và nước thải được thu gom và xử lý. Cải tạo cảnh quan xây dựng không gian xanh, sạch.

*(2)* Sản xuất tiên tiến, thông minh

+ Quản lý sản xuất thông minh: Doanh nghiệp, HTX công nghệ số, ứng dụng Internet vạn vật kết nối (IoT) kết hợp với máy tính hay điện thoại di động để giám sát và quản lý nuôi trồng thủy sản.

+ Đào tạo nhân lực thông minh, con người sử dụng công nghệ tiên tiến trong tổ chức quản lý, trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, du lịch, dịch vụ và đời sống xã hội;

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất: Tỷ lệ ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất, quản lý môi trường, an ninh của cộng đồng dân cư và hỗ trợ cơ quan nhà nước tại Đồng Rui phấn đấu đạt trên 90%.

***3.3. Tái cơ cấu phát triển sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị***

***a) Mục tiêu***:

Thẩm định, công nhận phát triển thêm bình quân mỗi năm tối thiểu từ 4-6 sản phẩm theo chu trình OCOP chuẩn (cả giai đoạn 2021-2025 phấn đấu ít nhất có thêm 20-30 sản phẩm), theo hướng đa dạng nhóm sản phẩm, nhóm ngành hàng-dịch vụ, bao gồm thực phẩm-ẩm thực, đồ uống, thảo dược, vải và may mặc, lưu niệm-trang trí-nội thất, dịch vụ-bán hàng; 100% các cơ sở sản xuất, THT, HTX có sản phẩm phát triển mới được đào tạo, tập huấn, tư vấn hoàn thiện chu trình OCOP thi cấp sao; Mỗi xã có từ 1-3 sản phẩm đạt ít nhất từ 3 sao trở lên; Củng cố, nâng cao hoạt động của 100% các HTX, THT đang hoạt động; Hoàn chỉnh bao bì mẫu mã chuẩn đối với 100% sản phẩm đã đạt sao; Phấn đầu có 01 - 02 sản phẩm OCOP cấp quốc gia định hướng thị trường quốc tế (gà Tiên Yên).

***b) Nội dung tái cơ cấu phát triển sản phẩm OCOP***

- Tái cơ cấu phát triển sản phẩm OCOP theo hướng nâng cao giá trị sản phẩm các nông sản hàng hóa chủ lực và có lợi thế cạnh tranh của địa phương. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các xã hiện nay chưa có sản phẩm OCOP phấn đấu đạt NTM kiểu mẫu (xã Yên Than).

- Tái cơ cấu phát triển sản phẩm OCOP theo hướng đa dạng hóa nhóm ngành hàng-dịch vụ, tập trung vào các sản phẩm thảo dược, vải và may mặc, lưu niệm-trang trí-nội thất, dịch vụ-bán hàng (nơi bán hàng, điểm dừng chân,…), thực phẩm-ẩm thực, tập trung tại các xã có tiềm năng như: Yên Than, Đại Dực, Phong Dụ và Hà Lâu (Bảng 02) ;

- Tổ chức phát triển sản xuất, cơ cấu lại sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN, mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, chuỗi liên kết với sự tham gia của doanh nghiệp, HTX, THT. Tập trung xây dựng và phát triển tổ chức sản xuất (như: HTX, tổ hợp tác, doanh nghiệp,…) với các sản phẩm OCOP mới như: thổ cẩm, đồ lưu niệm, thảo dược, điểm dịch vụ-bán hàng, na,… (Bảng 02);

- Đề xuất đăng ký bảo hộ quyền sở hữu nhãn hiệu chứng nhận đối với các sản phẩm chưa được bảo hộ; quảng bá, mở rộng năng lực nhận diện thương hiệu, chỉ dẫn sản phẩm theo địa danh, chuẩn hóa quy trình, kỹ thuật sản xuất, duy trì, đồng nhất chất lượng và tăng cường quản lý chất lượng, thương hiệu sản phẩm;

- Đẩy mạnh chế biến, phát triển thêm sản phẩm OCOP mới như: dịch vụ chăm sóc sức khỏe thảo dược; các sản phẩm từ vùng trồng cây ăn quả tập trung định hướng phát triển sản phẩm OCOP đến năm 2030 như: na, bưởi tươi; quả chế biến như dứa, mắc ca…, và hỗ trợ nâng cấp sao cho sản phẩm OCOP đã có: Trong đó, phấn đấu nâng cấp sản phẩm OCOP gà Tiên Yên từ 4 sao lên 5 sao, phát triển sản phẩm tôm Tiên Yên đạt 5 sao (Bảng 02).

## Bảng 02. Tái cơ cấu một số sản phẩm OCOP chủ yếu huyện Tiên Yên

| **TT** | **Sản phẩm OCOP chủ yếu** | **Tên chủ thể OCOP** | **Địa chỉ** | **Phân hạng sản phẩm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hiện tại** | **Đến 2025** |
| **I** | **Sản phẩm đã được cấp sao** |
| 1 | Gà Tiên Yên | HTX chăn nuôi gà Tiên Yên | Thôn Tềnh Pò, xã Phong Dụ | 4 sao | 4 sao |
| 2 | Mật ong Tiên Yên | HTX khai thác và chế biến các sản phẩm OCOP Tiên Yên | Phố Long Tiên, TT Tiên Yên |  4 sao | 4 sao |
| 3 | Mật ong Tiên Yên | HTX khai thác và chế biến mật ong Tiên Yên | Thôn Cầu Đá, xã Tiên Lãng | 3 sao | 4 sao |
| 4 | Trứng vịt biển Đồng Rui | HTX chăn nuôi và dịch vụ Đồng Tiến | Thôn Trung, xã Đồng Rui | 4 sao | 4 sao |
| 5 | Bánh hạnh nhân | Cơ sở sản xuất bánh ngọt Quý Thùy | TT. Tiên Yên | 3 sao | 4 sao |
| 6 | Kẹo lạc hồng | THT sản xuất kẹo lạc hồng Tiên Yên | TT. Tiên Yên | 3 sao | 4 sao |
| 7 | Bánh chả Tiên Yên | Cơ sở sản xuất bánh ngọt Quý Thùy | TT. Tiên Yên | 3 sao | 4 sao |
| 8 | Khau nhộc Tiên Yên | THT sản xuất khau nhộc Tiên Yên | TT. Tiên Yên | 4 sao | 4 sao |
| **II** | **Sản phẩm được chấp thuận tham gia chu trình OCOP** |
| 1 | Gà Tiên Yên | HTX nông lâm ngư nghiệp Điền Xá | Thôn Nà Buống, xã Điền Xá |   | 4 sao |
| 2 | Gà Tiên Yên | HTX gà Hà Lâu | Thôn Bắc Lù- Nà Trang, xã Hà Lâu |   | 4 sao |
| 3 | Gà Tiên Yên | HTX nông nghiệp Đại Dực | Xã Đại Dực |   | 4 sao |
| 4 | Gà Tiên Yên | HTX dịch vụ nông nghiệp và thực phẩm sạch Đông Hải | Thôn Làng Đài, xã Đông Hải |   | 4 sao  |
| 5 | Gà Tiên Yên | Hợp tác xã Nông nghiệp Yên Than | Thôn Đồng Tâm, xã Yên Than |   | 4 sao  |
| 6 | Gà Tiên Yên | HTX SX giống gà bản địa Tiên Yên | Thôn Hà Thụ, xã Hải Lạng |   | 4 sao  |
| 7 | Gà Tiên Yên | HTX Thương mại, dịch vụ, kỹ thuật Phú Gia | Thị trấn Tiên Yên |   | 4 sao  |
| 8 | Bánh gật gù | HTX Thương mại, dịch vụ, kỹ thuật Phú Gia | Thị trấn Tiên Yên |   | 3 sao  |
| 9 | Bánh tày | HTX Thương mại, dịch vụ, kỹ thuật Phú Gia | Thị trấn Tiên Yên |   | 3 sao  |
| 10 | Bánh do | HTX Thương mại, dịch vụ, kỹ thuật Phú Gia | Thị trấn Tiên Yên |   | 3 sao  |
| 11 | Trứng vịt biển rừng ngập mặn Hải Lạng | HTX SX giống gà bản địa Tiên Yên | Thôn Hà Thụ, xã Hải Lạng |   | 4 sao  |
| 12 | Bí xanh Đông Hải | HTX dịch vụ nông nghiệp và thực phẩm sạch Đông Hải |   |   | 3 sao  |
| 13 | Ngan sao Tiên Yên | HTX dịch vụ nông nghiệp và thực phẩm sạch Đông Hải |   |   | 3 sao  |
| 14 | Dưa chua úp thảm | Tổ hợp tác dưa chua úp thảm Phương Đông | Phương Đông, xã Đông Ngũ |   | 3 sao  |
| 15 | Nón tre truyền thống người Dao | THT sản xuất nón tre Yên Than | Xã Yên Than |   | 4 sao  |
| 16 | Ớt chào mào | Hộ sản xuất Lý Văn Quạn | Xã Đại Dực |   | 3 sao  |
| 17 | Tôm thẻ chân trắng xã Hải Lạng | HTX nuôi trồng thủy sản Hải Tiến | Xã Hải Lạng |   | 4 sao  |
| 18 | Tôm sú Hải Tiến |   | 4 sao  |
| 19 | Cua biển Hải Tiến |   | 4 sao  |
| **III** | **Đề xuất sản phẩm mới** |  |  |  |  |
| 1 | Gà Tiên Yên | Đang tìm chủ thể |   |   | 5 sao |
| 2 | Tôm Tiên Yên | Đang tìm chủ thể | Xã Đồng Rui, Hải Lạng |   | 5 sao |
| 3 | Na Tiên Yên | Đang tìm chủ thể | Xã Đông Hải |   | 3 sao |
| 4 | Na Tiên Yên | Đang tìm chủ thể | Xã Đông Ngũ |   | 3 sao |
| 5 | Khoai lang biển Đồng Rui | HTX chăn nuôi và dịch vụ Đồng Tiến, thôn Trung | Thôn Trung, xã Đồng Rui |   | 3 sao |
| 6 | Lá tắm thảo dược, nước ngâm chân thảo dược | Đang tìm chủ thể | Xã Yên Than |   | 3 sao |
| 7 | Thảo dược: Lá tắm, nước ngâm chân,… | Đang tìm chủ thể | Xã Hà Lâu |   | 3 sao |
| 8 | Thảo dược: Lá tắm, nước ngâm chân,… | Đang tìm chủ thể | Xã Phong Dụ |   | 3 sao |
| 9 | Thảo dược: Lá tắm, nước ngâm chân,… | Đang tìm chủ thể | Xã Đại Dực |   | 3 sao |
| 10 | Thổ cẩm, đồ lưu niệm  | Đang tìm chủ thể | Thôn Pạc Sủi, xã Yên Than |   | 4 sao |
| 11 | Thổ cẩm, đồ lưu niệm  | Đang tìm chủ thể | Xã Hà Lâu |   | 3 sao |
| 12 | Thổ cẩm, đồ lưu niệm  | Đang tìm chủ thể | Xã Phong Dụ |   | 3 sao |
| 13 | Nghề may trang phục Dao Thanh Y | Đang tìm chủ thể | Thôn Cống To, xã Tiên Lãng |   | 3 sao |
| 14 | Mây tre đan | Đang tìm chủ thể | Xã Đông Hải |   | 3 sao |
| 15 | Điểm dịch vụ-bán hàng | Đang tìm chủ thể | Thôn Pạc Sủi, xã Yên Than |   | 3 sao |
| 16 | Điểm dịch vụ-bán hàng | Đang tìm chủ thể | Xã Phong Dụ |   | 3 sao |
| 17 | Điểm dịch vụ-bán hàng | Đang tìm chủ thể | Xã Đại Dực |   | 3 sao |
| 18 | Điểm dịch vụ-bán hàng | Đang tìm chủ thể | Xã Hà Lâu |   | 3 sao |

**3.4. Tái cơ cấu nông nghiệp gắn với phát triển du lịch sinh thái - văn hóa**

***a) Quan điểm và mục tiêu***

Phát triển du lịch sinh thái - văn hóa huyện Tiên Yên gắn với quy hoạch phát triển chung của tỉnh Quảng Ninh, trong đó Tiên Yên được xác định là vùng hậu cần quan trọng về nông nghiệp, dịch vụ phục vụ cho khu kinh tế Vân Đồn và Cẩm Phả; Xây dựng Tiên Yên trở thành trung tâm văn hóa giàu bản sắc các dân tộc vùng Đông Bắc.

Du lịch sinh thái-văn hóa là điểm dừng chân khách du lịch, cung cấp và thỏa mãn các nhu cầu tiêu dùng, ăn nghỉ, vui chơi, giải trí, mua sắm sản phẩm OCOP bản địa (thực phẩm, ẩm thực; đồ uống; vải, may mặc; đồ lưu niệm, thảo dược,…), trải nghiệm thiên nhiên, văn hóa, con người và các nhu cầu khác của khách hàng.

  Xác định du lịch nông nghiệp là một ngành kinh tế có hiệu quả cao, nhất là với điều kiện của Tiên Yên hiện nay. Tỷ lệ đất nông thôn cao cùng với sự thích ứng của điều kiện tự nhiên, đất đai cho cây trồng vật nuôi phát triển quanh năm là điều kiện tiên quyết cho phát triển du lịch nông nghiệp của huyện.

Tái cơ cấu nông nghiệp phải gắn với đẩy mạnh phát triển các điểm đến du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn, du lịch văn hóa lịch sử theo hướng bền vững; xác định cụ thể sản phẩm du lịch nông nghiệp của địa phương; quan tâm hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực để du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện.

***b) Nội dung tái cơ cấu gắn phát triển du lịch sinh thái - văn hóa***

*(1) Nội dung tái cơ cấu Nông nghiệp gắn với phát triển du lịch sinh thái - văn hóa:*

Xây dựng và hoàn thiện mô hình cây ăn quả gắn du lịch ruộng bậc thang (nho, táo, lựu,…) ứng dụng khoa học kỹ thuật gắn với du lịch trải nghiệm nông nghiệp vùng cao tại các xã Yên Than, Đại Dực…

 *(2) Nội dung phát triển du lịch sinh thái - văn hóa theo tiềm năng du lịch của huyện:*

***\* Phát triển du lịch sinh thái***

Thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được phê duyệt, trong đó huyện Tiên Yên được xác định nằm trong vùng du lịch biên giới (tương ứng với tiểu vùng các khu kinh tế cửa khẩu với Trung Quốc).

Huyện Tiên Yên được định hướng trở thành trung tâm du lịch sinh thái trang trại, dẫn đầu với thương hiệu “Gà Tiên Yên” và là trung tâm du lịch sinh thái rừng ngập mặn lớn của miền Bắc, cụ thể:

(1) Du lịch sinh thái Thác Pạc Sủi gắn với trải nghiệm văn hóa dân tộc Dao Thanh Phán, huyền thoại Vua gà.

(2) Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Hồ Khe Cát, xã Hải Lạng.

***\* Phát triển du lịch cộng đồng***

- Huyện Tiên Yên được xác định nằm trong không gian phát triển du lịch cộng đồng phía Đông. Không gian chung bao gồm các địa phương: Ba Chẽ, Bình Liêu, Tiên Yên, Đầm Hà, Hải Hà, Móng Cái với mục tiêu trở thành khu vực phát triển mạnh mẽ về du lịch cộng đồng dựa trên các giá trị văn hóa bản địa vùng DTTS và miền núi và khu vực du lịch cộng đồng, sinh thái khu vực ven biển phía Đông của tỉnh. Sản phẩm du lịch cộng đồng chủ yếu là khai thác giá trị cảnh quan miền núi, giá trị văn hóa của dân tộc Dao và các DTTS khác (Tày, Sán Chỉ,...).

- Phát triển du lịch cộng đồng, tìm hiểu văn hoá cộng đồng DTTS với đinh hướng sản phẩm hoạt động thể thao dã ngoại, hoạt động giải trí ngoài trời (Trekking) và trải nghiệm văn hóa địa phương, lưu trú, trao đổi giao lưu về văn hóa sinh hoạt, nghệ thuật; trải nghiệm văn hóa truyền thống, tri thức dân gian về ẩm thực, nghề thủ công, y học dân tộc,…

- Phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng đảm bảo phù hợp với nhu cầu thị trường, xu thế phát triển sản phẩm du lịch của tỉnh Quảng Ninh và Việt Nam. Nghiên cứu, sản xuất các sản vật địa phương, quà tặng, đồ lưu niệm, thủ công truyền thống làm quà tặng, phục vụ nhu cầu mua sắm hàng lưu niệm cho khách du lịch.

- Cung cấp cho du khách cả hoạt động trải nghiệm, khám phá, tìm hiểu về mọi hoạt động liên quan tới cộng đồng, tạo ra sản phẩm du lịch cộng đồng có tính độc đáo, đặc trưng, khác biệt, tạo sự hấp dẫn của tài nguyên du lịch, nâng cao khả năng cạnh tranh, đảm bảo tính bền vững về văn hóa, môi trường, sinh thái, bảo đảm an ninh, an toàn cho khách du lịch.

- Khôi phục, xây dựng một số làng, bản văn hóa của đồng bào các DTTS để trở thành sản phẩm du lịch, cụ thể:

(1) Làng Văn hóa dân tộc Tày tại thôn Đồng Đình (xã Phong Dụ).

(2) Làng Văn hóa dân tộc Sán Dìu tại thôn Thống Nhất (xã Hải Lạng).

(3) Làng Văn hóa dân tộc Sán Chỉ (xã Đại Dực).

(4) Làng Văn hóa dân tộc Dao Thanh Phán (thôn Pạc sủi, xã Yên Than).

- Các hoạt động chủ yếu của mô hình du lịch cộng đồng tại huyện Tiên Yên, gồm:

(1) Thăm quan, trải nghiệm cuộc sống sinh hoạt, sản xuất của các hộ gia đình dân tộc trên địa bàn.

(2) Tìm hiểu văn hóa, phong tục tập quán của các dân tộc.

(3) Mua sắm các sản phẩm truyền thống của các dân tộc.

***\* Phát triển du lịch nghỉ dưỡng***

Phát triển du lịch nghỉ dưỡng là điểm đến của du lịch huyện Tiên Yên: Nghỉ dưỡng hồ, kết hợp chữa bệnh bằng khí công và thảo dược, hướng tới thị trường khách có khả năng chi trả cao, lứa tuổi trung niên trở lên, gồm:

(1) Quần thể khu đô thị du lịch, nghỉ dưỡng phía Tây Cảng Mũi Chùa

- Tham quan, tìm hiểu, khám phá cảnh quan

- Tắm biển, vui chơi giải trí.

- Thưởng thức hải sản tươi sống.

- Nghỉ dưỡng, chữa bệnh.

- Mua sắm các sản phẩm của địa phương.

(2) Khu đô thị sinh thái Hồ Cống To (Thôn Cống To, xã Tiên Lãng)

- Tham quan, tìm hiểu, khám phá cảnh quan Hồ Cống To.

- Tắm biển, vui chơi giải trí.

- Thưởng thức hải sản tươi sống.

- Nghỉ dưỡng, chữa bệnh, thiền, khí công.

- Mua sắm các sản phẩm của địa phương.

(3) Khu du lịch nghỉ dưỡng hồ Khe Táu (Đập Khe Táu) xã Đông Ngũ

- Tham quan ngắm cảnh hồ Khe Táu.

- Tham quan tìm hiểu cuộc sống người Dao Thanh phán (thôn Quế Sơn).

- Nghỉ dưỡng, chữa bệnh bằng hồi, quế.

- Tham quan trang trại tổng hợp (gà, dê, bò).

(4) Khu du lịch nghỉ dưỡng hồ Khe Cát, xã Hải Lạng

- Tham quan ngắm cảnh hồ Khe Cát.

- Nghỉ dưỡng chữa bệnh, phục hồi sức khỏe bằng thảo dược.

- Các món ẩm thực có lợi cho sức khỏe được làm từ thực vật (các món ăn chay, các món ăn được làm từ thực phẩm sạch 100%).

- Tập yoga, thiền và dịch vụ tư vấn sức khỏe tinh thần.

- Tham gia trại sáng tác nghệ thuật.

***\* Ưu tiên định hướng phát triển du lịch sinh thái gắn với sản xuất, trải nghiệm***

- Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (khoảng 252 ha) trồng và chiết xuất hoa và cây ăn trái tại khu vực xã Yên Than/ Đông Ngũ/ Đông Hải;

- Trồng cây ăn trái công nghệ cao kết hợp với du lịch nông trại (khoảng 3.000 ha): tại các xã Hà Lâu, Đông Hải, Đông Ngũ, Phong Dụ, Yên Than.

- Trồng rừng và dược liệu dưới tán rừng kết hợp với du lịch sinh thái (khoảng 3.800 ha): tại các xã Hà Lâu, Đông Hải, Đông Ngũ, Phong Dụ, Yên Than.

- Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái thác Pạc Sủi (khoảng 740 ha) “*Điểm du lịch sinh thái Thác Pạc Sủi, xã Yên Than huyện Tiên Yên gắn với Làng văn hóa dân tộc Dao Thanh Phán, xã Yên Than huyện Tiên Yên*”. Được xây dựng căn cứ Quyết định 1355/QĐ-UBND của UBND tỉnh; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 17/5/2021 của Tỉnh ủy "*về phát triển bền vững KTXH gắn với bảo đảm vững chắc an ninh quốc phòng ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc tiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*".

+ Trồng hoa, cây ăn quả cải tạo cảnh quan trong khu dự án; Chú trọng loại hoa bản địa như hoa Đỗ Quyên.

+ Xây dựng đường giao thông theo đường đồng mức, đảm bảo du khách được trải nghiệm cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp xen lẫn các trang trại cây ăn quả và các cánh đồng hoa bạt ngàn.

+ Trên diện tích khá bằng phẳng (khoảng 10 ha) trên đỉnh thác (tầng thứ 16): xây dựng các biệt thự du lịch sinh thái, là nơi du khách lưu trú dài ngày và ngắn ngày.

+ Phát triển các cơ sở hạ tầng của các trò chơi mạo hiểm như zipline, dù lượn, tàu leo núi,…

+ Phát triển các khoang tắm đơn/đôi và cộng đồng ẩn mình trong những vách đá trên những tầng thác có vũng nước lớn.

+ Ngoài các tuyến đường bộ lẫn trong những thảm hoa lá, phương tiện đi lại cho du khách trong khu du lịch là xe điện.

 - Bảo tồn sinh thái du lịch rừng ngập mặn và chỉnh trang phát triển khu dân cư sinh thái biển Đồng Rui diện tích khoảng 590 ha. Định hướng phát triển du lịch sinh thái khu vực nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao, đồng thời đầu tư mới khu dân cư, làng nghề và chỉnh trang khu dân cư hiện tại, nâng cao trình độ lao động, sản xuất của dân cư bản địa, cùng với phát triển các loại hình du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái nhằm nâng cao đời sống kinh tế người dân địa phương, hòa chung với tổng thể dự án khu đô thị sinh thái du lịch biển.

 **3.5.** **Đối tượng chiến lược cần can thiệp để tập trung tái cơ cấu**

Đánh giá chung về các nội dung tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng NTM, phát triển sản phẩm OCOP và du lịch sinh thái văn hóa, bảng 03 sau đây là đối tượng chiến lược cần can thiệp tập trung tái cơ cấu cho giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

## Bảng 03. Đối tượng, vấn đề đang tồn tại, hướng can thiệp phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp huyện Tiên Yên

| **TT** | **Đối tượng** | **Vấn đề đang tồn tại cần giải quyết** | **Hướng can thiệp/Dự kiến sản phẩm OCOP** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Gà Tiên Yên | Chất lượng không đồng đều giữa các chủ gà; nhiều mỡ; chưa kiểm soát kháng sinh; thời gian nuôi dài (6-8 tháng); giá thành cao; chưa khai thác tiềm năng | (1) Chọn tạo đàn gà hạt nhân Tiên Yên thuần chủng, ổn định về ngoại hình, khả năng sản xuất để chủ động về con giống;(2) Xây dựng chỉ dẫn địa lý đối với con gà Tiên Yên; (3) Hướng can thiệp: Tổ chức và áp dụng quy trình an toàn sinh học, nâng cao chất lượng thịt, nâng cao hiệu quả chăn nuôi, tổ chức sản xuất, phát triển HTX, phát triển trang trại, tăng đàn gà; (4) Sản phẩm OCOP dự kiến: Thịt gà tươi, thịt gà mát chất lượng cao, bột thịt gà, bột hương gà, xúc xích gà,…; (5) Nâng cấp hạng sản phẩm đạt 5 sao cấp quốc gia. |
| 2 | Thủy sản (Tôm, nhuyễn thể,…)  | Thiếu quy hoạch; nhiều dịch bệnh; thu hoạch bấp bênh, rủi ro cao; sản lượng chưa cao; chưa khai thác tiềm năng, nhất là tiềm năng mặt nước rừng ngập mặn nuôi thủy sản theo hướng sinh thái | Hướng can thiệp: (1) Quy hoạch chi tiết các vùng nuôi trồng thủy sản Hải Lạng, Đồng Rui,… (2) Quản lý dịch bệnh, ứng dụng KHCN gia tăng sản lượng, khai thác mặt nước rừng ngập mặn để nuôi trồng thủy sản theo hướng sinh thái; tái sử dụng nguồn chất thải trong nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường sinh thái; (3) Quản lý rủi ro; (4) Dự kiến sản phẩm OCOP: Tôm tươi, tôm đông lạnh, tôm mát chất lượng cao,… |
|
| 3 | Cây ăn quả (na, bưởi,..) | Chưa khai thác tiềm năng, chưa phát triển; chưa gắn với du lịch nông nghiệp  | (1) Tổ chức sản xuất, áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt, phát triển thị trường tiêu thụ; (2) Xây dựng vùng trồng cây ăn quả gắn du lịch trải nghiệm nông nghiệp vùng cao |
| 4 | Rau cải xanh | Chưa khai thác tiềm năng; chế biến chưa phát triển | Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, tổ chức sản xuất, phát triển mở rộng sản xuất, đẩy mạnh chế biến sâu: cải muối dưa, kim chi cải xanh,…  |
| 5 | Lúa chất lượng cao | Chưa khai thác tiềm năng; thiếu liên kết phát triển vùng | Xây dựng mô hình trồng giống lúa mới chất lượng cao; Liên kết phát triển vùng trồng lúa chất lượng cao ở Đông Ngũ, Đông Hải, Hải Lạng, Yên Than, Phong Dụ, Đồng Rui,… |
| 6 | Lợn  | Đàn lợn giảm mạnh do dịch bệnh Tả châu Phi; cung chưa đủ cầu; tổ chức sản xuất và KHCN chăn nuôi chưa đáp ứng yêu cầu, quản lý dịch bệnh yếu; thiếu đầu tư | Xây dựng cơ sở giống để tuyển chọn và phát triển giống lợn Móng Cái. Sử dụng nái nền Móng Cái để tạo đàn lợn lai F1 với các giống cao sản. Sử dụng tinh của lợn lai 2 - 3 máu để nâng cao chất lượng sản phẩm. Nhập lợn bố mẹ giống ngoại để chủ động sản xuất lợn giống cung cấp cho nhu cầu của người chăn nuôi trên địa bàn. Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn dược liệu; phát triển trang trại, gia tăng sản lượng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và nguyên liệu chế biến sản phẩm khau nhục - sản phẩm OCOP của địa phương |
|
| 7 | Cây gỗ lớn kết dược liệu | Rất ít rừng tự nhiên, cây gỗ nhỏ; rừng sản xuất chủ yếu là keo, thời gian sinh trưởng ngắn (sau 5-7 năm thu hoạch), nguy cơ sạt lở đất luôn thường trực; dược liệu chưa phát triển như tiềm năng, lợi thế; thiếu đầu tư | (1) Lập Đề án phát triển rừng huyện Tiên Yên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; (2) Chuyển đổi rừng sản xuất sang rừng phòng hộ với các loài cây gỗ lớn bản địa hay cây đa dụng; tập trung phát triển loài dược liệu thích hợp, nhất là dược liệu có củ dưới tán rừng; (3) Phát triển vùng trồng Quế hữu cơ theo hướng liên kết sản xuất |
|
| 8 | Làng thông minh gắn với du lịch sinh thái-văn hóa | Chưa khai thác tiềm năng, lợi thế biển đảo, sinh thái-văn hóa; thiếu đầu tư; kinh tế chưa thực sự phát triển; dân trí thấp, tỷ lệ công dân điện tử còn khiêm tốn,… | Xây dựng làng thông minh gắn với sản xuất nông nghiệp tiên tiến và du lịch biển-sinh thái-văn hóa; là điểm dừng chân khách du lịch, cung cấp dịch vụ thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng, ăn nghỉ, vui chơi, giải trí, chụp ảnh, tắm biển, mua sắm, trải nghiệm câu cá,… |
|
| 9 | Du lịch sinh thái-văn hóa  | Chưa khai thác tiềm năng, lợi thế; thiếu đầu tư | (1) Điểm dừng chân khách du lịch, du lịch-dịch vụ: tiêu dùng, ăn nghỉ, đi lại, vui chơi giải trí, mua sắm sản phẩm OCOP và các nhu cầu khác của khách hàng; (2) Xây dựng vùng trồng cây ăn quả gắn du lịch trải nghiệm tại xã Đại Dực |
| 10 | Cơ sở hạ tầng công nghệ | Chưa khai thác tiềm năng, lợi thế địa phương; thiếu đầu tư; thiếu KHCN và kinh nghiệm | Xây dựng mô hình ứng dụng Internet vạn vật kết nối (IoT) kết hợp với máy tính hay điện thoại di động để giám sát và quản lý trang trại nông nghiệp. |

**3.6. Các đề án, dự án ưu tiên và thu thú đầu tư**

*a. Các Đề án, dự án ưu tiên (Phụ lục 1.1):*

Tổng số 15 dự án, trong đó có 3 dự án trồng trọt, 4 dự án chăn nuôi, 3 dự án lâm nghiệp, 3 dự án thủy sản, 1 dự án du lịch nông nghiệp (xây dựng vùng trồng cây ăn quả gắn du lịch trải nghiệm tại xã vùng cao) và 1 dự án về làng thông minh.

- Lĩnh vực trồng trọt: *(1)* Lập Đề án phát triển vùng sản xuất cây ăn quả tập trung huyện Tiên Yên giai đoạn 2021 -2025, định hướng đến năm 2030, lộ trình thực hiện năm 2021; *(2)* Nhiệm vụ ứng dụng khoa học công nghệ sơ chế, chế biến, bảo quản rau muối dưa úp thảm (thực hiện năm 2022-2023); *(3)* Phát triển vùng trồng lúa chất lượng cao (Xây dựng mô hình trồng giống lúa mới chất lượng cao tại xã Hải Lạng, Đông Ngũ, Đông Hải năm 2022; Liên kết phát triển vùng trồng lúa chất lượng cao tại các xã Hải Lạng, Đông Ngũ, Đông Hải, Đồng Rui, Phong Dụ, Yên Than thực hiện năm 2022-2023).

- Lĩnh vực chăn nuôi: *(1)* Chọn lọc giống gà Tiên Yên nhằm lựa chọn 2 dòng màu sắc đặc trưng để phát triển (KHCN tỉnh) - thực hiện năm 2022-2025*; (2)* Chuỗi liên kết phát triển đàn gà Tiên Yên (10/10 xã, thực hiện năm 2022-2025)*; (3)* Xây dựng chỉ dẫn địa lý đối với con gà Tiên Yên (thực hiện năm 2022-2023)*; (4)* Công thức phối trộn thức ăn nhằm nâng cao năng suất và chất lượng gà Tiên Yên trên địa bàn toàn huyện (3.600 con, thực hiện năm 2021-2022).

- Lĩnh vực Lâm nghiệp: *(1)* Lập Đề án phát triển rừng huyện Tiên Yên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (thực hiện năm 2021-2022); *(2)* Xây dựng các mô hình trồng cây gỗ lớn bản địa (thực hiện năm 2022-2025); *(3)* Phát triển vùng trồng Quế hữu cơ theo hướng liên kết sản xuất (thực hiện năm 2022-2024).

- Lĩnh vực thủy sản: *(1)* Quy hoạch chi tiết vùng nuôi trồng thủy sản khu đầm Hà Thụ và Hà Dong xã Hải Lạng (thực hiện năm 2022-2023); *(2)* Quy hoạch chi tiết vùng nuôi trồng thủy sản xã Đồng Rui (thực hiện năm 2024-2025); *(3)* Lập bản đồ địa chính quy hoạch nuôi nhuyễn thể ngoài đê (5 xã ven biển, thực hiện năm 2022-2023).

- Dự án Du lịch trải nghiệm gắn với nông nghiệp: Xây dựng vùng trồng cây ăn quả gắn du lịch trải nghiệm tại xã Yên Than, Đại Dực huyện Tiên Yên (thực hiện năm 2023-2025).

- Làng thông minh: Xây dựng làng thông minh gắn với du lịch biển, du lịch văn hóa-sinh thái rừng ngập mặn xã Đồng Rui (thực hiện năm 2022-2025).

 Lộ trình thực hiện các dự án cơ bản từ năm 2022 - 2024; riêng 04 dự án thực hiện kéo dài đến 2025 gồm: quy hoạch chi tiết nuôi trồng thủy sản, trồng cây gỗ lớn bản địa, dự án chọn lọc giống gà Tiên Yên, dự án Chuỗi liên kết phát triển đàn gà Tiên Yên. Đây là 16 dự án ưu tiên có tính chất dẫn dắt tái cơ cấu nông nghiệp, là mồi nhử để thực hiện quá trình tái cơ cấu nông nghiệp của cả huyện Tiên Yên, việc thực hiện 16 dự án thành phần này có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần đảm bảo thành công của Đề án. Vị trí không gian của 16 dự án này hoàn toàn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, chiến lược phát triển KTXH, phát triển đô thị huyện Tiên Yên, và đặc biệt không trùng lặp với vị trí chiến lược đầu tư của các dự án, đề án của TH True milk, Flamingo, Công ty cổ phần đầu tư Việt Dũng, Công ty TNHH Thủy sản Thanh Liêm,....

*b. Các Đề án, dự án thu hút đầu tư: 04 dự án (Phụ lục 1.5) gồm:*

- Dự án xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, quy mô 2,13 ha tại xã Tiên Lãng, huyện Tiên Yên.

- Dự án Xây dựng cơ sở sơ chế, bảo quản thóc, gạo chất lượng cao, quy mô dự kiến 02 ha tại xã Đông Hải.

- Dự án xây dựng cơ sở chế biến, bảo quản sản phẩm gà Tiên Yên, dự kiến 01 ha tại Khu công nghiệp.

- Xây dựng cơ sở chế biến miến dong Tiên Yên tại xã Đại Dực.

*c. Các Đề án, dự án đã có Doanh nghiệp nghiên cứu đầu tư và đang đầu tư:* (Phụ lục 1.6).

- 05 dự án, đề án do 04 doanh nghiệp đang nghiên cứu đầu tư: *(1)* 03 dự án của Tập đoàn TH-True Milk gồm: Dự án trồng cây ăn trái công nghệ cao kết hợp với du lịch nông trại tại xã Hà Lâu, Đông Hải, Đông Ngũ, Phong Dụ, Yên Than, quy mô 3.000 ha; Dự án trồng rừng và dược liệu dưới tán rừng kết hợp với du lịch sinh thái tại xã Hà Lâu, Đông Hải, Đông Ngũ, Phong Dụ, Yên Than, quy mô dự kiến 3.800 ha; Dự án Chỉnh trang và phát triển khu dân cư, du lịch sinh thái biển Đồng Rui tại xã Đồng Rui; *(2)* 01 dự án của Công ty cổ phần Flamingo Holdinh Group: nghiên cứu đầu tư Quần thể đô thị sinh thái biển tại xã Đông Ngũ, Đông Hải, quy mô dự kiến 1.750 ha; *(3)* 01 dự án của Công ty TNHH Thủy sản Thanh Liêm nghiên cứu đầu tư Dự án nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng cây ăn quả sử dụng công nghệ cao tại xã Đồng Rui, dự kiến quy mô 20 ha.

- 8 dự án, đề án, chương trình do các cơ quan Trung ương (Bộ Khoa học và Công nghệ, Chương trình Nông thôn-Miền núi), tỉnh Quảng Ninh và huyện Tiên Yên là đơn vị chủ quản: *(1)* Đề án OCOP Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025; *(2)* Đề án phát triển chuỗi các sản phẩm nông sản chủ lực cấp tỉnh giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 (Chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm gà Tiên Yên tại 10/10 xã, quy mô dự kiến đến năm 2030: 400.000 con, xây dựng mô hình 5.000 con gà Tiên Yên thương phẩm; *(3)* Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi biên giới, hải đảo tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 -2025, định hướng đến năm 2030; *(4)* Chương trình phối hợp giữa Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Ninh và huyện Tiên Yên giai đoạn 2021-2025; *(5)* Dự án ứng dụng KHCN xây dựng mô hình chăn nuôi gà thương phẩm cho thịt theo hướng liên kết chuỗi giá trị của Bộ KH&CN; *(6)* Dự án tổng thể phát triển dược liệu huyện Tiên Yên giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030; *(7)* Đề án phát triển du lịch huyện Tiên Yên; *(8)* Dự án ứng dụng khẩu phần thức ăn tự phối trộn từ nguồn nguyên liệu sẵn có nhằm nâng cao chất lượng thịt và hiệu quả chăn nuôi.

Các dự án, đề án, chương trình này là nguồn lực rất quan trọng góp phần đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu kinh tế nói chung, tái cơ cấu nông nghiệp nói riêng cũng như góp phần cho thành công của Đề án.

**4. Các giải pháp thực hiện Đề án**

**4.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách**

Cùng với các giải pháp chính sách chung, Đề án đề nghị HĐND, UBND tỉnh Quảng Ninh cho phép huyện Tiên Yên thực hiện thí điểm một số chính sách sau đây:

- Cho phép huyện Tiên Yên áp dụng chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp bền vững đến năm 2025, tầm nhìn 2030 theo Nghị quyết số 337/2021/NQ-HĐND ngày 24/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về quy định một số chính sách đặc thù để khuyến khích phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh để lập Đề án phát triển rừng thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TU ngày 28/11/2029 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh để huyện Tiên Yên có thể triển khai thực hiện các dự án lâm nghiệp.

- Xây dựng các mô hình xã đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu gắn tiêu chuẩn xã thông minh.

**4.2. Giải pháp về quy hoạch và xây dựng hạ tầng giao thông cho vùng sản xuất tập trung**

- Công khai, quản lý theo các quy hoạch đã được phê duyệt, trong đó chú trọng Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Tiên Yên.

- Triển khai thực hiện Quy hoạch xây dựng vùng huyện; Quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng mở rộng thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Làm tốt quy hoạch không gian sản xuất nông nghiệp gồm giữ ổn định diện tích lúa nước, nhất là lúa chủ động nước, chuyển đổi đất không chủ động nước sang trồng cây rau màu, hoa, quả khác hiệu quả hơn; mở rộng diện tích rừng, nhất là rừng tự nhiên với các loại cây gỗ lớn, gỗ bản địa, cây lâm đặc sản đa dụng; mở rộng diện tích cây ăn quả như na, cam và cây ăn quả khác,... Tiếp tục lập quy hoạch chi tiết nuôi trồng thủy sản tại các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung làm cơ sở đầu tư hạ tầng nuôi trồng thủy sản.

- Tổ chức rà soát lại các quy hoạch đã được phê duyệt, đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất điều chỉnh; bổ sung các quy hoạch theo hướng khai thác tiềm năng, thế mạnh, thúc đẩy phát triển kinh tế.

- Thực hiện rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ba loại rừng phù hợp với yêu cầu phát triển KTXH và các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác. Rà soát, đề xuất chuyển đổi rừng sản xuất sang rừng phòng hộ ở những khu vực đáp ứng các tiêu chí rừng phòng hộ theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính Phủ, nhất là các lưu vực hồ chứa nước trên địa bàn. Triển khai quản lý chặt chẽ rừng và đất rừng theo Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 28/11/2019 về phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Bổ sung, hoàn thiện hạ tầng giao thông cho vùng sản xuất tập trung của huyện.

**4.3.** **Giải pháp đối với bộ máy quản lý ngành nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp và phát triển nguồn nhân lực chủ thể của sản xuất nông nghiệp**

***4.3.1. Giải pháp đối với bộ máy quản lý ngành nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp***

 - Rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống quản lý nông nghiệp; tăng cường hệ thống quản lý nhà nước về nông nghiệp cho cấp huyện, xã, thôn. Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước và và dịch vụ công. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp, tiến tới tự chủ kinh phí. Đổi mới hệ thống dịch vụ công (giống, bảo vệ thực vật, thú y, khuyến nông, kiểm tra chất lượng nông sản,...), đào tạo nghề theo hướng tăng xã hội hóa.

 - Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển nông, lâm, ngư nghiệp. Quản lý chặt chẽ quy hoạch nuôi trồng thủy sản, con giống, các cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp. Kiểm soát chất lượng sản phẩm nông sản theo chuỗi giá trị, kiểm tra việc thực hiện các quy trình sản xuất theo hướng an toàn của các tổ chức, cá nhân sản xuất các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp tập trung trên địa bàn. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, quản lý chặt chẽ các cơ sở: sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi, cung ứng thức ăn chăn nuôi, kinh doanh vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định pháp luật.

 - Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống dịch vụ nông nghiệp, trọng tâm là Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện và mạng lưới dịch vụ nông nghiệp ở cấp cơ sở, đáp ứng yêu cầu hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và tái cơ cấu, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

 Số lượng cán bộ, công chức trong ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện giảm sâu bởi thực hiện Đề án 25 nên ảnh hưởng chất lượng tham mưu và tổ chức thực hiện Nghị quyết; năng lực, trình độ của một số cán bộ xã còn hạn chế, thực hiện nhiệm vụ còn lúng túng, đặc biệt trong thanh quyết toán dự án phát triển sản xuất; đội ngũ cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, thú y, khuyến ngư cấp cơ sở còn thiếu và yếu. Hiện nay mới chỉ có 6/11 xã, thị trấn có cán bộ khuyến nông, thú y có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm. Do vậy, Đề án khuyến nghị:

+ Cấp huyện: Tiếp tục duy trì số lượng cán bộ công chức như hiện nay ở Phòng Nông nghiệp và PTNT, cũng như Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp; tăng cường bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ tinh thông nghiệp vụ này, đáp ứng yêu cầu tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

 + Cấp xã và thôn: Tăng cường năng lực khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư cho cấp cơ sở cả về số lượng và chất lượng chuyên môn thông qua tuyển dụng mới và huấn luyện đào tạo, đáp ứng công tác thực hiện nhiệm vụ chức trách được giao.

***4.3.2.*** ***Giải pháp phát triển nguồn nhân lực chủ thể của sản xuất nông nghiệp***

- Về kinh tế tập thể: Phấn đấu đến năm 2025 có ít nhất 35 HTX hoạt động có hiệu quả, bằng 112,9% so với năm 2020. Tăng cường chỉ đạo đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX hoạt động có hiệu quả (như: HTX chăn nuôi và dịch vụ Đồng Tiến thuộc xã Đồng Rui, HTX chăn nuôi gà Tiên Yên thuộc xã Phong Dụ,…), khuyến khích phát triển các mô hình hợp tác liên doanh, liên kết sản xuất chặt chẽ thông qua hợp đồng kinh tế giữa doanh nghiệp và HTX, hộ sản xuất. Kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của 31 HTX hiện có, tiếp tục thành lập mới các tổ chức sản xuất như THT, HTX một cách thận trọng, vững chắc,… phù hợp với các loại hình và đối tượng sản xuất trên địa bàn huyện. Khuyến khích hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại, gia trại, gia tăng số lượng trang trại từ 64 như hiện nay tăng lên 100-120 trang trại về chăn nuôi gà, lợn, vịt, thủy sản, trang trại tổng hơp. Ngoài 15 doanh nghiệp hiện có, cần thu hút thêm doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu đàn đầu tư và nông nghiệp huyện Tiên Yên. Đối với hơn 10.800 hộ nông dân hiện nay trên địa bàn huyện, cần có sự chuyển dịch nghề nghiệp từ đang làm nông nghiệp (nghề nông) sang làm nghề phi nông nghiệp hoặc dịch vụ, tức là cần gia tăng số hộ và số lao động phi nông nghiệp, giảm số hộ và số lao động nông nghiệp trên cùng địa bàn với tỷ lệ giảm bình quân chung toàn huyện 5-10% vào năm 2025, giảm từ 10-25% đối với 5 xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đang phấn đấu trở thành phường đô thị nhằm đảm bảo cả 5 xã này có tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt tối thiểu 55% theo Nghị quyết số1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, vì tái cơ cấu nông nghiệp cần gắn với phát triển đô thị để tiến tới thành lập thị xã Tiên Yên vào năm 2026.

- Chủ thể là hộ nông dân: Hộ nông dân phấn đấu trở thành chủ trang trại với quy mô sản xuất kinh doanh lớn hơn; hoặc họ tham gia liên kết hợp tác sản xuất kinh doanh trong các THT, HTX. Thậm chí hộ nông dân có sản xuất kinh doanh giỏi có thể trở thành doanh nghiệp. Hộ nông dân cần chuyển dịch từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp hoặc dịch vụ, tức là cần gia tăng số hộ và số lao động phi nông nghiệp, giảm số hộ và số lao động nông nghiệp trên cùng địa bàn. Điều này được đặt ra đối với thị trấn Tiên Yên và các xã Đông Ngũ, Đông Hải, Tiên Lãng, Yên Than và Hải Lạng, là những đơn vị đã đạt chuẩn NTM (năm 2020 có thêm 3 xã Yên Than, Đồng Rui và Hải Lạng) đăng ký trở thành xã NTM nâng cao, 3 xã (Đông Ngũ, Đông Hải và Tiên Lãng) đã đạt chuẩn NTM nâng cao trước năm 2020, và tất cả 6 xã, thị trấn này sẽ phấn đấu trở thành đơn vị hành chính đô thị là phường trong tương lai. Chẳng hạn đối với xã Yên Than, trong tổng số 882 hộ với 2.155 lao động thì có 353 hộ phi nông nghiệp với 862 lao động phi nông nghiệp và 529 hộ nông nghiệp với tỷ lệ lao động phi nông nghiệp hiện nay là 40%, đạt tiêu chí phường đô thị. Ngoài 4 xã trên đây, các xã còn lại cũng cần có chuyển dịch dần ngành nghề từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp theo hướng “*ly nông bất ly hương”* với số lượng và tỷ lệ lao động thích hợp, hài hòa, đảm bảo phát triển bền vững.

- Chủ thể tổ chức sản xuất là doanh nghiệp, HTX, THT: Đầu tư và thu hút đầu tư vào sản xuất, chế biến, xúc tiến thương mại; liên kết ngang để phát triển sản xuất kinh doanh, liên kết dọc để phát triển bền vững chuỗi giá trị. Đối với các chủ thể sản xuất nông nghiệp là doanh nghiệp thì cần tiếp tục thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn huyện để doanh nghiệp làm nông nghiệp. Chủ động và phát huy vai trò tiên phong trong nỗ lực cải thiện chất lượng và phương thức tương tác với cộng đồng doanh nghiệp đi vào nội dung thực chất và gắn với thực tiễn của doanh nghiệp, để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát triển.

Để phát triển nguồn nhân lực cho các nhóm chủ thể của sản xuất nông nghiệp trên đây, cần lưu ý các điểm mấu chốt sau đây:

+ Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp chế biến và nông nghiệp công nghệ cao, tạo dựng chuỗi liên kết lao động sau đào tạo với doanh nghiệp.

+ Phát triển nguồn nhân lực phải gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển KTXH, trong đó lấy nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông làm nền tảng; lấy đào tạo nghề, đào tạo lao động chất lượng cao làm khâu đột phá; lấy nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị là nhân tố quyết định.

+ Tập trung đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động; tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, kiện toàn đội ngũ chuyên môn có trình độ và năng lực thực tiễn; bố trí cán bộ có trình độ, năng lực và chuyên môn sâu làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp từ huyện đến cơ sở. Khuyến khích các doanh nghiệp, HTX hợp đồng các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật làm việc, tư vấn, ứng dụng KHCN vào sản xuất. Quan tâm thu hút, sử dụng cán bộ kỹ thuật có năng lực vào đảm nhận nhiệm vụ quản lý, hướng dẫn sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

+ Đẩy mạnh đào tạo nghề, đào tạo nguồn nhân lực cho các HTX, THT, trước hết cho giám đốc HTX và kế toán HTX; quan tâm đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp công nghệ cao. Bố trí nguồn nhân lực có trình độ làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước; ưu tiên sắp xếp vị trí việc làm cho cán bộ khuyến nông – thú y tại cơ sở.

**4.4. Giải pháp về bảo quản, chế biến sản phẩm**

Tiếp tục huy động các nguồn lực xã hội, thúc đẩy hoạt động đầu tư vào sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản; tăng cường đầu tư hạ tầng sản xuất, chế biến. Tập trung thu hút đầu tư xây dựng chế biến:

*(1)*Xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm tinh từ sản phẩm gà Tiên Yên.

*(2)* Xây dựng nhà sơ chế thóc, gạo chất lượng cao.

*(3)* Ứng dụng KHCN sơ chế, chế biến, bảo quản rau muối dưa úp thảm tiến tới xây dựng cơ sở sơ chế, bảo quản, liên kết tiêu thụ rau cải xanh muối dưa trên địa bàn huyện.

*(4)* Xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao gắn chế biến sản phẩm từ rau, quả các loại trên địa bàn huyện.

*(5)* Hoàn thành đưa vào sử dụng cơ sở sơ chế gia cầm gắn công nghệ đông lạnh sâu để sơ chế gà Tiên Yên.

*(6)* Thu hút đầu tư xây dựng 01 nhà máy chế biến nông lâm sản tổng hợp để dần thay thế các cơ sở chế biến lâm sản nhỏ lẻ, công suất thấp.

*(7)* Thu hút đầu tư xây dựng 01 cơ sở chế biến miến dong tại huyện Tiên Yên để khai thác tiềm năng, lợi thế sản xuất dong riềng trên địa bàn.

**4.5. Giải pháp về tổ chức sản xuất**

Tổ chức lại sản xuất theo hướng gắn kết chặt chẽ và bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các khâu sản xuất, thu mua, chế biến và xuất khẩu. Trong đó, tổ chức lại các hộ theo mô hình quản lý cộng đồng (nhóm hộ, THT, HTX, hiệp hội,...). Tổ chức, xây dựng các HTX, THT, doanh nghiệp là chủ thể của những sản phẩm OCOP mới (như: Thổ cẩm, thảo dược, điểm dịch vụ-bán hàng, na,…); sắp xếp lại hệ thống các cơ sở chế biến và tiêu thụ phù hợp với các vùng sản xuất nguyên liệu theo phạm vi thích hợp của từng địa phương.

Tiếp tục đẩy mạnh khuyến khích phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Chủ động và phát huy vai trò tiên phong trong nỗ lực cải thiện chất lượng và phương thức tương tác với cộng đồng doanh nghiệp đi vào nội dung thực chất và gắn với thực tiễn của doanh nghiệp, để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát triển. Tiếp tục củng cố chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao chuyên nghiệp, trách nghiệm, đồng hành, phục vụ doanh nghiệp, giảm chi phí gia nhập thị trường, lấy sự phát triển của doanh nghiệp làm đích đến và kết quả của hoạt động công vụ. Triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương, tỉnh, huyện về phát triển kinh tế tư nhân.

Tăng cường chỉ đạo đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX, khuyến khích phát triển các mô hình hợp tác liên doanh, liên kết sản xuất chặt chẽ thông qua hợp đồng kinh tế giữa doanh nghiệp và HTX, trang trại và hộ sản xuất. Đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác, trọng tâm là HTX trong nông nghiệp; phát triển các hình thức liên kết, hợp tác *(theo Nghị định 98/2018 NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Thủ tướng Chính* *phủ và Nghị quyết 194/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh)*. Kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX, tiếp tục thành lập các tổ chức sản xuất như THT, HTX sản xuất, kinh doanh,… phù hợp với các loại hình và đối tượng sản xuất.

Khuyến khích hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại, gia trại, nhất là trang trại gà, lợn, tôm, ong, lâm nghiệp,... Tạo điều kiện để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tiếp cận liên kết sản xuất với các trang trại, gia trại và ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp.

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao có trình độ, khả năng làm chủ khoa học, công nghệ, trình độ quản lý kinh tế ở các doanh nghiệp, HTX để phục vụ phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực; nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, tập trung đào tạo nghề sản xuất sản phẩm nông nghiệp hàng hóa đối với lao động trong các doanh nghiệp, HTX.

**4.6. Giải pháp về thị trường tiêu thụ**

Thực hiện hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định 98/2018 NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết 194/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 về việc ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh. Trong đó cần triển khai các giải pháp chủ yếu sau đây:

*Thứ nhất*, tiếp tục triển khai mạnh mẽ cơ cấu lại ngành nông nghiệp huyện Tiên Yên, phát triển cơ cấu sản xuất theo sản phẩm chủ lực sản phẩm là đặc sản của địa phương gắn với chỉ dẫn địa lý.

*Thứ hai*, tiếp tục đổi mới và phát  triển các hình thức tổ chức sản xuất, xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung; đẩy mạnh liên kết phát triển tổ hợp tác, HTX; thu hút đầu tư doanh nghiệp tư nhân; xây dựng các mô hình chuỗi; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng chuỗi siêu thị, cửa hàng tiện ích, các chợ,… để thúc đẩy tiêu thụ trong nước.

*Thứ ba*, nâng cao năng lực chế biến nông sản, bảo quản, đóng gói, bao bì, nhãn mác để nâng cao giá trị sản phẩm.

*Thứ tư*, thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng KHCN; triển khai các giải pháp tận dụng tối đa cơ hội của cách mạng công nghiệp 4.0; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

*Thứ năm*, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tiếp tục rà soát, bãi bỏ, cắt giảm thủ tục hành chính và các điều kiện kinh doanh.

*Thứ sáu*, thường xuyên tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu và quảng bá các sản phẩm nông nghiệp là thế mạnh của huyện Tiên Yên ra thị trường trong nước và thế giới.

*Thứ bảy* là áp dụng các tiêu chuẩn Việt Nam, quy chuẩn Việt Nam, tiến tới hài hòa với các quy định của các thị trường nhập khẩu khu vực và trên thế giới; tập trung xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, phát triển nhân rộng việc thực hiện cấp mã số vùng sản xuất, truy xuất nguồn gốc. Đồng thời xử lý nghiêm các hành vi gian lận làm ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa nông sản để giữ uy tín cho nông sản địa phương trên cả thị trường trong nước và quốc tế.

**4.7. Giải pháp về chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHKT, gia tăng giá trị sản xuất**

- Triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển, ứng dụng KHCN trong sản xuất và đời sống, chú trọng hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho các sản phẩm.

- Tập trung ứng dụng KHCN để phát triển sản phẩm, hàng hóa nông sản đặc trưng và các chương trình, đề tài ứng dụng gắn với các lĩnh vực có khả năng tạo đột phá về năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm.

- Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất, nuôi trồng nông, lâm, thủy sản; xử lý bảo vệ môi trường,…

- Khuyến khích đặt hàng các Trường, Vụ, Viện chuyển giao các đề tài nghiên cứu khoa học và khu vực nông nghiệp, nông thôn.

- Mở rộng đột phá về quy mô diện tích, sản lượng sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ; áp dụng hiệu quả công nghệ tiên tiến về công nghệ sau thu hoạch, chế biến và bảo quản sản phẩm,… Ứng dụng công nghệ 4.0,internet vạn vật kết nối (IoT) để giám sát và quản lý trang trại trồng trọt, chăn nuôi (gà, lợn,…) hay nuôi trồng thủy sản (tôm, thủy sản khác) của huyện Tiên Yên.

- Xây dựng các liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị các sản phẩm nông sản chủ lực, có thế mạnh và cạnh tranh của huyện Tiên Yên để gia tăng giá trị. Tập trung ưu tiên mở rộng phát triển các sản phẩm lợi thế của tỉnh và các sản phẩm đặc thù của huyện, kiên trì thực hiện đề án “*2 con, 1 cây*” với cách hiểu mới như mục tiêu Đề án đã đặt ra, định hướng theo chuỗi giá trị sản phẩm gắn với triển khai Đề án OCOP giai đoạn 2021 - 2025. Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm và đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Thu hút ít nhất 01 doanh nghiệp đầu tư chăn nuôi lợn công nghệ cao trên địa bàn huyện. Xây dựng tối thiểu 01 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung theo quy hoạch, xóa bỏ tình trạng giết mổ nhỏ lẻ; tỷ trọng gia súc và gia cầm được giết mổ tập trung công nghiệp đạt 50% vào năm 2025.

- Tăng cường ứng dụng KHKT vào sản xuất: ứng dụng KHCN sơ chế, chế biến, bảo quản rau muối dưa úp thảm,…; Chọn lọc giống gà Tiên Yên nhằm lựa chọn 2 dòng màu sắc đặc trưng để phát triển; Xây dựng chỉ dẫn địa lý đối với con gà Tiên Yên; Xây dựng bộ gen giống gà Tiên Yên; Hoàn thành công thức phối trộn thức ăn nhằm nâng cao năng suất và chất lượng gà Tiên Yên trên địa bàn toàn huyện.

- Hệ thống dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn huyện, nòng cốt là Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp và mạng lưới các đại lý dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp ở cơ sở tiếp thu chuyển giao KHCN để duy trì, phát triển bền vững sau khi dự án kết thúc.

**4.8. Giải pháp liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm**

- Xây dựng các liên kết sản xuất, chế biến và thị trường theo chuỗi giá trị khép kín đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và trường tiêu thụ sản phẩm. Tập trung ưu tiên mở rộng phát triển các sản phẩm lợi thế của tỉnh và các sản phẩm đặc thù của địa phương. Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm và đảm bảo an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu trong nước và xuất khẩu. Thực hiện hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định 98/2018 NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết 194/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 về việc ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh.

 - Trước hết cần duy trì, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của 29 HTX nông nghiệp hiện có trên địa bàn huyện theo đúng Luật HTX năm 2012. Sau đó cần rà soát, tháo gỡ các khó khăn vướng mắt trong hoạt động của các thành viên HTX, THT; kiện toàn, đổi mới HTX, THT; đào tạo huấn luyện nâng cao năng lực cho giám đốc và kế toán HTX. Từng bước nâng cao hiệu quả các HTX và THT, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống cho các thành viên HTX, THT.

 - Từng bước mở rộng, phát triển số lượng và chất lượng các HTX và THT. Đa dạng hóa các hình thức liên kết, gồm liên kết dọc-liên kết sản xuất và liên kết ngang-liên kết chuỗi giá trị. Sự đa dạng hóa hình thức liên kết, góp phần phát huy lợi thế từng địa phương, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa trên địa bàn, tạo thu nhập cao và sức cạnh tranh, nâng cao đời sống vật chất của nhân dân trên địa bàn.

- Chú trọng thu hút xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất các sản phẩm chủ lực theo quy mô sản xuất hàng hóa: Tập trung chuỗi liên kết gà Tiên Yên - sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp tỉnh; chuỗi liên kết trồng cây ăn quả; chuỗi liên kết trồng lúa chất lượng cao; chuỗi trồng Quế hữu cơ; chuỗi liên kết trồng cây ăn quả;… nhằm mục tiêu đến năm 2025 tạo nền tảng phát triển, mở rộng quy mô liên kết thúc đẩy sản xuất hàng hóa, bền vững.

- Xác định thị trường tiêu thụ gắn sản phẩm: Xác định sản phẩm phù hợp phát triển trong tỉnh, ngoài tỉnh, trong nước, xuất khẩu.

**4.9. Giải pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức**

- Phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị, xã hội trong việc thực hiện và tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân đoàn kết, tin tưởng và tích cực tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách của nhà nước, của huyện. Chủ động cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch về tình hình kinh tế - xã hội, tình hình dịch bệnh và các chủ trương, chính sách trong chỉ đạo, điều hành thông qua nhiều hình thức để nhân dân biết, giám sát và đảm bảo quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của nhân dân, đặc biệt vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn. Tăng cường tổ chức đối thoại, tiếp nhận ý kiến phản biện để tạo sự đồng thuận và phát huy sức mạnh của toàn xã hội thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của cả giai đoạn 2021 – 2025.

- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền các chế độ, chính sách khuyến khích, hỗ trợ sản xuất, vận động nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về phát triển nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa trong nền kinh tế thị trường. Vận động nhân dân xóa bỏ tập quán sản xuất lạc hậu, tích cực cải tạo đồng ruộng làm tăng độ màu mỡ của đất, liên kết phát triển kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp, giữ gìn và phát triển những sản phẩm thương hiệu của địa phương.

- Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả từ huyện đến cơ sở gắn với việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; các Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và các quy hoạch, chương trình, kế hoạch, dự án phát triển ngành nông nghiệp. Xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, nhân rộng cách chỉ đạo tốt, những mô hình hay nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra. Đổi mới nội dung, phương pháp và đa dạng hình thức tuyên truyền phù hợp với các đối tượng.

**4.10. Giải pháp về nguồn vốn đầu tư**

- Thu hút các nguồn vốn đầu tư trong sản xuất, chế biến, phát triển du lịch trên địa bàn huyện; thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ từ ngân sách để thúc đẩy phát triển.

- Tập trung thực hiện các danh mục dự án ưu tiên đầu tư (Phụ lục 1.1); Dự án đầu tư công (Phụ lục 1.4); Dự án cần (kêu gọi) thu hút đầu tư (Phụ lục 1.5);

- Tạo mọi điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu đầu tư trên địa bàn huyện và các Chương trình, Đề án, Dự án đã được phê duyệt (Phụ lục 1.6).

**4.11. Giải pháp cho phát triển du lịch sinh thái – văn hóa**

- Thành lập các HTX (hoặc ban quản lý) với đại diện là các hộ kinh doanh, chính quyền địa phương để thống nhất quản lý về sản phẩm, giá cả cũng như chất lượng và môi trường văn hóa - xã hội - tự nhiên;

- Xây dựng quy chế hoạt động du lịch sinh thái – văn hóa trong đó chú trọng tới việc bảo vệ môi trường, cảnh quan, an ninh, an toàn - trật tự xã hội, các giá trị văn hóa truyền thống và đặc biệt là việc phân chia lợi ích từ hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái – văn hóa cho người dân và chính quyền địa phương.

- Thu hút các nhà đầu tư, các tổ chức, cá nhân, nhất là các tập đoàn lớn, chuyên nghiệp, đầu tư vào phát triển du lịch trên địa bàn; trong đó ưu tiên các nhu cầu về lựa chọn vị trí, diện tích đất, hỗ trợ giải quyết nhanh các thủ tục hành chính, hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào dự án như kết nối giao thông, cấp điện, cấp thoát nước,... xem xét quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho từng dự án, tùy thuộc vào vị trí, quy mô, loại hình dự án.

- Tập trung đào tạo nguồn nhân lực phát triển du lịch, nâng cao nhận thức cho người dân về du lịch cộng đồng.

- Xúc tiến, quảng bá, mở rộng thị trường du lịch.

**5. Khái toán vốn đầu tư**

***a) Vốn ngân sách chi phát triển nông nghiệp, KHCN***:

Giai đoạn 2021- 2025: Tập trung thực hiện 16 nhiệm vụ, dự án ưu tiên sử dụng vốn ngân sách để kích cầu phát triển (theo Phụ lục số 1.1). Trong đó:

- Tổng ngân sách hỗ trợ: 35.234 triệu đồng, trong đó: Vốn ngân sách tỉnh 21.500 triệu đồng; vốn ngân sách huyện 13.734 triệu đồng.

- Phân kỳ sử dụng vốn ngân sách huyện:

+ Năm 2021: 1.200 triệu đồng;

+ Năm 2022: 4.334,3 triệu đồng;

+ Năm 2023: 4.900 triệu đồng;

+ Năm 2024: 2.100 triệu đồng.

*(Chi tiết theo phụ lục số 1.1; 1.2 đính kèm)*

***b) Đầu tư công trung hạn***:

- Quan tâm bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ đầu tư công trung hạn lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật sản xuất tại Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 23/7/2021:

- Tổng kinh phí ngân sách đầu tư: 943.500 triệu đồng.

*Trong đó:*

+ Hạng mục phê duyệt tại Nghị quyết 40/NQ-HĐND: 931.500 triệu đồng.

 + Bổ sung danh mục đầu tư công trung hạn nhiệm vụ để thí điểm xây dựng mô hình xã thông minh (xã Đồng Rui): 12.000 triệu đồng

*(Chi tiết theo Phụ lục số 1.4 đính kèm).*

**6. Hiệu quả đầu tư**

**6.1. Hiệu quả về kinh tế - xã hội**

 Đề án được triển khai sẽ tạo động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo tại các địa phương huyện Tiên Yên; nâng cao hệ số sử dụng đất đai, lao động, vốn đầu tư và hiệu quả sản xuất nông nghiệp; gia tăng giá trị sản phẩm nông sản hàng hóa; tăng thu nhập bình quân đầu người một cách bền vững, xóa hẳn chênh lệch thu nhập với các địa phương khác, nâng cao một bước tiến rõ rệt đời sống vật chất của cộng đồng dân cư; tăng tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo và sử dụng lao động đã đào tạo, tăng số hộ phi nông nghiệp và số lao động phi nông nghiệp; nâng cao chất lượng xây dựng NTM trên địa bàn.

Tạo sự chuyển biến về nhận thức trong sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, chuyển mạnh từ nền nông nghiệp truyền thống sang nền nông nghiệp hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tạo điều kiện để đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, công nghệ cao vào sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; thu hút đầu tư, đẩy mạnh hợp tác, liên kết và nâng cao hiệu quả tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp, các HTX hoạt động trong lĩnh vực đầu tư sản xuất nông nghiệp; góp phần thúc đẩy phát triển du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái-văn hóa trên địa bàn.

Giải quyết việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn, nhất là người dân ở miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, góp phần ổn định đời sống và an sinh xã hội.

Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng trưởng bình quân 9%/năm giai đoạn 2021-2025, đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đề ra.

**6.2. Hiệu quả về an ninh chính trị và quốc phòng**

Đề án thực hiện thành công sẽ có 100% thôn bản, xã của huyện Tiên Yên đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, có sản xuất nông nghiệp phát triển, đời sống kinh tế người dân được nâng cao, bộ mặt cảnh quan nông thôn khang trang, có đời sống văn hóa tinh thần văn minh, là nơi đáng sống cho tất cả mọi người dân nơi đây. Điều này dẫn đến hệ quả chấm dứt tình trạng dân di cư tự do, lao động tự do qua biên giới Việt Trung, thanh niên nông thôn di cư rời bỏ thôn bản đi làm ở các khu công nghiệp, gây nên những bất bình ổn xã hội như phân bố nguồn nhân lực, tổ chức lực lượng sản xuất, phát triển cơ sở hạ tầng xã hội, làm mất cân bằng trong phát triển, do nguồn lực (nhất là nhân lực) ở nơi đi bị rút dần dẫn đến tình trạng thiếu hụt nhân lực ở khu vực nông thôn, miền núi. Thay vào đó, bà con nhân dân yên tâm sản xuất, gắn bó với bản làng, phát triển KTXH, giữ gìn và bảo vệ an ninh chính trị quốc gia.

**6.3. Hiệu quả về môi trường**

 Sản xuất nông nghiệp hướng tới một nền nông nghiệp xanh, sạch và bền vững là một trong những phương thức hữu hiệu, hạn chế đến mức thấp nhất các yếu tố nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; khai thác hiệu quả tài nguyên; giảm thiểu ô nhiễm thông qua áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến và bền vững vào sản xuất; hạn chế dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; cải thiện môi trường sinh thái góp phần ổn định và nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.

 Tạo vành đai xanh ven biển với cảnh quan môi trường sinh thái bền vững, chống xói mòn, rửa trôi đất, tăng độ che phủ, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bảo vệ độ phì nhiêu đất, giữ nguồn nước, điều hòa nước, góp phần hạn chế biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan.

 Xây dựng các mô hình du lịch văn hóa-sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch nông nghiệp. Giảm thiểu được tác động tiêu cực đến môi trường và con người từ việc quản lý, ngăn chặn thuốc bảo vệ thực vật không rõ nguồn gốc, ngoài danh mục, góp phần thích ứng biến đổi khí hậu.

**7. Tổ chức thực hiện**

**7.1. Đối với các phòng, trung tâm trong huyện Tiên Yên**

***7.1.1. Phòng Nông nghiệp và PTNT (cơ quan thường trực) và Trung tâm dịch vụ nông nghiệp***

- Xây dựng kế hoạch giai đoạn, kế hoạch hàng năm triển khai thực hiện Đề án.

- Chủ trì tổng hợp tiến độ, kết quả thực hiện Đề án định kỳ hàng năm. Kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc báo cáo cấp có thẩm quyền xin ý kiến chỉ đạo.

- Triển khai các dự án thành phần theo phân công là đơn vị chủ trì tại phụ lục số 1.1 đính kèm.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát kết quả, tiến độ triển khai thực hiện Đề án, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền chỉ đạo.

***7.1.2. Phòng Tài chính - Kế hoạch***

- Trên cơ sở Đề án được phê duyệt, hàng năm tham mưu báo cáo huyện bố trí kinh phí triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành.

- Tham mưu trình bổ sung danh mụcđầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để thực hiện Đề án các nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn ngân sách huyện quản lý. Trình HĐND huyện phê chuẩn, điều chỉnh, bổ sung danh mục dự kiến đầu tư công trung hạn cho Đề án này theo Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành khác.

- Chủ trì phối hợp với Đơn vị chủ trì Phòng Nông nghiệp và PTNT hàng năm kiểm tra việc sử dụng vốn ngân sách trong thực hiện Đề án.

***7.1.3. Phòng Tài nguyên và Môi trường***

Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT, UBND các xã, thị trấn bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo hướng tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư vào nông nghiệp; hướng dẫn chuyển đổi mục địch sử dụng đất; quản lý, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đáp ứng nhu cầu phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện, kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc của địa phương, các chủ thể thực hiện dự án theo thẩm quyền.

***7.1.4. Phòng Kinh tế - Hạ tầng***

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh các dự án thuộc lĩnh vực quản lý, đáp ứng theo yêu cầu thực tiễn các địa phương, kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc của địa phương, các chủ thể thực hiện dự án theo thẩm quyền.

- Triển khai công tác công khai quy hoạch; quản lý quy hoạch trên địa bàn.

- Thực hiện các chương trình, dự án theo phân công là đơn vị chủ trì tại phụ lục số 1.1 đính kèm.

***7.1.5. Phòng Văn hóa & Thông tin, Trung tâm Truyền thông & Văn hóa***

Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT, UBND các xã, thị trấn xây dựng, thẩm định và thực hiện các dự án thành phần về làng thông minh, du lịch sinh thái-văn hóa thiết yếu phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn (theo Phụ lục số 1.1 đính kèm); rà soát, bổ sung, điều chỉnh các dự án thuộc lĩnh vực quản lý, đáp ứng theo yêu cầu thực tiễn các địa phương, kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc của địa phương, các chủ thể thực hiện dự án theo thẩm quyền.

**7.2. Đối với UBND các xã, thị trấn**

- Xây dựng kế hoạch giai đoạn, kế hoạch hàng năm để triển khai thực hiện hiệu quả Đề án.

- Thành lập Ban chỉ đạo (BCĐ) và tổ giúp việc các xã gắn với các chương, dự án khác trên địa bàn. Căn cứ kế hoạch hàng năm được tỉnh giao, cân đối lồng ghép các nguồn vốn đầu tư để ưu tiên tập trung đầu tư cho các xã; chỉ đạo và đôn đốc kiểm tra, đồng thời báo cáo về UBND huyện theo quy định;

- Chịu trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các dự án thành phần được giao thực hiện trên địa bàn đảm bảo tiến độ đề ra, đồng thời báo cáo kết quả theo quy định.

**7.3. Các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức KHCN, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan lĩnh vực nông lâm nghiệp - thủy sản**

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp chặt chẽ với Phòng Nông nghiệp và PTNT, các phòng, trung tâm liên quan, UBND các xã, thị trấn chỉ đạo, triển khai thực hiện Đề án. Chịu trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các dự án thành phần được giao thực hiện trên địa bàn đảm bảo tiến độ đề ra, đồng thời báo cáo kết quả theo quy định.

**8. Kiến nghị**

**8.1. Đối với HĐND và UBND tỉnh Quảng Ninh**

1. Cho phép huyện Tiên Yên áp dụng chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp bền vững đến năm 2025, tầm nhìn 2030 theo Nghị quyết số 337/2021/NQ-HĐND ngày 24/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về quy định một số chính sách đặc thù để khuyến khích phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh để lập Đề án phát triển rừng thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TU ngày 28/11/2029 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh để huyện Tiên Yên có thể triển khai thực hiện các dự án lâm nghiệp.

2. Xây dựng các mô hình xã đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu gắn tiêu chuẩn xã thông minh.

3. Chỉ đạo các sở, ngành của tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở Đề án được phê duyệt; lồng ghép, ưu tiên các nguồn vốn do sở, ngành quản lý để đầu tư thực hiện các nhiệm vụ trong tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn huyện Tiên Yên.

**8.2. Các Vụ, Viện nghiên cứu, Trường Đại học**

 Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp chặt chẽ với UBND huyện Tiên Yên, triển khai thực hiện các dự án thành phần. Chịu trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các dự án thành phần được giao thực hiện trên địa bàn đảm bảo tiến độ đề ra, đồng thời báo cáo kết quả theo quy định.|.

1. Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất huyện Tiên Yên giai đoạn 2021-2030 [↑](#footnote-ref-1)